KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – BÙI BÁ MẠNH

Vở bài tập

TOÁN 2

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Vở bài tập Toán 2 được biên soạn dành riêng cho các em, giúp các em củng cố, hoàn thiện nội dung đã học trong sách giáo khoa Toán 2.

Vở bài tập Toán 2 chủ yếu gồm các bài luyện tập, thực hành có cùng nội dung, mức độ như các bài tập trong sách giáo khoa Toán 2, chỉ khác về hình thức thể hiện và số liệu. Cách làm các bài tập trong vở này cũng tương tự như cách làm các bài tập trong sách giáo khoa. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực học tập toán và giúp các em cảm nhận được niềm vui học toán, **Vở bài tập Toán 2** còn giới thiệu một số dạng bài tập kiểu mới.

Vì vậy, các em có thể làm bài ở vở này trong thực hành, luyện tập, ôn tập hoặc khi tự học.

Hi vọng cuốn vở này sẽ là người bạn đồng hành gắn bó với các em trong suốt năm học. Chúc các em học tập chăm chỉ và thành công nhé!

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

Trang

Bài 1. Ôn tập các số đến 100 5
Bài 2. Tia số. Số liền trước, số liền sau 10
Bài 3. Các thành phần của phép cộng, phép trừ 13
Bài 4. Hơn, kém nhau bao nhiêu 18
Bài 5. Ôn tập phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 22
Bài 6. Luyện tập chung 26
Bài 7. Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20 29
Bài 8. Bảng cộng (qua 10) 35
Bài 9. Bài toán về thêm, bớt một số đơn vị 38
Bài 10. Luyện tập chung 40
Bài 11. Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20 43
Bài 12. Bảng trừ (qua 10) 49
Bài 13. Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị 51
Bài 14. Luyện tập chung 53
Bài 15. Ki-lô-gam 57
Bài 16. Lít 61
Bài 17. Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị ki-lô-gam, lít 64
Bài 18. Luyện tập chung 67
Bài 19. Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số 69
Bài 20. Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số 72
Bài 21. Luyện tập chung 77
Bài 22. Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một chữ số 80

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 23. Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số..... 85
Bài 24. Luyện tập chung..... 91
Bài 25. Điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng..... 94
Bài 26. Đường gấp khúc. Hình tứ giác..... 97
Bài 27. Thực hành gấp, cắt, ghép, xếp hình. Vẽ đoạn thẳng..... 100
Bài 28. Luyện tập chung..... 104
Bài 29. Ngày – giờ, giờ – phút..... 106
Bài 30. Ngày – tháng..... 110
Bài 31. Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch..... 114
Bài 32. Luyện tập chung..... 118
Bài 33. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20, 100..... 120
Bài 34. Ôn tập hình phẳng..... 126
Bài 35. Ôn tập đo lường..... 129
Bài 36. Ôn tập chung..... 132

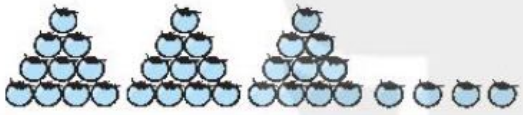
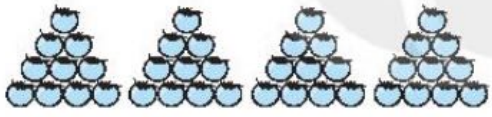
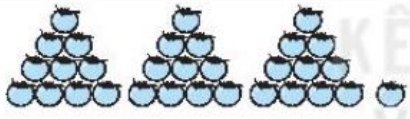
KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 1

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100

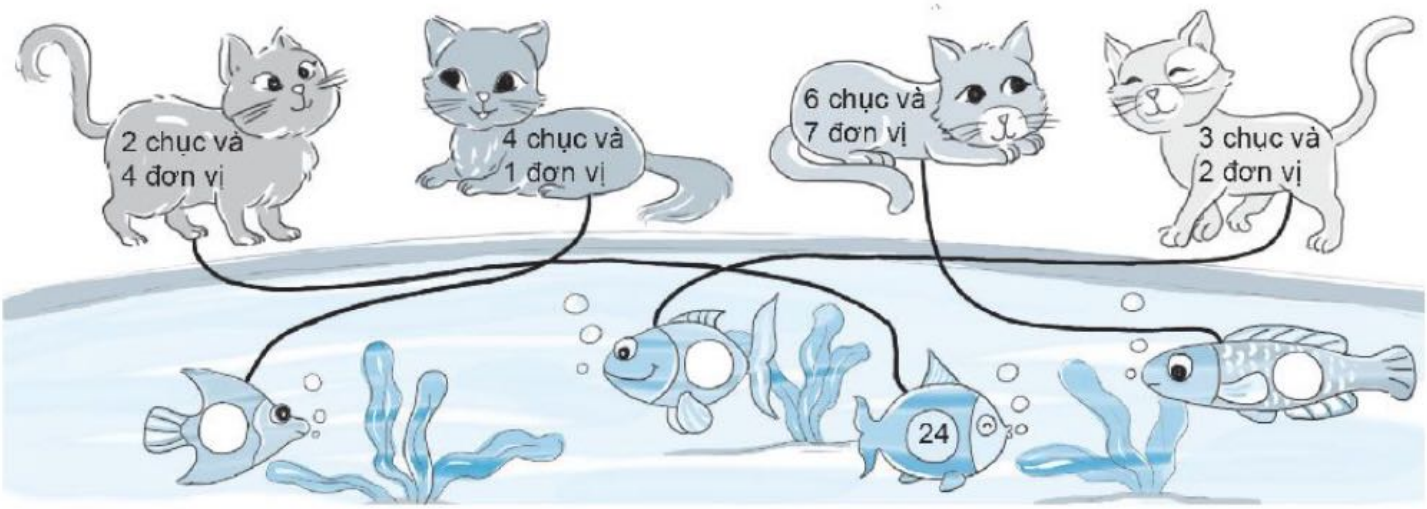
Tiết 1

1 Viết (theo mẫu).

	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	2	5	25	hai mươi lăm
				
				
				

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

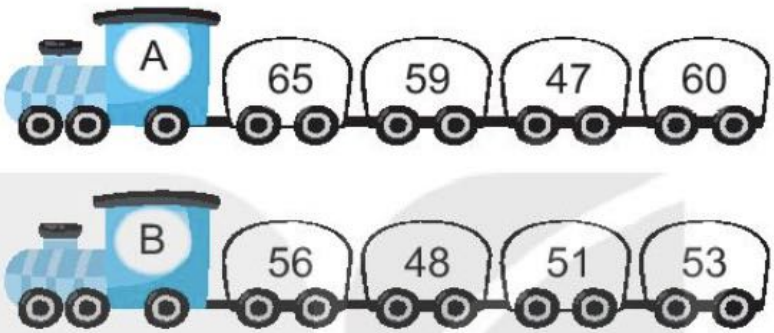
2 Viết số thích hợp vào con cá mà mèo câu được (theo mẫu).



3 Viết vào ô trống (theo mẫu).

Số gồm	Viết số	Đọc số
6 chục và 4 đơn vị	64	sáu mươi tư
5 chục và 5 đơn vị		
	82	
		chín mươi mốt

4



a) Tô màu vàng vào các toa của đoàn tàu A ghi số bé hơn 60.

b) Ở đoàn tàu B, tô màu đỏ vào toa ghi số lớn nhất, màu xanh vào toa ghi số bé nhất.

c) Viết tiếp vào chỗ chấm.

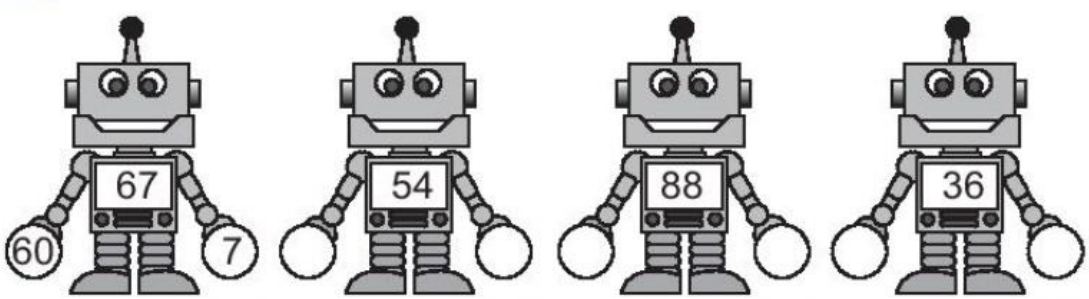
Ở cả hai đoàn tàu, những số vừa bé hơn 60 vừa lớn hơn 50 là:

.....

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 2

1 Số ?



67 = 60 + 7 54 = ☐ + ☐ 88 = ☐ + ☐ 36 = ☐ + ☐

2 

Viết các số ghi trên mỗi chiếc giày theo thứ tự:

Từ bé đến lớn: .....

Từ lớn đến bé: .....

3 Số ?

Số	Số chục	Số đơn vị
47	4	7
62		
77		
80		
89		

4 Viết tất cả các số có hai chữ số lập được từ ba thẻ số bên.



.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

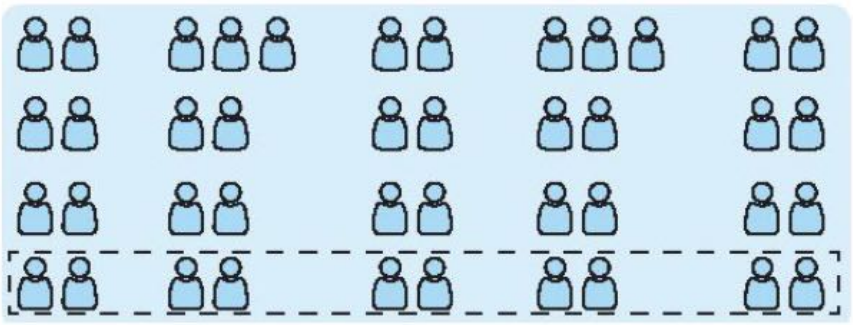
Tiết 3

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Dưới đây là sơ đồ ghế của một phòng họp, mỗi chỉ một ghế.

– Em ước lượng: Khoảng ..... chục ghế.

– Em đếm được: ..... ghế.



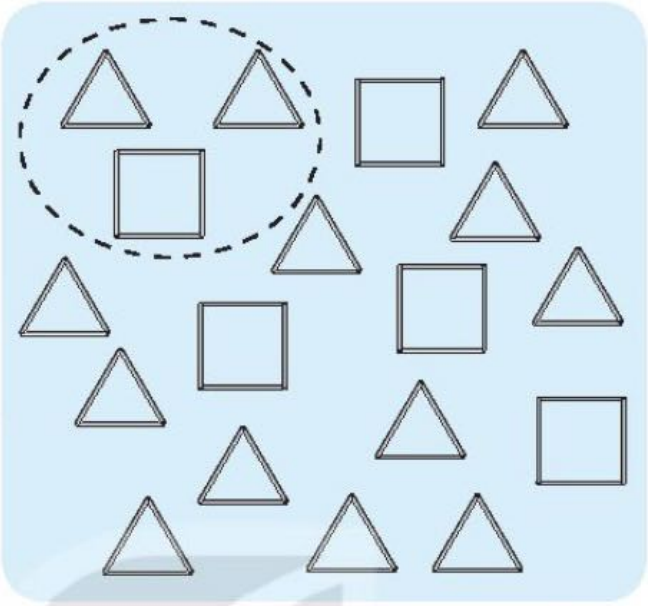
2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Hình vẽ bên gồm các hình vuông và hình tam giác được xếp bởi các que tính.

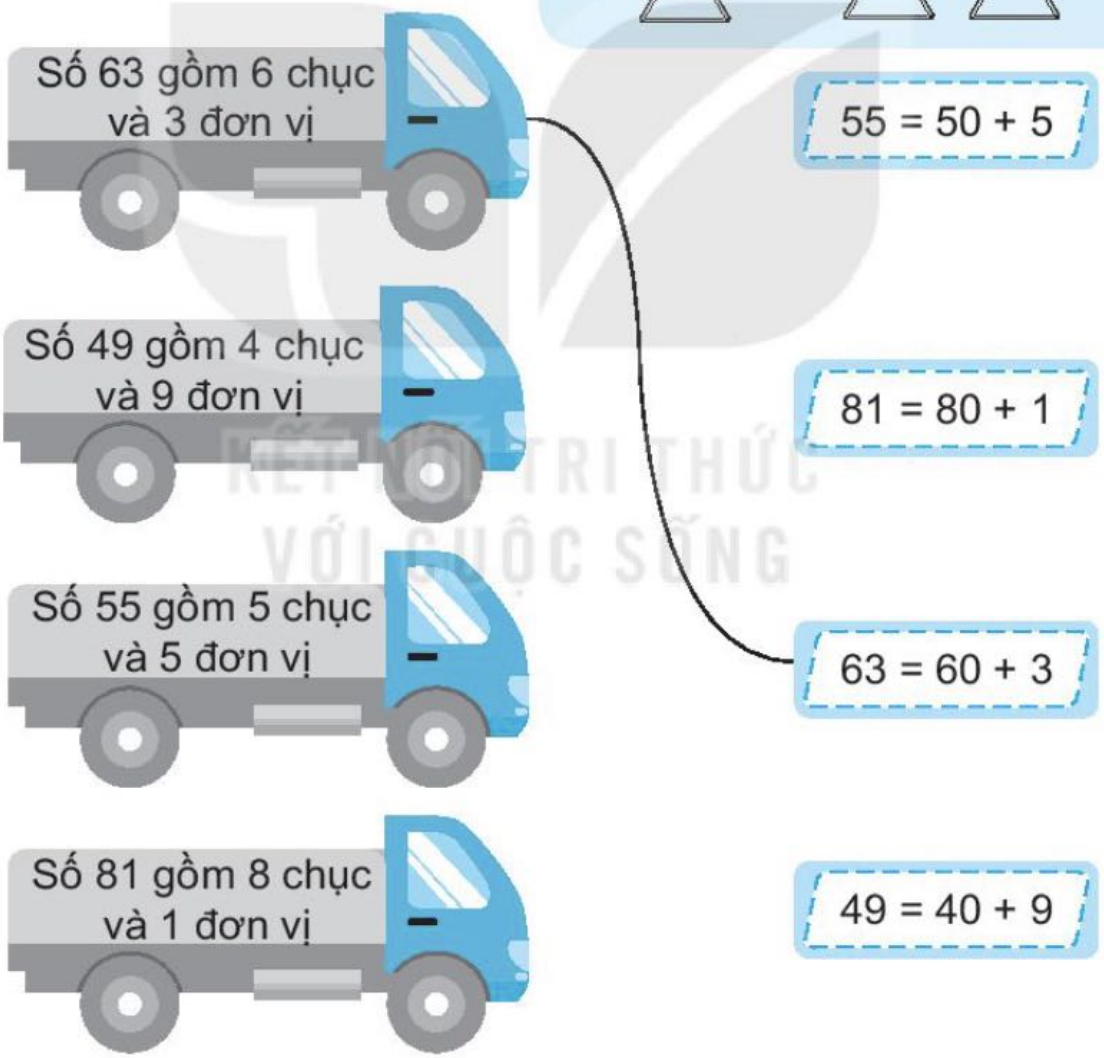
– Em ước lượng:

Khoảng ..... chục que tính.

– Em đếm được: ..... que tính.



3 Nối (theo mẫu).



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 a) Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu).

Việt đã ghép mỗi miếng bìa (E, G, H, K) vào một ô trống (A, B, C, D) để được bảng các số từ 1 đến 100.

Việt ghép như sau:

– Ghép E vào C.

– Ghép ..... vào .....

– Ghép ..... vào .....

– Ghép ..... vào .....

E

63	64
73	74

G

27	28
37	38

H

23	24
33	34

K

67	68
77	78

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	A		25	26	B		29	30
31	32			35	36			39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	C		65	66	D		69	70
71	72			75	76			79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

– Trong các số ở miếng bìa E, số bé nhất là .....

– Trong các số ở miếng bìa G, số bé nhất là .....

– Trong các số ở miếng bìa H, số bé nhất là .....

– Trong các số ở miếng bìa K, số bé nhất là .....

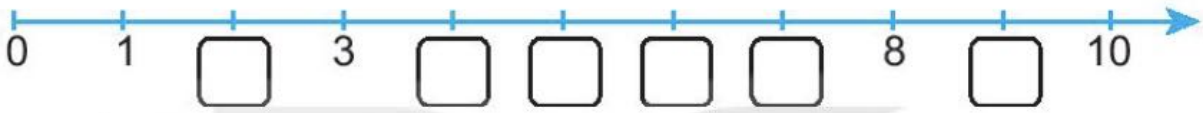
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 2

TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC, SỐ LIỀN SAU

Tiết 1

1 a) Số ?

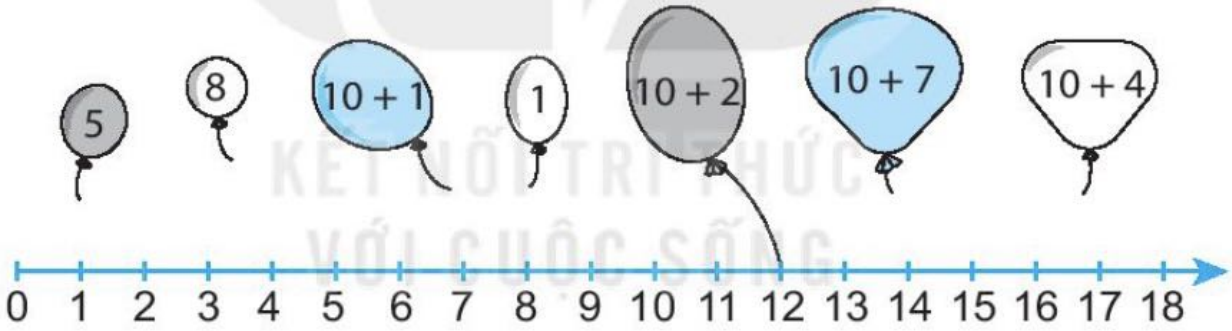


b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Quan sát tia số ở câu a, các số lớn hơn 3 và bé hơn 10 là:

.....

2 Nối (theo mẫu).



3 a) Đ, S ?

- Số liền trước của 18 là 17. ☐
- Số liền sau của 17 là 18. ☐
- Số liền trước của 0 là 1. ☐
- Số liền sau của 0 là 1. ☐

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

3 < ..... < 5

Tiết 2

1 Quan sát tia số dưới đây rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



a) Các số lớn hơn 36 và bé hơn 41 là: .....

b) Các số có số chục bằng 3 là: .....

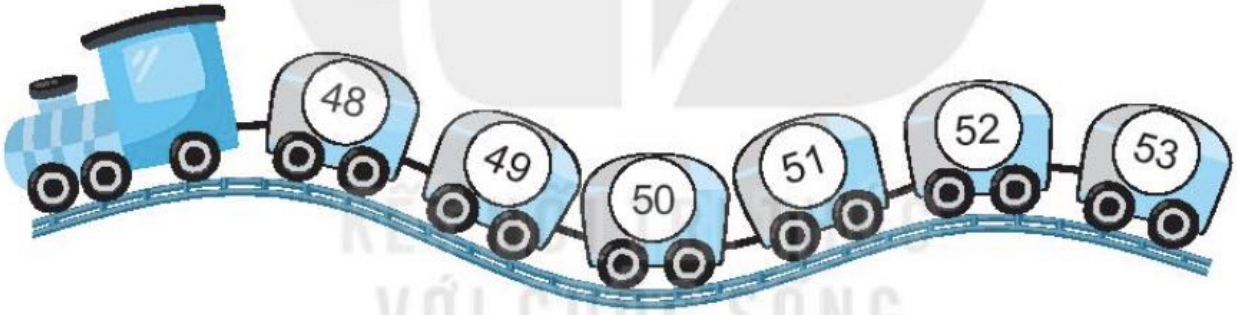
2 Viết tất cả các số có hai chữ số lập được từ ba thẻ số bên.



.....

.....

3 Số ?



a) Toa liền sau toa (48) là toa ◯.

Toa liền trước toa (53) là toa ◯.

b) Toa liền trước toa (50) là toa ◯.

Toa liền sau toa (50) là toa ◯.

c) Ở giữa toa (48) và toa (50) là toa ◯.

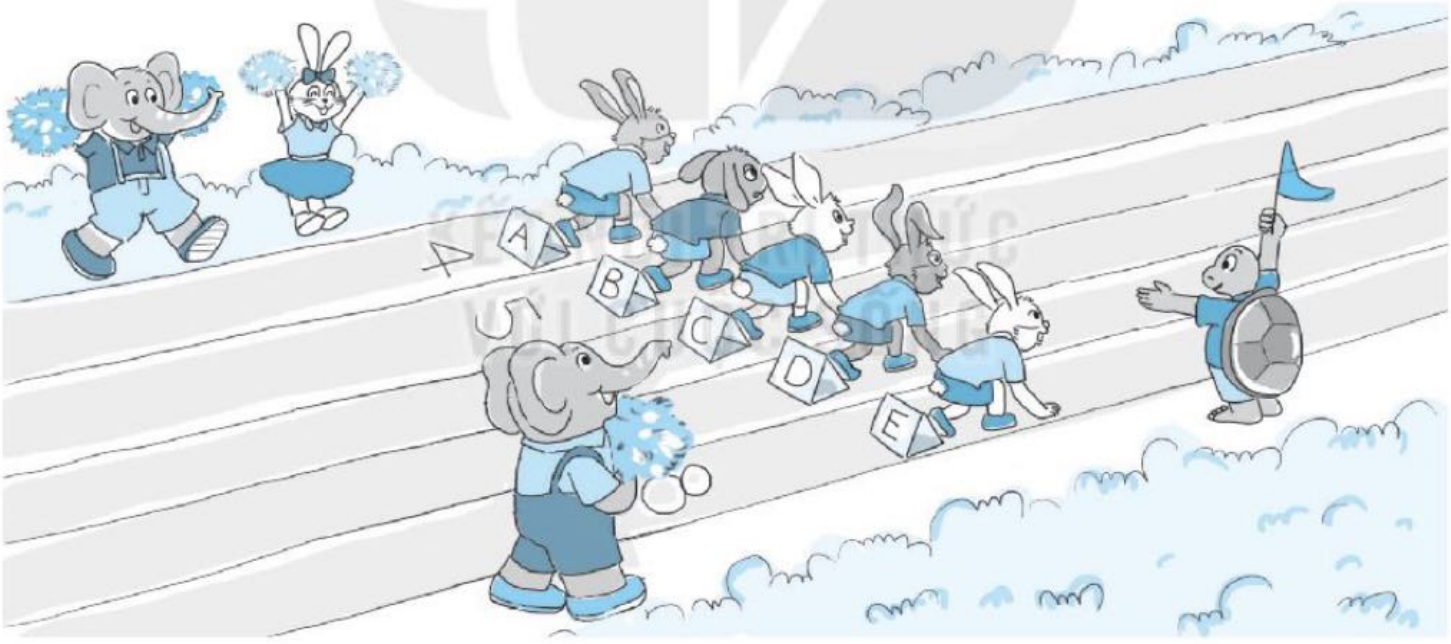
Ở giữa toa (49) và toa (52) là toa ◯ và toa ◯.

4 Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
44	45	46
	48	
	51	
	54	

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Các chú thỏ A, B, C, D, E đang chuẩn bị chạy thi. Các làn chạy được đánh số lần lượt từ 4 đến 8.



– Thỏ C chạy ở làn số .....

– Thỏ D chạy ở làn số .....

BÀI 3 CÁC THÀNH PHẦN CỦA PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

Tiết 1

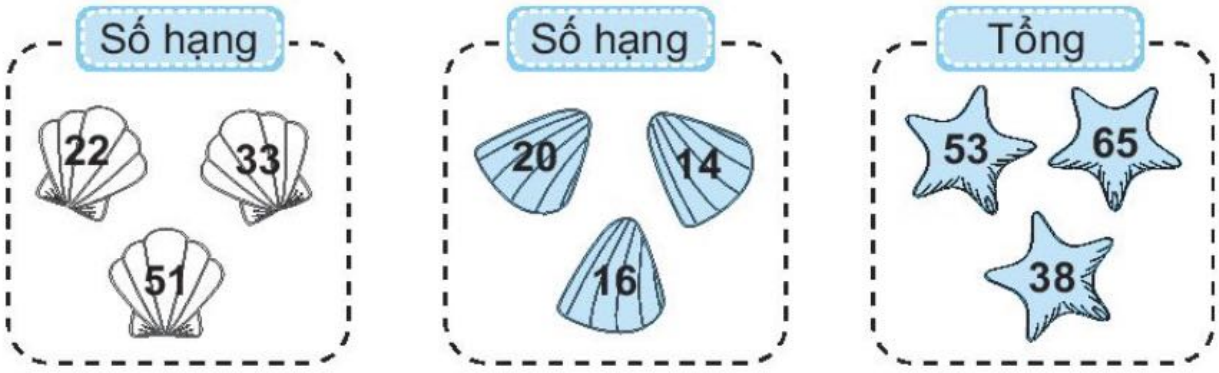
1 Số ?

Số hạng	32	40	25	80
Số hạng	4	30	61	7
Tổng	36			

2 Tính tổng rồi nối với kết quả tương ứng (theo mẫu).



3 Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu).



Từ các số hạng và tổng, lập được các phép cộng thích hợp là:

33 + 20 = 53; .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Tô màu hai thẻ ghi hai số có tổng bằng 34.

14	24	10

Tiết 2

1 Số ?

Phép trừ	40 – 10 = 30	76 – 25 = 51	64 – 32 = 32
Số bị trừ	40		
Số trừ	10		
Hiệu	30		

2 Số ?

Số bị trừ	70	36	49	77
Số trừ	20	11	32	55
Hiệu	50			

3 Nối (theo mẫu).

Số bị trừ: 60, số trừ: 40	Hiệu là 10
Số bị trừ: 73, số trừ: 21	Hiệu là 20
Số bị trừ: 47, số trừ: 37	Hiệu là 42
Số bị trừ: 58, số trừ: 16	Hiệu là 52

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Có 16 con chim đậu trên cành, sau đó có 5 con bay đi. Hỏi trên cành còn lại bao nhiêu con chim?

..... – ..... = ...

Trên cành còn lại ..... con chim.

Tiết 3

1 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu).

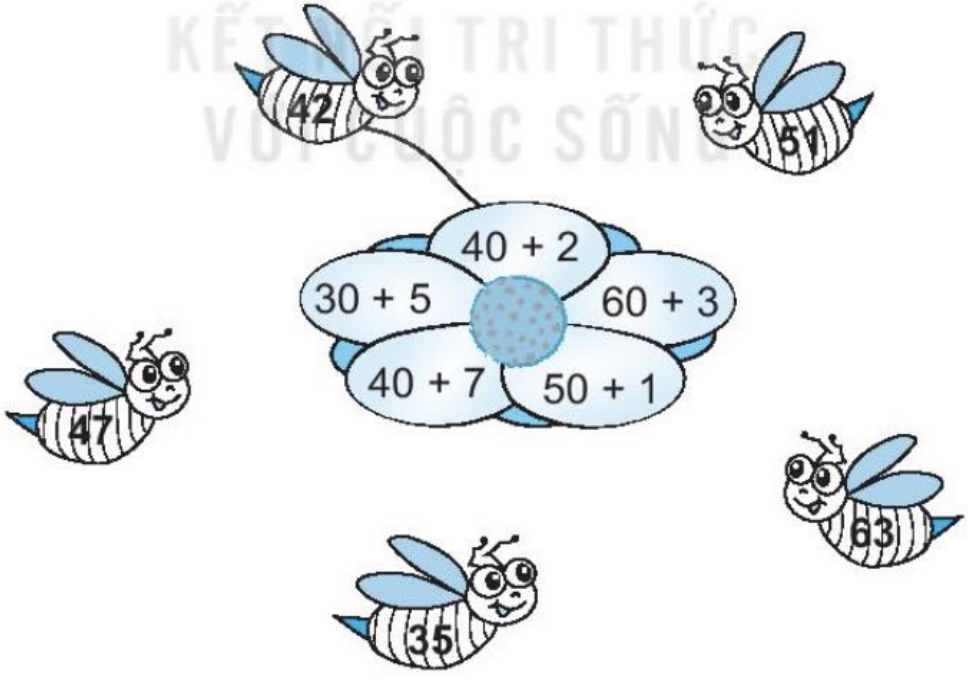
Mẫu: 45 = 40 + 5

81 = ... + ...

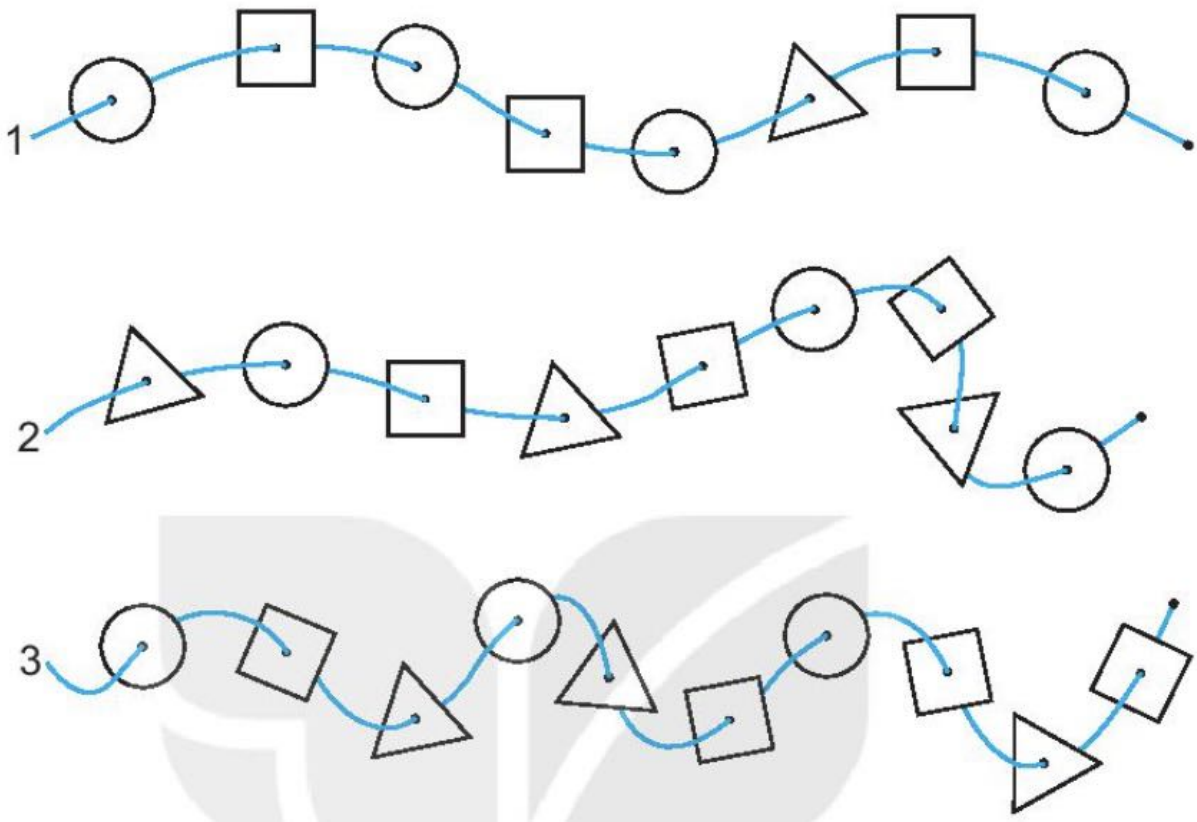
76 = ... + 6

..... = 50 + 3

b) Nối (theo mẫu).



2



a) Quan sát ba dây ở trên rồi tô màu đỏ vào các hình tròn, màu vàng vào các hình vuông, màu xanh vào các hình tam giác.

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- Tổng số các hình có ở dây 2 và dây 3 là:

..... + ... = ... (hình)

- Hiệu số các hình màu đỏ và các hình màu xanh ở cả ba dây là:

..... – ..... = ... (hình)

c) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong cả ba dây, hình nào có ít nhất?

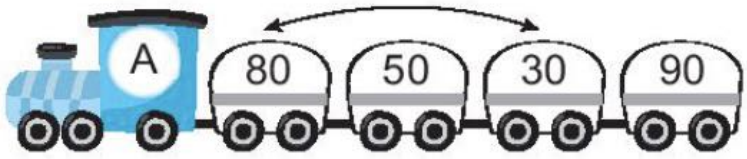
A. Hình tròn

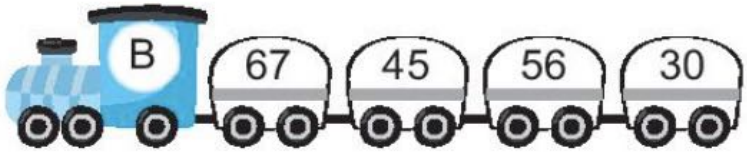
B. Hình vuông

C. Hình tam giác

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Trên mỗi toa tàu ghi một số.



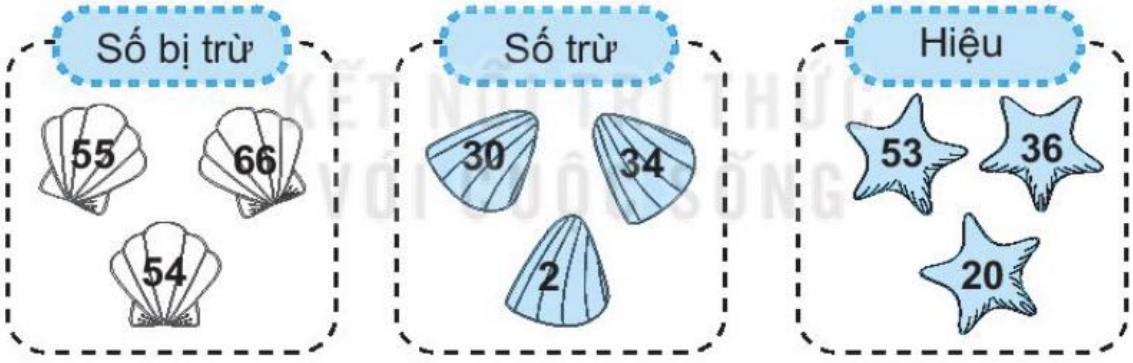


a) Đổi chỗ hai toa của đoàn tàu B để được các số xếp theo thứ tự từ bé đến lớn bằng cách vẽ mũi tên (theo mẫu).

b) Tính hiệu của số lớn nhất ở đoàn tàu A và số bé nhất ở đoàn tàu B.

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu).



Từ số bị trừ, số trừ và hiệu, lập được các phép trừ thích hợp là:

55 – 2 = 53;.....

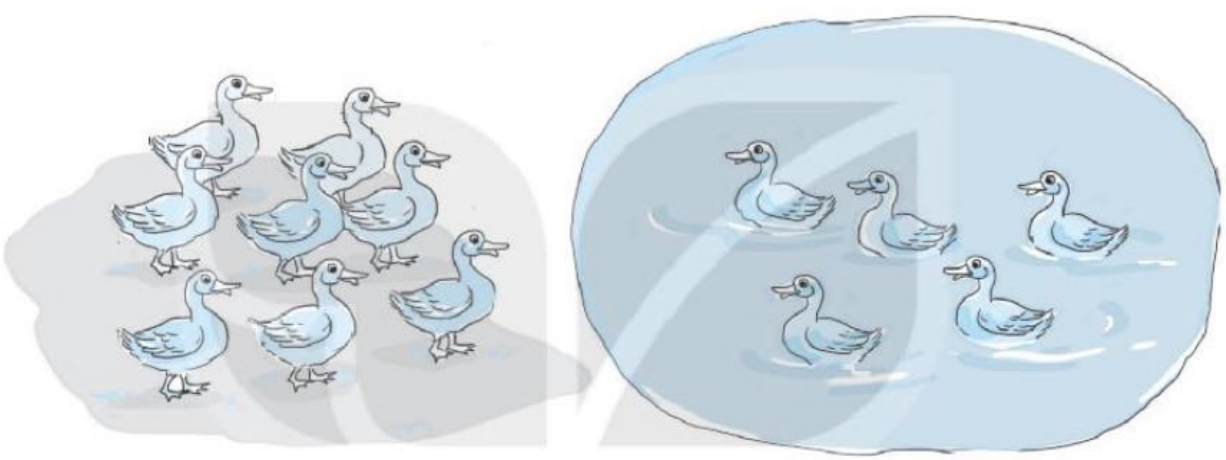
BÀI 4

HƠN, KÉM NHAU BAO NHIÊU

Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Số vịt ở trên bờ hơn số vịt ở dưới ao bao nhiêu con?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài giải

Số vịt ở trên bờ hơn số vịt ở dưới ao là:

..... – ..... = ... (con)

Đáp số: ..... con vịt.

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cây bưởi có 14 quả. Rô-bốt đã hái 4 quả. Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu quả bưởi?

Bài giải

Số bưởi còn lại trên cây là:

..... – ..... = ... (quả)

Đáp số: ..... quả bưởi.

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rùa nâu 16 tuổi, rùa vàng 12 tuổi, rùa xám 10 tuổi.

a) Rùa vàng hơn rùa xám mấy tuổi?

Bài giải

Rùa vàng hơn rùa xám số tuổi là:

..... – ..... = ... (tuổi)

Đáp số: ..... tuổi.

b) Rùa vàng kém rùa nâu mấy tuổi?

Bài giải

Rùa vàng kém rùa nâu số tuổi là:

..... – ..... = ... (tuổi)

Đáp số: ..... tuổi.

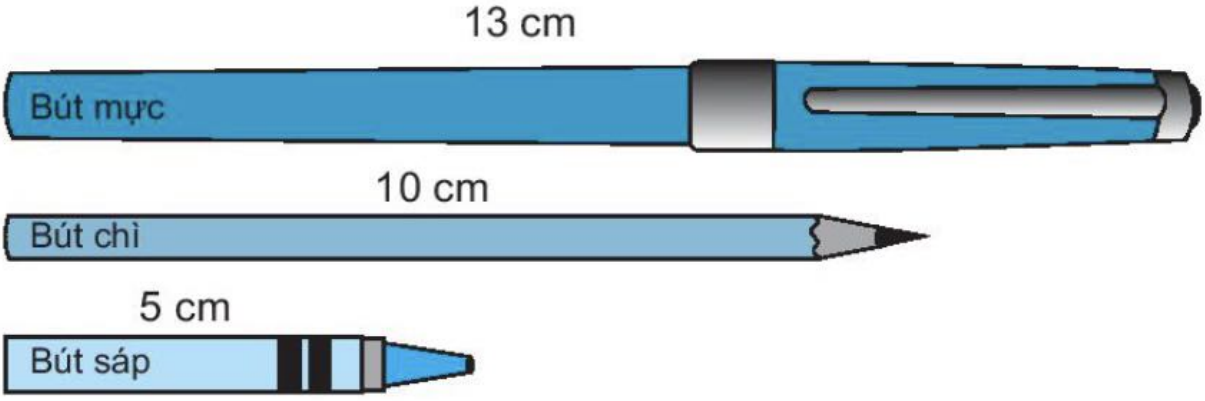
4 Có 35 bông hoa hồng và 20 bông hoa cúc. Hỏi hoa hồng hơn hoa cúc bao nhiêu bông?

Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 2

1



a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

– Bút nào dài nhất?

A. Bút mực B. Bút sáp C. Bút chì

– Bút nào ngắn nhất?

A. Bút mực B. Bút sáp C. Bút chì

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

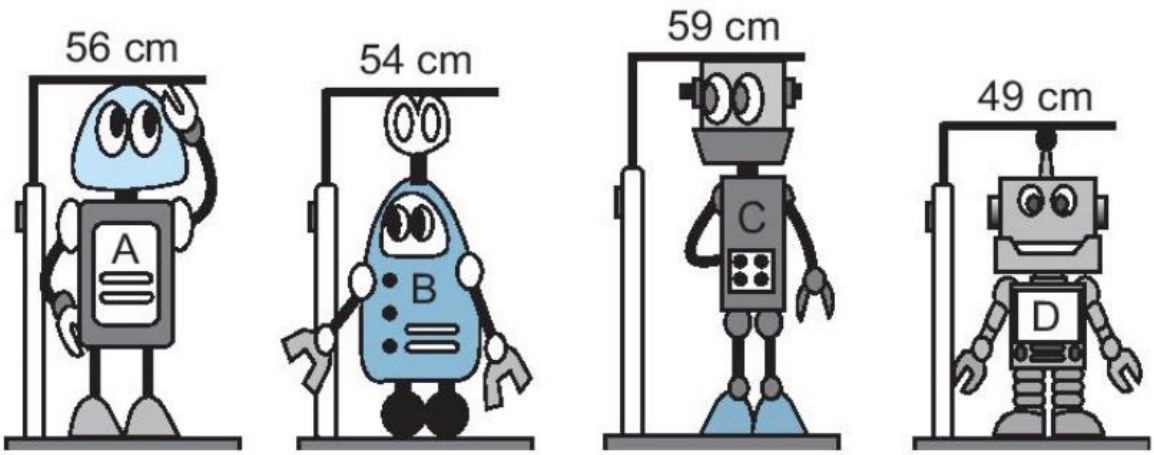
– Bút mực dài hơn bút chì mấy xăng-ti-mét?

..... cm – ..... cm = ... cm

– Bút sáp ngắn hơn bút chì mấy xăng-ti-mét?

..... cm – ..... cm = ... cm

2 Bốn bạn rô-bốt rủ nhau đo chiều cao.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

– Rô-bốt C cao hơn rô-bốt B bao nhiêu xăng-ti-mét?

..... cm – ..... cm = ... cm

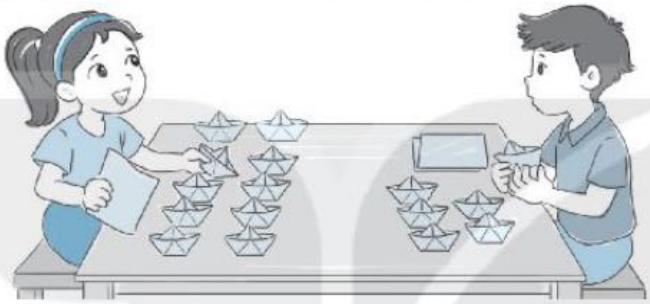
– Rô-bốt D thấp hơn rô-bốt C bao nhiêu xăng-ti-mét?

..... cm – ..... cm = ... cm

b) Viết tên các rô-bốt theo thứ tự từ thấp nhất đến cao nhất.

D; .....

3 Mai và Nam gấp được các thuyền giấy như hình dưới đây.



a) Nam gấp được kém Mai mấy cái thuyền?

Bài giải

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mai cần cho Nam mấy cái thuyền để số thuyền của hai bạn bằng nhau?

A. 4 cái thuyền B. 3 cái thuyền C. 2 cái thuyền

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bút đỏ dài hơn bút vàng 2 cm, bút vàng dài hơn bút xanh 3 cm. Hỏi bút đỏ dài hơn bút xanh mấy xăng-ti-mét?

A. 2 cm B. 3 cm C. 5 cm

BÀI 5 ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 100

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

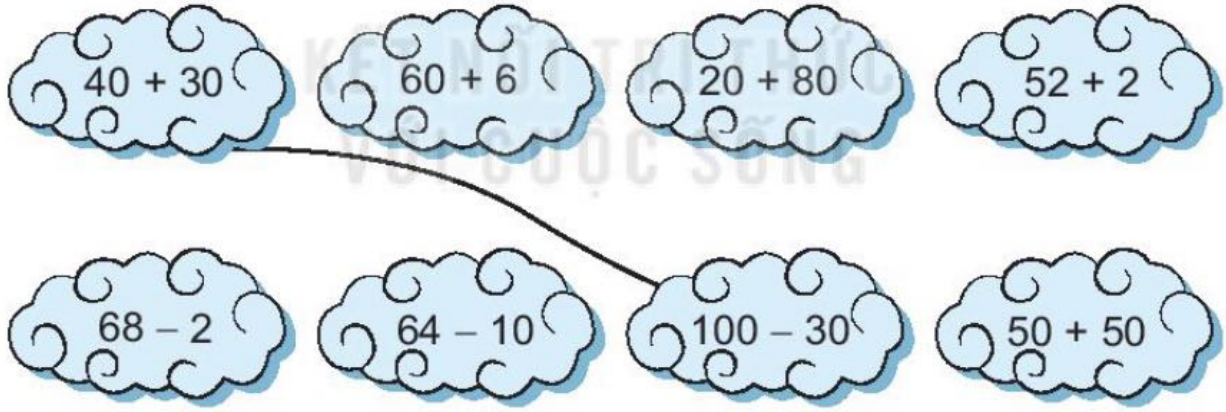
a) 40 + 60 = ... 30 + 70 = ... 90 + 10 = ...

b) 100 – 40 = ... 100 – 70 = ... 100 – 80 = ...

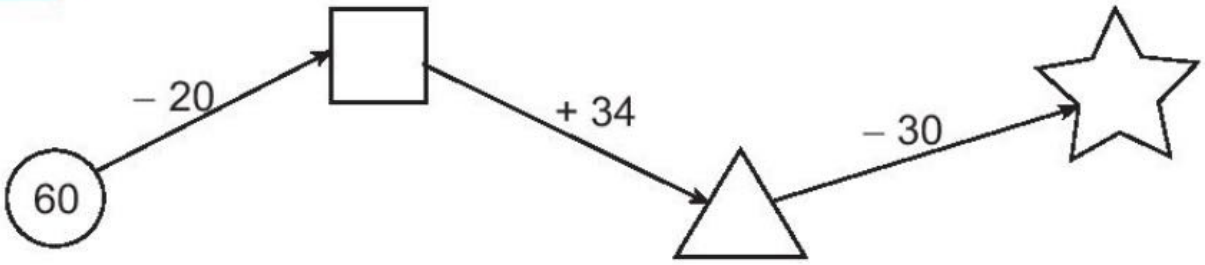
2 Đặt tính rồi tính.

52 + 6	24 + 73	88 – 43
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

3 a) Nối hai phép tính có cùng kết quả (theo mẫu).



b) Số ?



4 Đầu năm học, lớp 2A có 31 học sinh. Đến đầu học kì 2, lớp 2A có 4 học sinh chuyển đến. Hỏi khi đó lớp 2A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Bài giải

5 **>; <; =** ?

a) 60 + 30 ☐ 100

100 – 50 ☐ 40

b) 50 + 20 ☐ 20 + 50

40 + 40 ☐ 100 – 10

Tiết 2

1 **Đ, S** ?

a) $\begin{array}{r} 53 \\ +\ 5 \\ \hline 58 \end{array}$ ☐

b) $\begin{array}{r} 84 \\ -\ 3 \\ \hline 54 \end{array}$ ☐

c) $\begin{array}{r} 45 \\ +\ 32 \\ \hline 77 \end{array}$ ☐

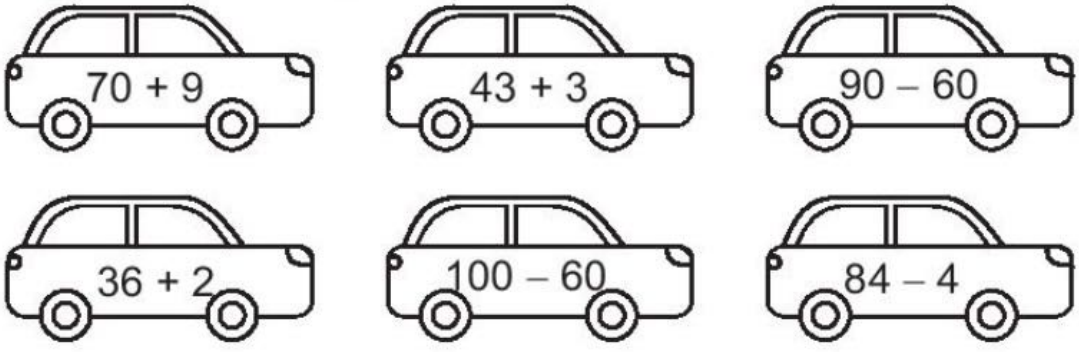
d) $\begin{array}{r} 98 \\ -\ 67 \\ \hline 31 \end{array}$ ☐

2 Tính.

a) 50 + 8 = ... 35 – 5 = ... 4 + 70 = ...

b) 27 + 40 = ... 86 – 30 = ... 73 – 23 = ...

3 Tô màu đỏ vào những ô tô ghi phép tính có kết quả bé hơn 40, màu xanh vào những ô tô ghi phép tính có kết quả lớn hơn 70.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

a)
$$\begin{array}{r} 4\ 5 \\ +\ 3\ \square \\ \hline \square\ 8 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} \square\ 9 \\ -\ 2\ 7 \\ \hline 5\ \square \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} \square\ 6 \\ +\ 4\ \square \\ \hline 7\ 9 \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r} 8\ \square \\ -\ \square\ 5 \\ \hline 4\ 1 \end{array}$$

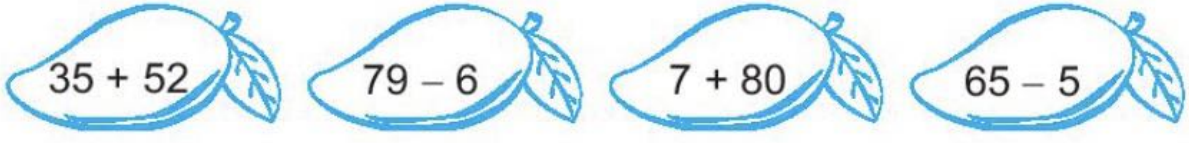
5 Nam có 37 viên bi màu xanh và màu đỏ, trong đó có 13 viên bi màu xanh. Hỏi Nam có bao nhiêu viên bi màu đỏ?

Bài giải

Tiết 3

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1 a) Tô màu vàng vào những quả xoài ghi phép tính có cùng kết quả.



b) Tô màu xanh vào quả cam ghi phép tính có kết quả lớn nhất.



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 70 + ... = 100

b) 100 – 60 = ...

c) 90 – ..... = 80

d) ..... + 60 = 100

3 Tính.

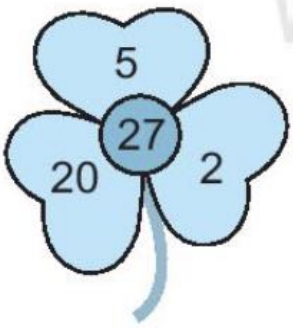
a) 25 + 42 – 30 = ...

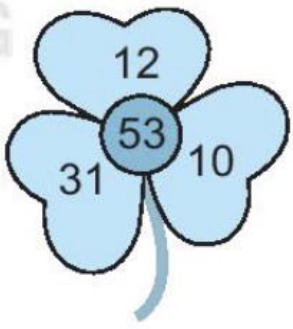
b) 89 – 57 + 46 = ...

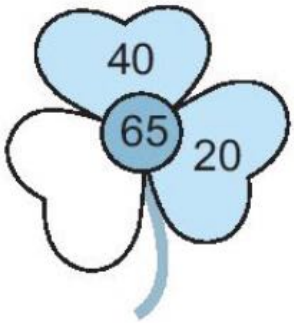
4 Một ô tô có 45 ghế ngồi cho hành khách, trong đó có 31 ghế đã có hành khách ngồi. Hỏi trên ô tô còn bao nhiêu ghế trống?

Bài giải

5 Viết số thích hợp vào chỗ trống.







KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

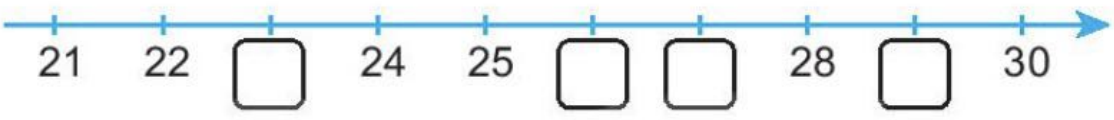
BÀI 6

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Số ?

a)



b)



2 a) Viết số thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: 45 = 40 + 5

56 = ... 64 = ... 42 = ...

87 = ... 29 = ... 77 = ...

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

55 = 50 + ... 23 = ... + 3

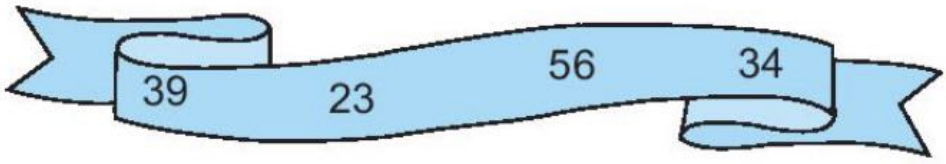
97 = ... + 7 48 = 40 + ...

3 Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
29	30	31
	59	
	66	
	87	

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Các số trên viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: .....

5 Trong vườn có 37 cây cam và 32 cây chanh. Hỏi số cây cam hơn số cây chanh bao nhiêu cây?

Bài giải

Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Tổng của 43 và 5 là:

A. 48 B. 84 C. 47

b) Hiệu của 89 và 54 là:

A. 34 B. 35 C. 53

c) Số liền trước của số lớn nhất có hai chữ số là:

A. 91 B. 100 C. 98

d) Số liền sau của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là:

A. 91 B. 89 C. 100

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho ba tấm thẻ số như hình dưới đây:



a) Ghép hai trong ba tấm thẻ trên được các số có hai chữ số là:

.....

b) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất trong các số lập được ở trên là:

.....

3 **>; <; =** ?

a) 42 + 6 ☐ 50

79 – 7 ☐ 70

b) 68 – 44 ☐ 20 + 4

35 + 54 ☐ 95 – 5

4 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

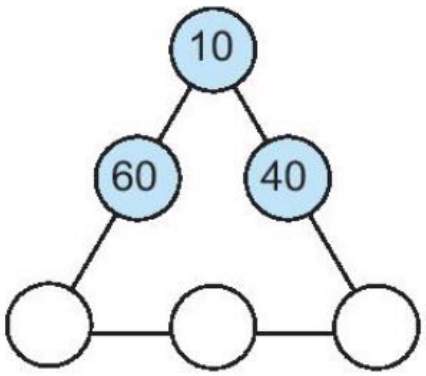
a)
$$\begin{array}{r} \square\,2 \\ +\ 4\,3 \\ \hline 8\,\square \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 8\,\square \\ -\ 2\,5 \\ \hline \square\,2 \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} 6\,\square \\ +\ \square\,4 \\ \hline 9\,9 \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r} \square\,7 \\ -\ 5\,\square \\ \hline 3\,5 \end{array}$$

5 Viết các số 20, 30, 50 thích hợp vào ô trống, biết rằng cộng ba số trên mỗi hàng đều có kết quả bằng 100.



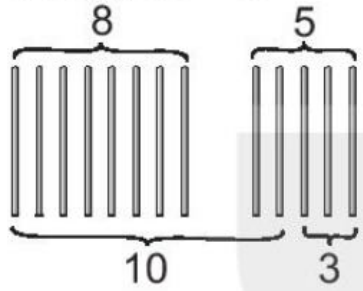
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 7

PHÉP CỘNG (qua 10) TRONG PHẠM VI 20

Tiết 1

1 a) Tính 8 + 5.



- Tách: 5 = ... + ...
- 8 + ... = ...
- 10 + ... = ...

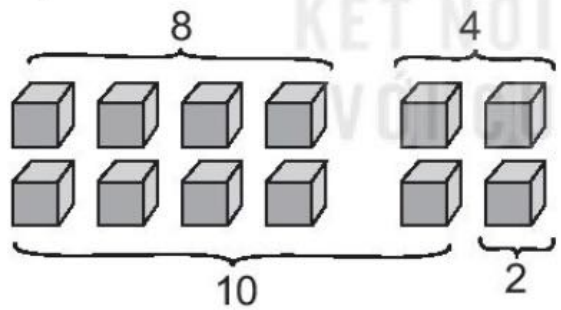
8 + 5 = ...

b) Tính 9 + 3.

Đếm tiếp: 9, ☐, ☐, ☐

9 + 3 = ...

2 a) Tính 8 + 4.



- Tách: 4 = ... + ...
- 8 + ... = ...
- 10 + ... = ...

8 + 4 = ...

b) Tính.

9 + 4 = ... 8 + 6 = ... 9 + 2 = ...

3 Tính nhẩm.

a) 8 + 5 = ... b) 8 + 4 = ... c) 9 + 3 = ... d) 9 + 4 = ...

5 + 8 = ... 4 + 8 = ... 3 + 9 = ... 4 + 9 = ...

Tiết 2

1 Tính 6 + 9.

Cách 1:

- Tách: 9 = 4 + ...
- 6 + ... = ...
- 10 + ... = ...

6 + 9 = ...

Cách 2:

- Tách: 6 = ... + 1
- 1 + 9 = ...
- 10 + ... = ...

6 + 9 = ...

2 a) Số ?

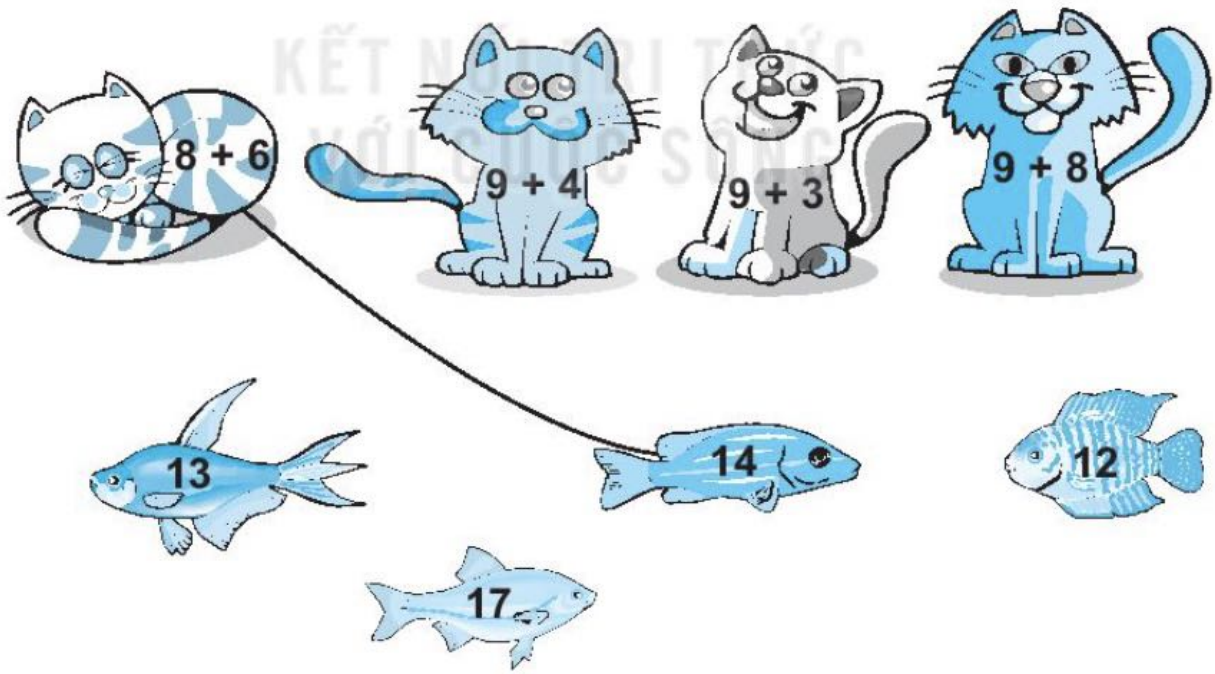
Số hạng	9	9	9	9	9	9	9	9
Số hạng	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng	11							18

b) Tính.

9 + 5 – 4 = ...

10 – 3 + 6 = ...

3 Nối mỗi con mèo với con cá bắt được (theo mẫu).



4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

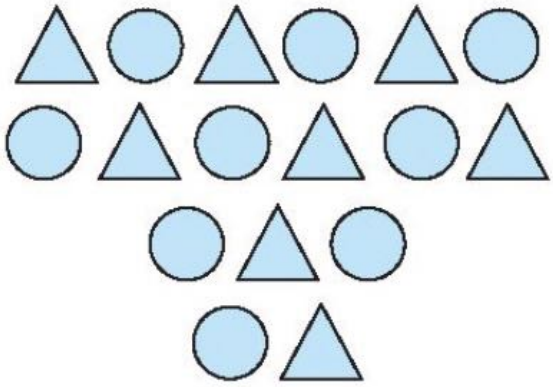
Trong hình bên có:

a) ..... hình tam giác.

b) ..... hình tròn.

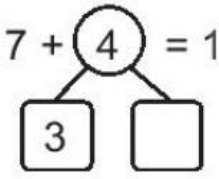
c) Có tất cả bao nhiêu hình tròn và hình tam giác?

..... + ... = ...



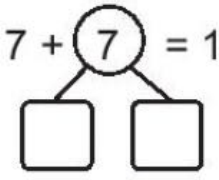
Tiết 3

1 a) Tính 7 + 4.



7 + 4 = ☐

b) Tính 7 + 7.

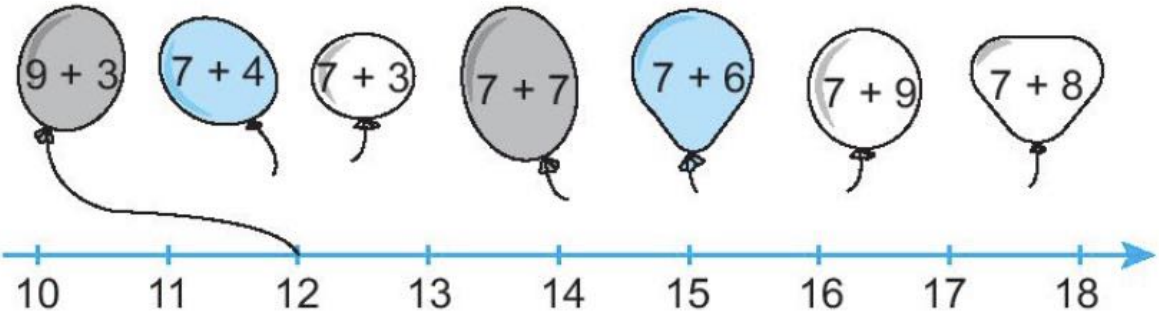


7 + 7 = ☐

2 a) Số ?

+	7	7	7	7	7	7	7
	3	4	5	6	7	8	9
	10						16

b) Nối (theo mẫu).



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Số ?

a) 8 + 4 = □



b) 8 + 9 = □



c) 8 + 3 = ?

8, 9, 10, 11

8 + 3 = □

4 Số ?

Số hạng	8	8	8	8	8	8	8	8
Số hạng	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng	10							17

5 Trên sân có 8 con gà và 6 con vịt. Hỏi cả gà và vịt có bao nhiêu con?

Bài giải

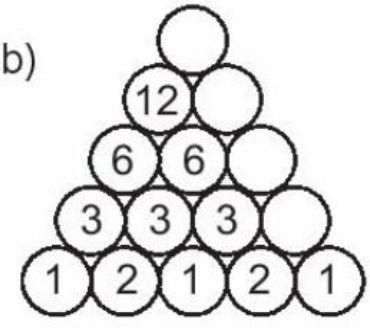
Tiết 4

1 Số ?

a)

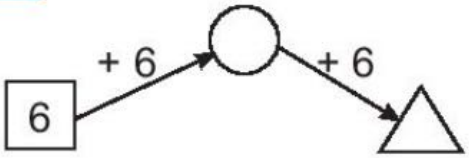
+	6	6	6	6	6	6	6
	4	5	6	7	8	9	10
	10						16

b)

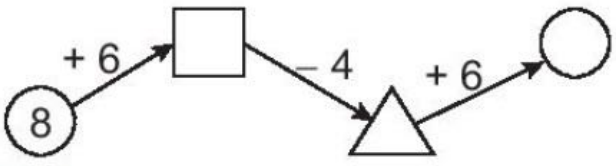


2 Số ?

a)

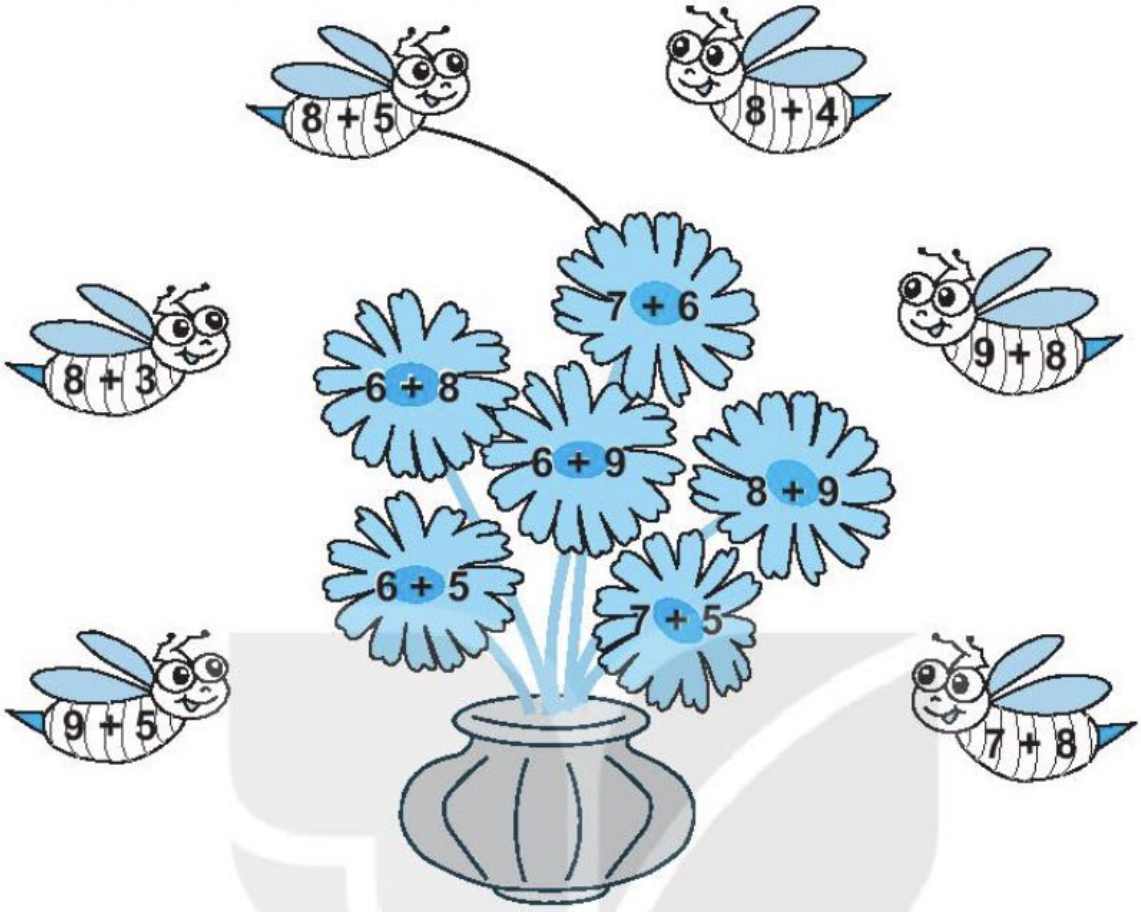


b)



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Nối hai phép tính có cùng kết quả (theo mẫu).



Bài giải

4 Nhóm học hát có 8 bạn nữ và 7 bạn nam. Hỏi nhóm học hát có tất cả bao nhiêu bạn?

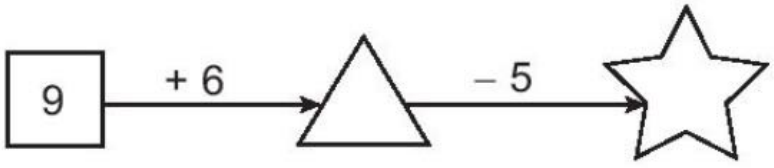
Tiết 5

1 Số ?

a)

+								
	6	6	7	8	9	8	7	9
	5	6	4	5	7	6	7	9
		12						18

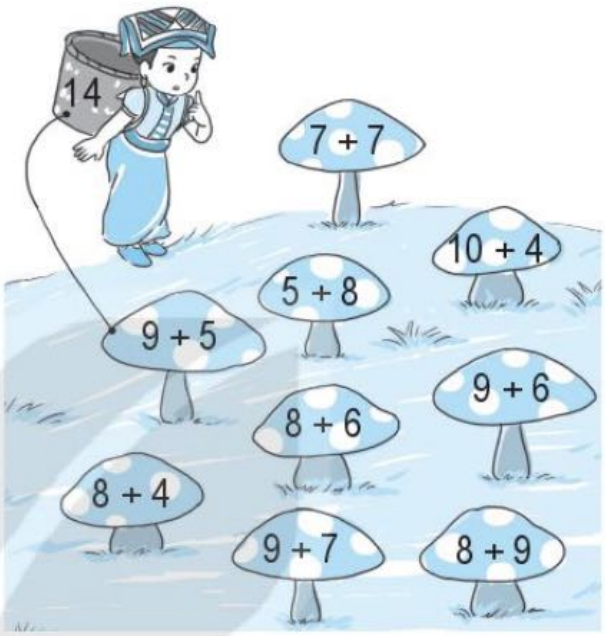
b)



2 a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bạn Sao hái được các cây nấm ghi phép tính có kết quả là 14. Số cây nấm bạn Sao hái được là:

A. 3 B. 4 C. 5



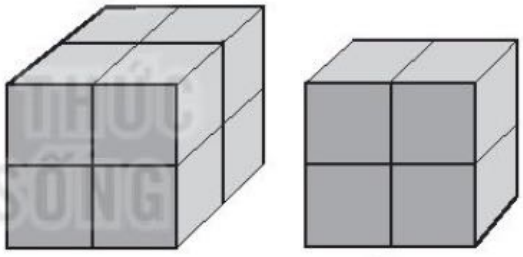
b) Viết phép tính thích hợp vào chỗ chấm.

- Các phép tính có kết quả lớn hơn 14 là: .....
- Các phép tính có kết quả bé hơn 14 là: .....

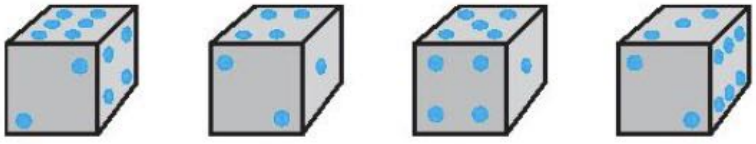
3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Tổng số khối lập phương nhỏ ở hình A và hình B là:

..... + ... = ...



4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Trong bốn con xúc xắc ở trên, hai con xúc xắc có hiệu số chấm ở các mặt trên bằng 3 là:

A. Xúc xắc 2 và 4 B. Xúc xắc 1 và 3 C. Xúc xắc 1 và 4

BÀI 8

BẢNG CỘNG (qua 10)

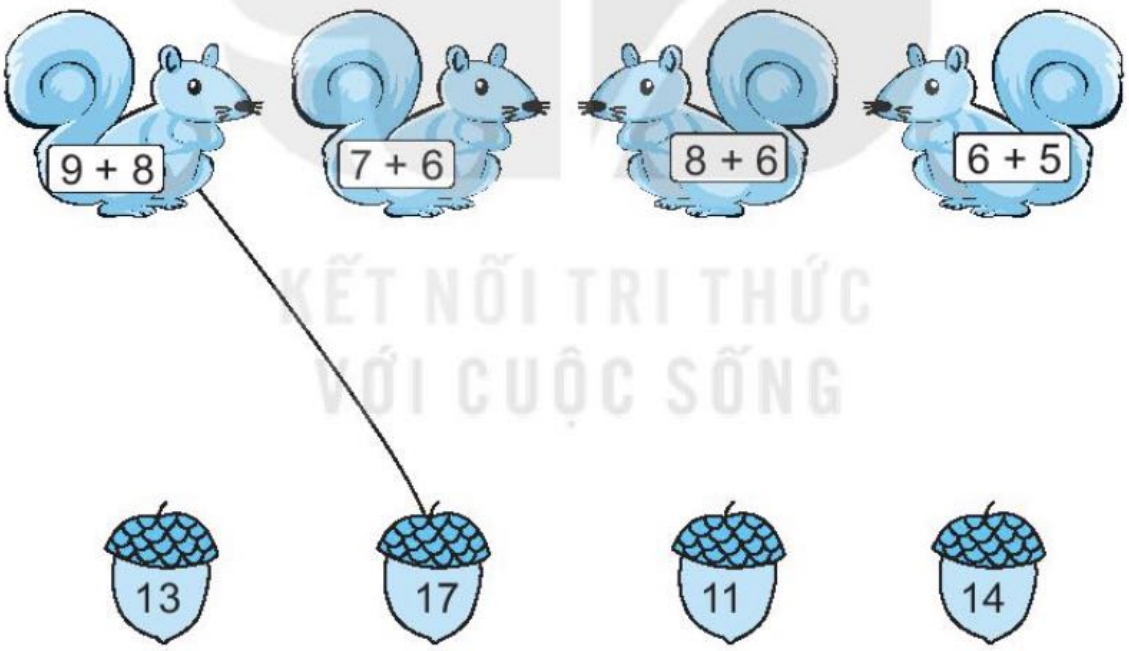
Tiết 1

1 Tính nhẩm.

8 + 7 = ... 7 + 4 = ... 8 + 4 = ... 6 + 6 = ...

6 + 5 = ... 9 + 5 = ... 9 + 3 = ... 7 + 6 = ...

2 a) Nối mỗi chú sóc với hạt dẻ nhặt được (theo mẫu).

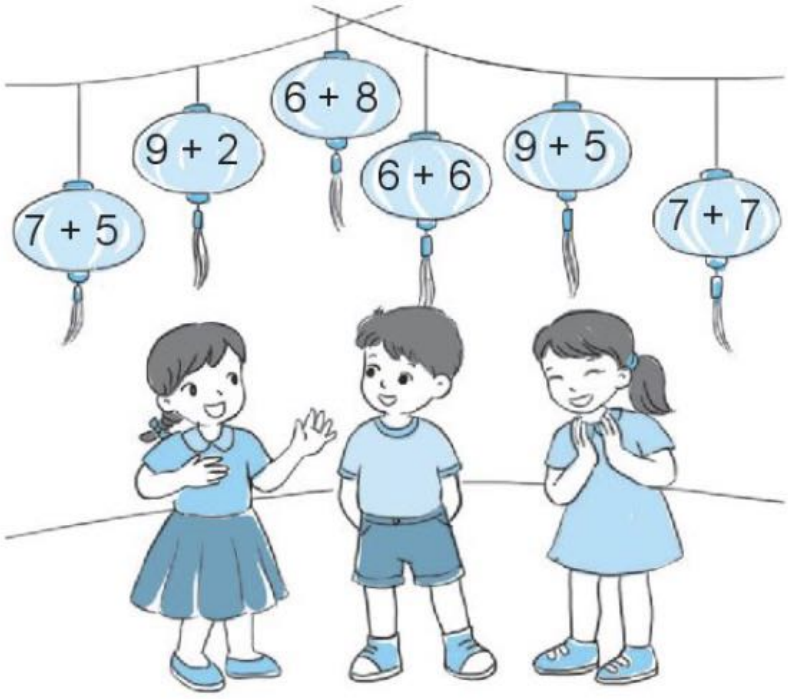


b) Viết các số ghi trên những hạt dẻ mà các chú sóc nhặt được theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 a) Viết các phép tính ghi ở đèn lồng có kết quả bằng 12:



.....

.....

.....

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bạn Hoa lấy các đèn lồng ghi phép tính có kết quả bằng 14, bạn Cúc lấy các đèn lồng ghi phép tính có kết quả bằng 12, bạn Bình lấy các đèn lồng còn lại.

Bạn lấy được nhiều đèn lồng nhất là:

A. Cúc B. Hoa C. Bình

Tiết 2

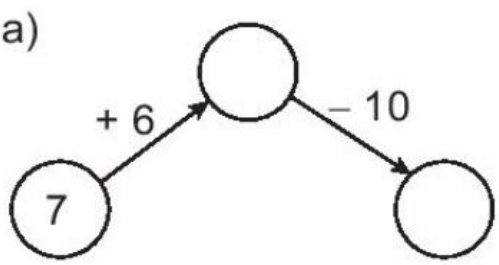
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1 Số ?

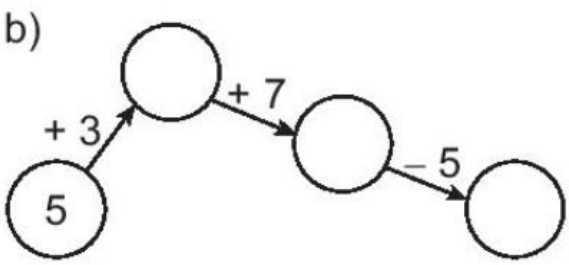
+	6	7	7	8	9	9
	5	6	7	6	5	8
	11					17

2 Số ?

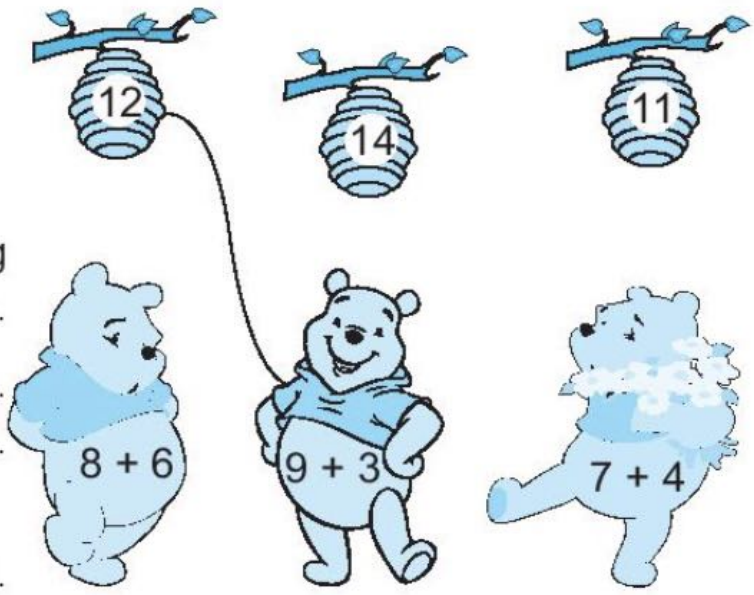
a)



b)



3 a) Nối mỗi chú gấu với tổ ong lấy được (theo mẫu).



b) Viết các số ghi ở tổ ong theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....

.....

.....

c) Viết tiếp vào chỗ chấm.

Phép tính trên chú gấu có kết quả lớn nhất là .....

4 **>; <; =** ?

a) 6 + 5 ☐ 11

6 + 7 ☐ 12

b) 9 + 3 ☐ 3 + 9

9 + 4 ☐ 9 + 5

5 Để giúp đỡ đồng bào vùng bão lụt, buổi sáng có 9 chuyến ô tô chở hàng cứu trợ, buổi chiều có 7 chuyến ô tô chở hàng cứu trợ vào miền Trung. Hỏi cả buổi sáng và buổi chiều có bao nhiêu chuyến ô tô chở hàng cứu trợ?

Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 9

BÀI TOÁN VỀ THÊM, BỚT MỘT SỐ ĐƠN VỊ

Tiết 1

1 Lớp học bơi có 9 bạn. Hôm nay có thêm 5 bạn tham gia. Hỏi hôm nay lớp học bơi có tất cả bao nhiêu bạn?

Bài giải

2 Trên sân có 6 con gà, lúc sau có thêm 5 con gà chạy đến. Hỏi lúc này trên sân có tất cả bao nhiêu con gà?

Bài giải

3 Đàn lợn nhà Núi có 8 con. Mẹ Núi mua thêm 4 con lợn về nuôi cùng. Hỏi lúc này đàn lợn nhà Núi có bao nhiêu con?

Bài giải

Tiết 2

1 Xe buýt đang chở 35 người. Tới bến đỗ, có 12 người xuống xe. Hỏi lúc này trên xe buýt còn lại bao nhiêu người?

Bài giải

2 Trên cành cây có 16 con chim đang đậu. Lúc sau có 5 con bay đi. Hỏi trên cành cây còn lại bao nhiêu con chim đang đậu?

Bài giải

3 Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt

Có: 45 con gà

Bán: 14 con gà

Còn lại: ... con gà?

Bài giải

4 Có 15 con vịt ở trên bờ, lúc sau có 3 con vịt xuống ao bơi. Hỏi trên bờ còn lại bao nhiêu con vịt?

Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 10

LUYỆN TẬP CHUNG

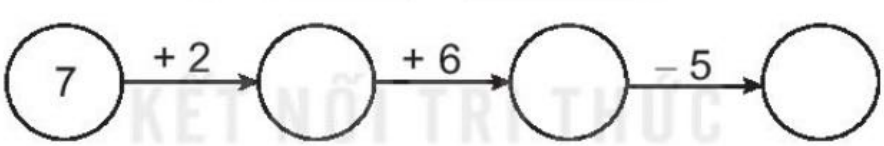
Tiết 1

1 Số ?

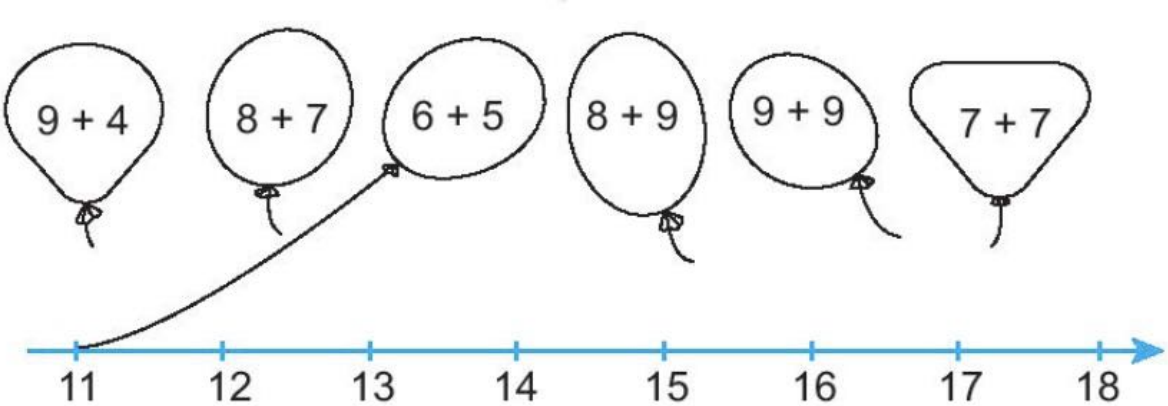
a)

+	6	7	8	9	5	4	3	2
	9	8	7	6	6	7	8	9
	15							11

b)



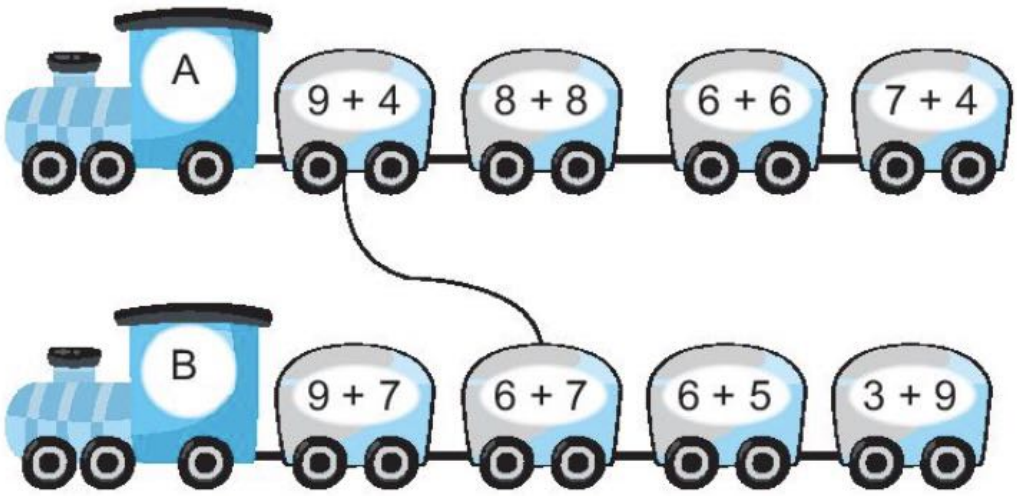
2 a) Nối (theo mẫu).



b) Tô màu vào các quả bóng ghi phép tính có kết quả lớn hơn 12 và bé hơn 16.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 a) Nối hai phép tính có cùng kết quả (theo mẫu).



b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

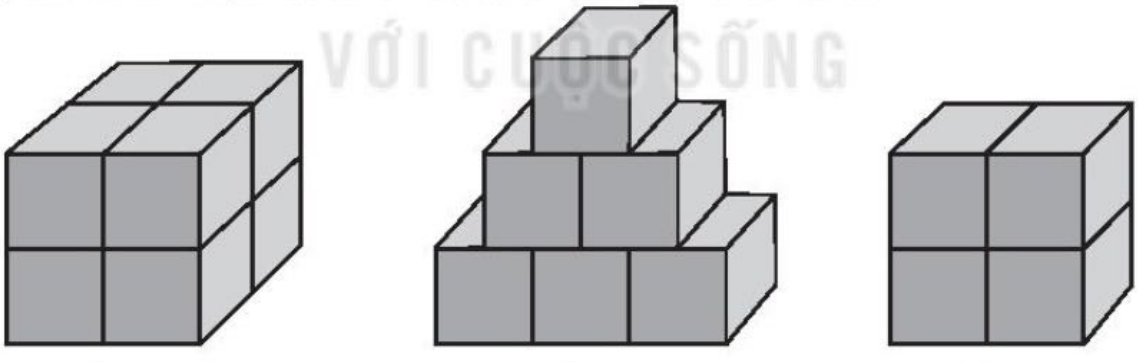
Ở đoàn tàu A, phép tính có kết quả bé nhất là: ..... + ... = ...

c) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Ở đoàn tàu B, các phép tính có kết quả lớn hơn 11 là:

9 + 7 = 16; ..... ; .....

4 Một bạn đã xếp các khối lập phương nhỏ thành ba hình A, B, C (như hình vẽ).



a) Khoanh vào chữ ở dưới hình có số khối lập phương nhỏ ít nhất.

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cả ba hình có ..... khối lập phương nhỏ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

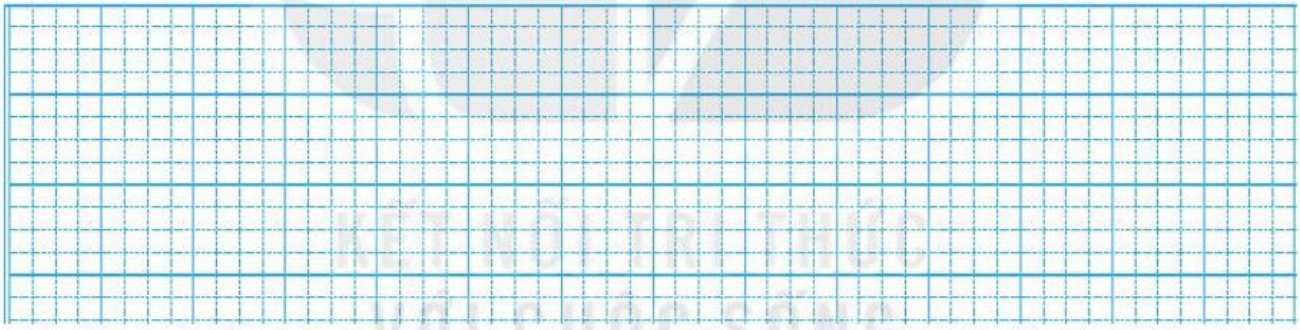
Tiết 2

1 Số ?

Số hạng	9	9	9	9	9	9	9	9
Số hạng	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng	11							18

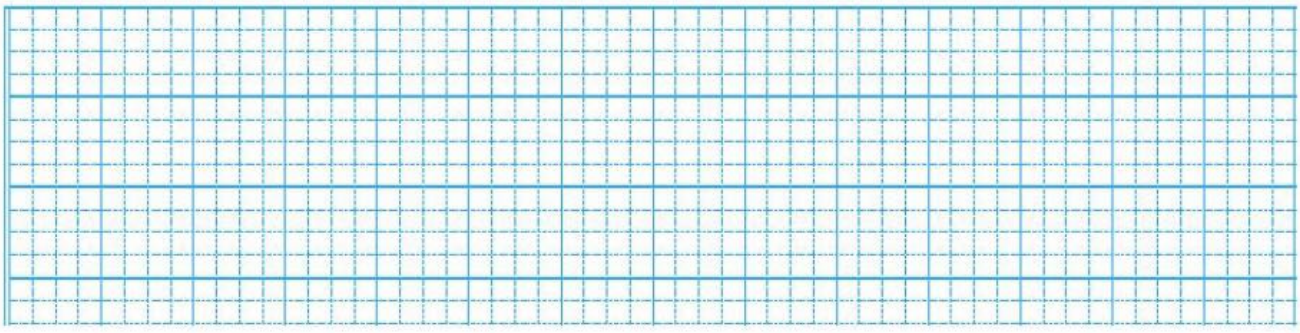
2 Một cửa hàng buổi sáng bán được 6 chiếc xe đạp, buổi chiều bán thêm được 3 chiếc. Hỏi cả ngày, cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe đạp?

Bài giải



3 Có 8 con vịt đang ở trên bờ, sau đó có 6 con vịt ở dưới ao lên bờ. Hỏi lúc này ở trên bờ có bao nhiêu con vịt?

Bài giải



BÀI 11

PHÉP TRỪ (qua 10) TRONG PHẠM VI 20

Tiết 1

1

a) Tính 11 – 4.

- Tách: 11 = 10 + 1
- 10 – 4 = ...
- 6 + ... = ...

11 – 4 = ...

b) Tính 12 – 3.

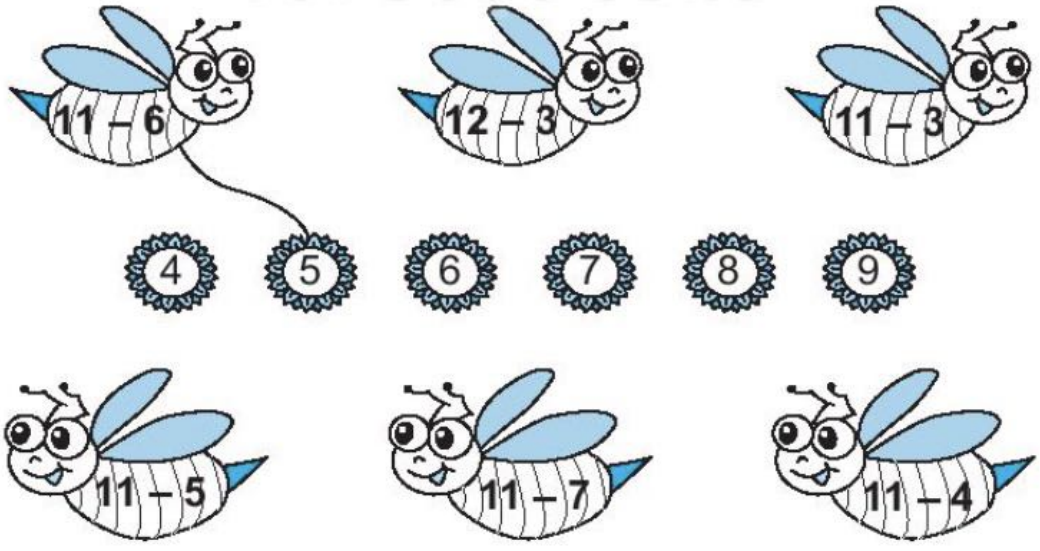
- Tách: 12 = 10 + ...
- 10 – ..... = ...
- ..... + ... = ...

12 – 3 = ...

2 Tính nhẩm.

11 – 2 = ...	11 – 5 = ...	11 – 3 = ...
11 – 6 = ...	11 – 8 = ...	11 – 9 = ...
11 – 7 = ...	11 – 4 = ...	11 – 1 = ...

3 Nối (theo mẫu).



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Tô màu vàng vào quả ghi phép tính có kết quả bé nhất, màu xanh vào quả ghi phép tính có kết quả lớn nhất.



Tiết 2

1

a) Tính 13 – 4.

- Tách: 13 = 10 + ...
- 10 – 4 = ...
- 6 + ... = ...

13 – 4 = ...

b) Tính 12 – 6.

- Tách: 12 = 10 + ...
- 10 – ..... = ...
- ..... + ... = ...

12 – 6 = ...

2 Tính nhẩm.

12 – 3 = ... 12 – 4 = ... 12 – 5 = ... 12 – 6 = ...

12 – 9 = ... 12 – 8 = ... 12 – 7 = ... 12 – 2 = ...

3 Số ?

–	13	13	13	13	13	13
	9	8	7	6	5	4
	4					

4 Nam có 13 quyển vở, Nam đã dùng 8 quyển. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu quyển vở chưa dùng?

Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Đ, S ?

13 – 6 = 7 ☐ 12 – 5 = 8 ☐ 12 – 7 > 4 ☐

12 – 8 = 3 ☐ 13 – 8 = 5 ☐ 13 – 9 < 4 ☐

Tiết 3

1

a) Tính 14 – 7.

- Tách: 14 = 10 + ...
- 10 – 7 = ...
- ..... + ... = ...

14 – 7 = ...

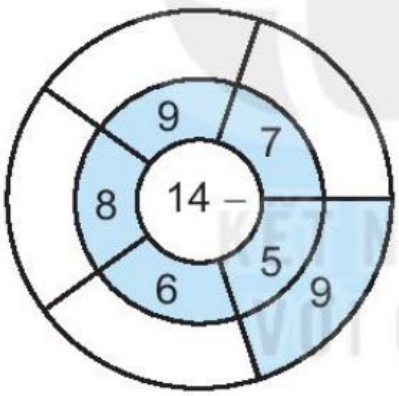
b) Tính 15 – 6.

- Tách: 15 = 10 + ...
- 10 – ..... = ...
- ..... + ... = ...

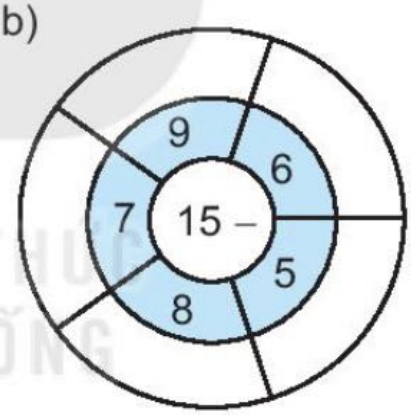
15 – 6 = ...

2 Số ?

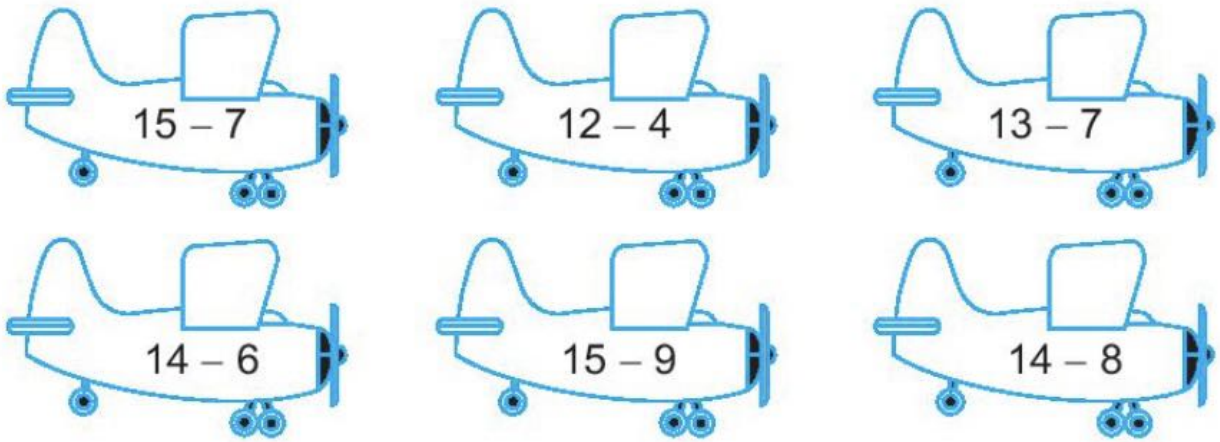
a)



b)



3 Tô màu đỏ vào những máy bay ghi phép trừ có hiệu bằng 6, màu xanh vào những máy bay ghi phép trừ có hiệu bằng 8.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Một giỏ có 15 quả măng cụt, Mai lấy ra 6 quả.

Hỏi trong giỏ còn lại bao nhiêu quả măng cụt?

Bài giải

5 **>; <; =** ?

a) 14 – 6 ☐ 8

15 – 7 ☐ 9

b) 5 ☐ 14 – 9

9 ☐ 15 – 8

c) 13 – 8 ☐ 7

14 – 7 ☐ 6

Tiết 4

1 a) Tính nhẩm.

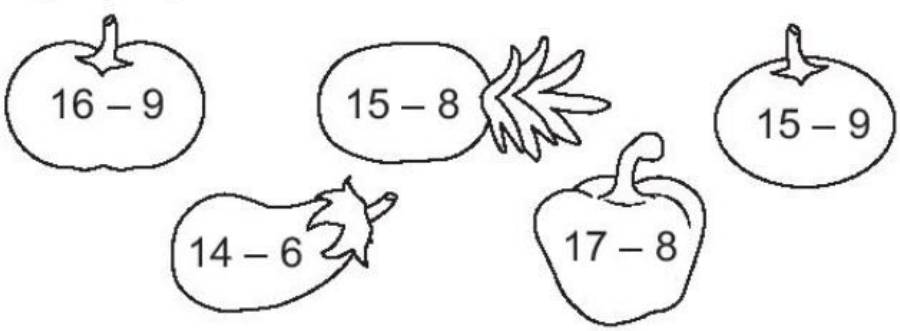
16 – 7 = ... 17 – 8 = ... 18 – 9 = ...

16 – 8 = ... 17 – 9 = ... 16 – 9 = ...

b) **Số** ?

Số bị trừ	17	18	16	17	16	16
Số trừ	9	9	7	8	8	9
Hiệu						

2 Tô màu xanh vào quả ghi phép trừ có hiệu lớn nhất, màu vàng vào quả ghi phép trừ có hiệu bé nhất.



3 Mai hái được 17 bông hoa, Mi hái được 8 bông hoa. Hỏi Mai hái được hơn Mi bao nhiêu bông hoa?

Bài giải

4 **>; <; =** ?

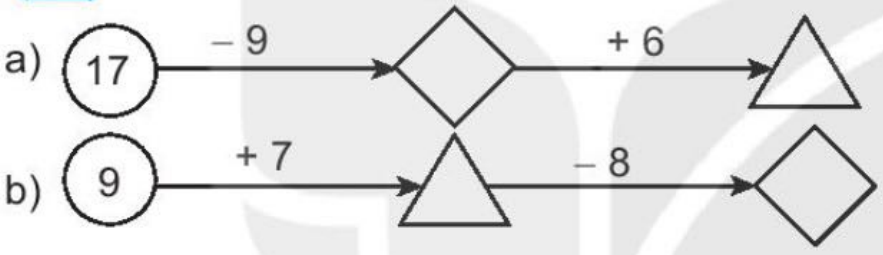
a) 17 – 8 ☐ 9

18 – 9 ☐ 8

b) 16 – 9 ☐ 15 – 7

16 – 7 ☐ 14 – 6

5 Số ?



Tiết 5

1 Số ?

Xuất phát 	11 – 7 = ☐	14 – 8 = ☐
12 – 5 = ☐	13 – 9 = ☐	11 – 6 = ☐
16 – 7 = ☐	13 – 6 = ☐	15 – 8 = ☐
Đích	17 – 9 = ☐	14 – 5 = ☐

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Tính.

a) 9 + 6 = ...
6 + 9 = ...
15 – 9 = ...
15 – 6 = ...

b) 6 + 7 = ...
7 + 6 = ...
13 – 6 = ...
13 – 7 = ...

c) 4 + 8 = ...
8 + 4 = ...
12 – 4 = ...
12 – 8 = ...

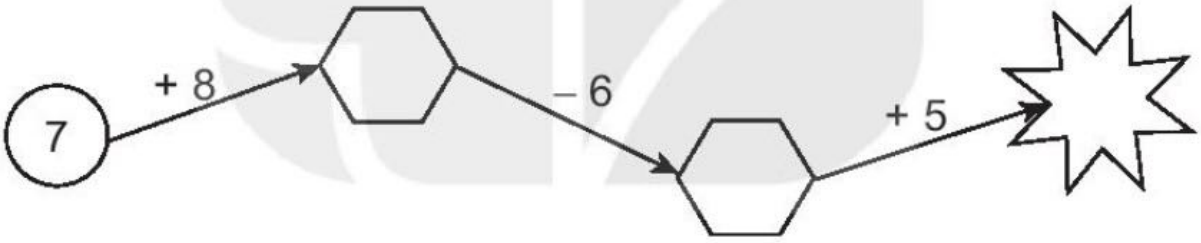
3 Tính nhẩm.

a) 13 – 3 – 5 = ...
13 – 8 = ...

b) 16 – 6 – 3 = ...
16 – 9 = ...

c) 17 – 7 – 1 = ...
17 – 8 = ...

4 Số ?



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

5 Cô Lan có 14 quả trứng gà. Cô dùng 5 quả để làm bánh. Hỏi cô Lan còn lại bao nhiêu quả trứng gà?

Bài giải

BÀI 12

BẢNG TRỪ (qua 10)

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

12 – 4 = ... 14 – 6 = ... 17 – 8 = ...

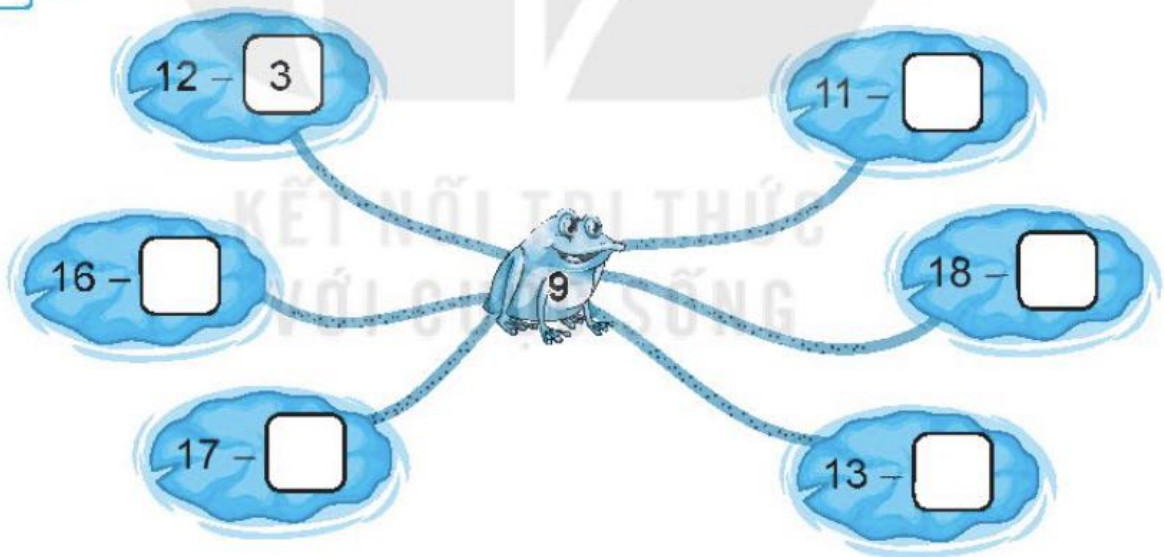
15 – 6 = ... 18 – 9 = ... 13 – 5 = ...

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

A. 14 – 8 B. 12 – 3 C. 13 – 6 D. 15 – 7

3 Số ?



4 Cả Mai và Mi hái được 15 bông hoa, riêng Mi hái được 7 bông hoa. Hỏi Mai hái được mấy bông hoa?

Bài giải

Tiết 2

1 Tính nhẩm.

11 – 4 = ... 15 – 7 = ... 11 – 8 = ...

18 – 9 = ... 14 – 6 = ... 12 – 7 = ...

13 – 5 = ... 16 – 9 = ... 17 – 9 = ...

2 Tính nhẩm.

a) 15 – 5 – 4 = ... b) 13 – 3 – 4 = ... c) 12 – 2 – 6 = ...

15 – 9 = ... 13 – 7 = ... 12 – 8 = ...

3 Có 13 bạn và 8 quả bóng, mỗi bạn lấy một quả. Hỏi có bao nhiêu bạn không lấy được bóng?

Bài giải

4 **>; <; =** ?

a) 12 – 5 ☐ 6

13 – 8 ☐ 5

b) 14 – 9 ☐ 11 – 7

15 – 9 ☐ 12 – 3

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

12 – ..... = 5 14 – ..... = 9 16 – ..... = 8

BÀI 13

BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN, ÍT HƠN MỘT SỐ ĐƠN VỊ

Tiết 1

1 Việt cắt được 9 bông hoa, Mai cắt được nhiều hơn Việt 4 bông hoa. Hỏi Mai cắt được bao nhiêu bông hoa?

Bài giải

2 Trên bờ có 8 con vịt, dưới ao có nhiều hơn trên bờ 5 con vịt. Hỏi dưới ao có bao nhiêu con vịt?

Bài giải

3 Cành trên có 12 con chim, cành dưới có nhiều hơn cành trên 3 con chim. Hỏi cành dưới có bao nhiêu con chim?

Bài giải

Tiết 2

1 Sóc nâu nhặt được 12 hạt dẻ, sóc xám nhặt được ít hơn sóc nâu 3 hạt dẻ. Hỏi sóc xám nhặt được bao nhiêu hạt dẻ?

Bài giải

2 Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt

Hàng trên: 11 ô tô

Hàng dưới ít hơn hàng trên: 3 ô tô

Hàng dưới: ... ô tô?

Bài giải

3 Trên sân có 19 con vịt, số gà ít hơn số vịt 5 con. Hỏi trên sân có bao nhiêu con gà?

Bài giải

BÀI 14

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

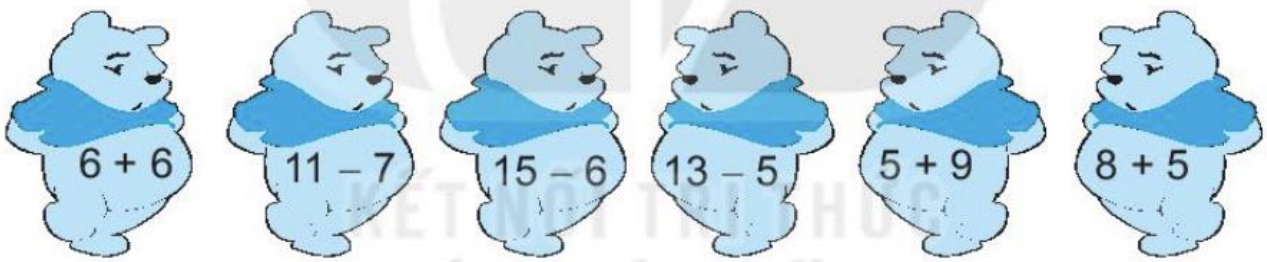
a) 7 + 5 = ... 8 + 9 = ... 4 + 7 = ...

5 + 7 = ... 5 + 8 = ... 9 + 6 = ...

b) 11 – 5 = ... 13 – 4 = ... 15 – 8 = ...

12 – 9 = ... 14 – 6 = ... 16 – 7 = ...

2 Nối phép tính với kết quả của phép tính đó.





3 Mẹ mua về 7 quả táo và 7 quả vú sữa.

a) Hỏi mẹ mua tất cả bao nhiêu quả táo và vú sữa?

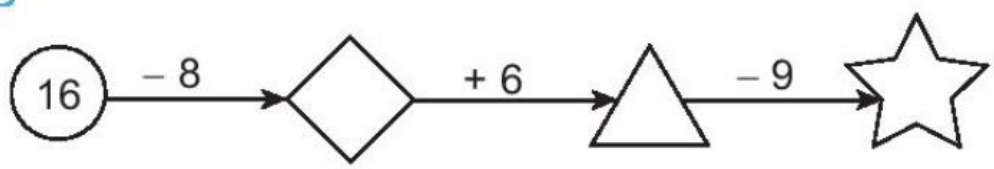
Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài giải

b) Mẹ biếu bà 6 quả vú sữa. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả vú sữa?

4 Số ?



5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 6 + ... = 11 b) 14 – ..... = 7 c) 9 + ... = 15

Tiết 2

1 Tính nhẩm.

8 + 3 = ...	9 + 6 = ...	5 + 7 = ...	8 + 9 = ...
11 – 8 = ...	15 – 9 = ...	12 – 5 = ...	17 – 8 = ...
11 – 3 = ...	15 – 6 = ...	12 – 7 = ...	17 – 9 = ...

2 Tính.

a) 7 + 4 + 5 = ... b) 8 + 4 – 9 = ...

c) 13 – 6 + 8 = ... d) 17 – 8 – 3 = ...

3 Nam gấp được 13 cái thuyền, Việt gấp được ít hơn Nam 7 cái thuyền. Hỏi Việt gấp được bao nhiêu cái thuyền?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài giải

4 Đ, S ?

a) $14 - 6 = 7$ ☐

b) $7 + 6 = 6 + 7$ ☐

c) $11 - 8 < 4$ ☐

d) $16 - 9 > 13 - 7$ ☐

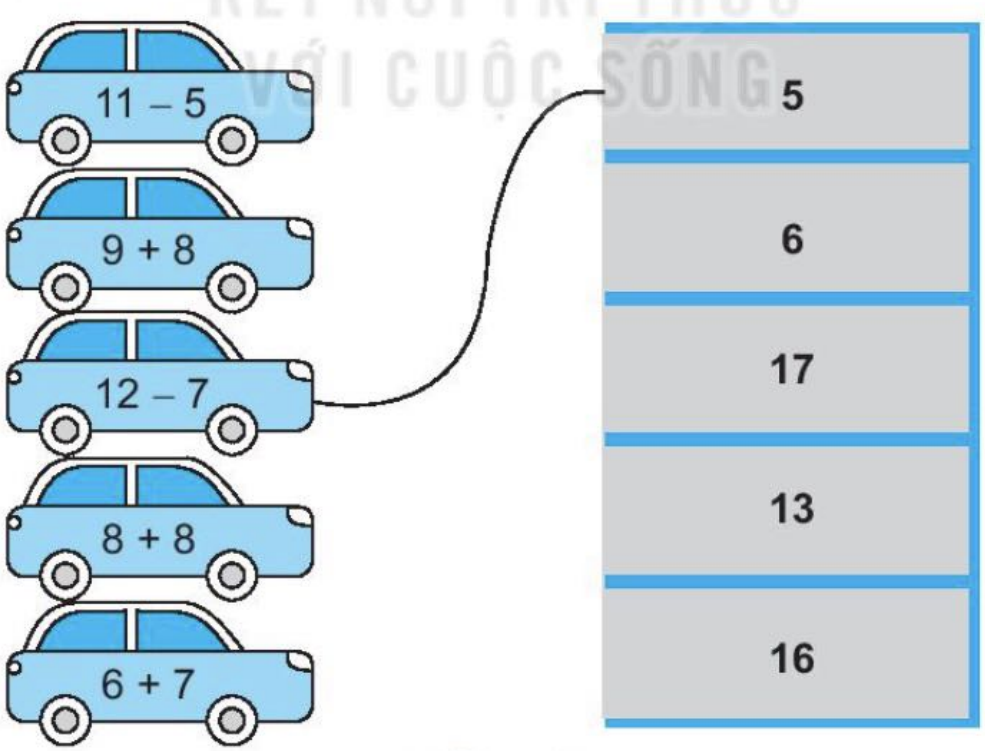
5 Nối (theo mẫu).

2 3 4 5 6 7 8

$4 < 12 - ? < 9$

Tiết 3

1 Nối (theo mẫu).



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất?

A. 12 – 9 B. 14 – 6 C. 13 – 8

b) Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

A. 8 + 7 B. 9 + 9 C. 6 + 8

3 Tính.

a) 8 + 4 – 7 = ... b) 13 – 6 + 7 = ...

c) 3 + 9 + 5 = ... d) 18 – 9 – 8 = ...

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

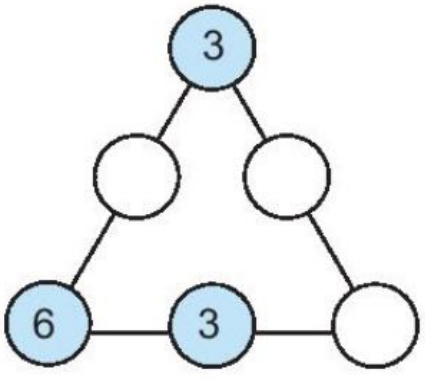
a) 6 + 5 = ... b) 9 + 6 = ...

5 + ... = 11 ..... + 9 = 15

11 – ..... = 5 15 – ..... = 6

11 – ..... = 6 15 – ..... = 9

5 Viết số thích hợp vào ô trống, biết rằng cộng ba số trên mỗi hàng đều có kết quả bằng 18.



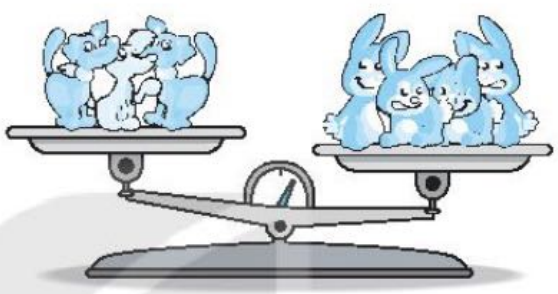
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 15

KI-LÔ-GAM

Tiết 1

1 Quan sát tranh rồi khoanh vào chữ đặt trước câu đúng.



A. 4 bạn thỏ nhẹ hơn 3 bạn chó.

B. 4 bạn thỏ nặng hơn 3 bạn chó.

C. 4 bạn thỏ nặng bằng 3 bạn chó.

2 Quan sát tranh rồi viết "bưởi", "cam" hoặc "táo" thích hợp vào chỗ chấm.



a) Quả ..... nặng hơn quả táo.

b) Quả bưởi nặng hơn quả .....

c) Quả ..... nặng nhất, quả ..... nhẹ nhất.

3 Quan sát tranh rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.



a) Gấu bông nặng bằng ..... quả chanh.

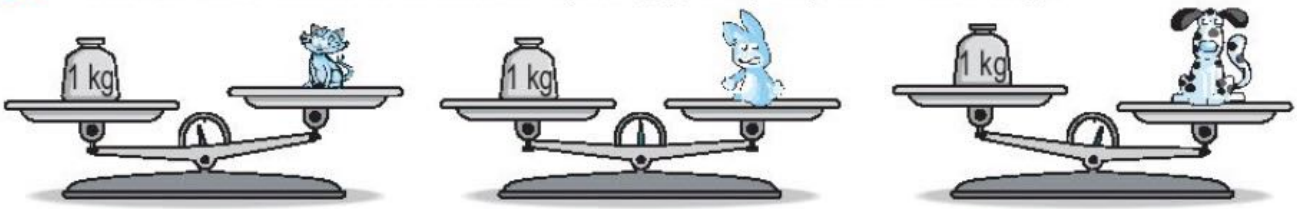
b) Chó bông nặng bằng ..... quả chanh.

c) Thỏ bông nặng bằng ..... quả chanh.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 2

1 Quan sát tranh rồi viết Đ (đúng), S (sai) vào ô trống.

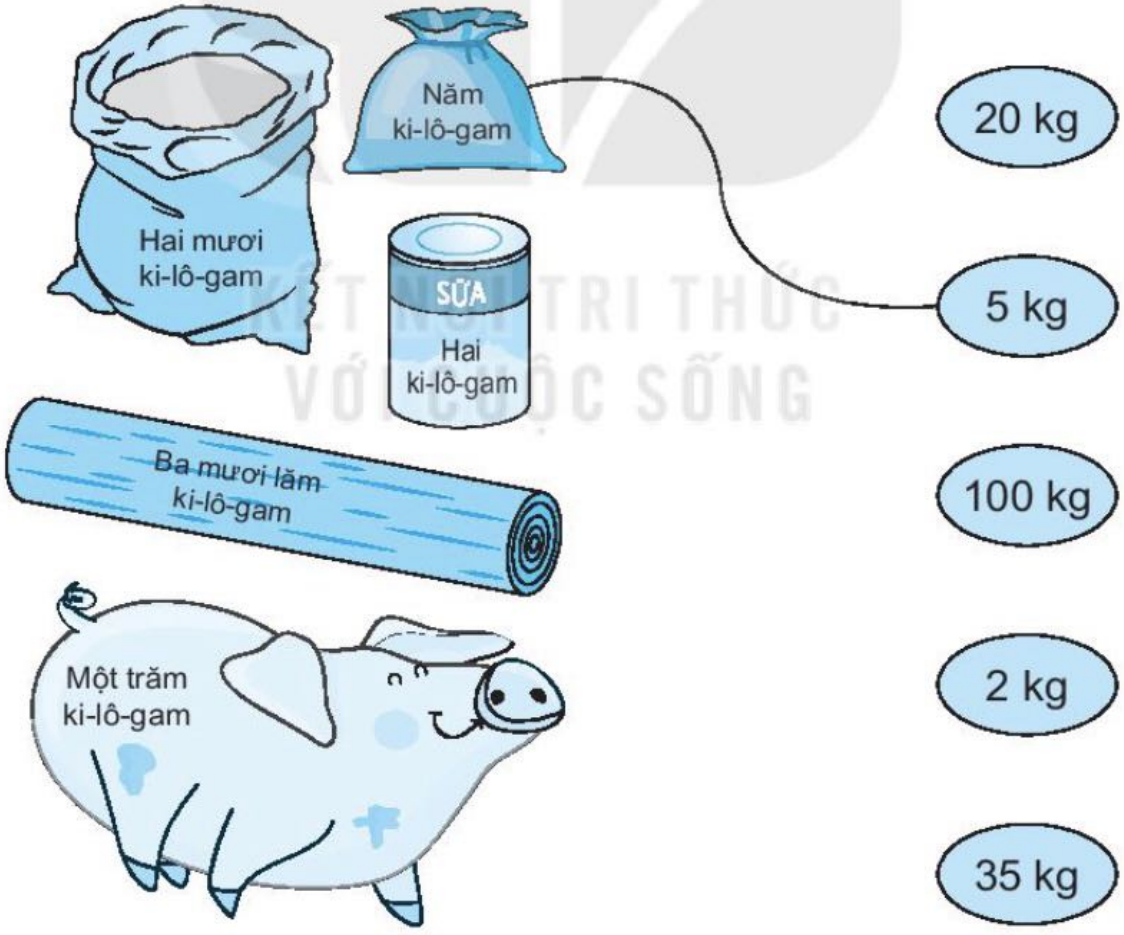


a) Con chó nặng hơn 1 kg. ☐ b) Con mèo nặng hơn 1 kg. ☐

c) Con thỏ cân nặng 1 kg. ☐ d) Con chó nặng bằng con thỏ. ☐

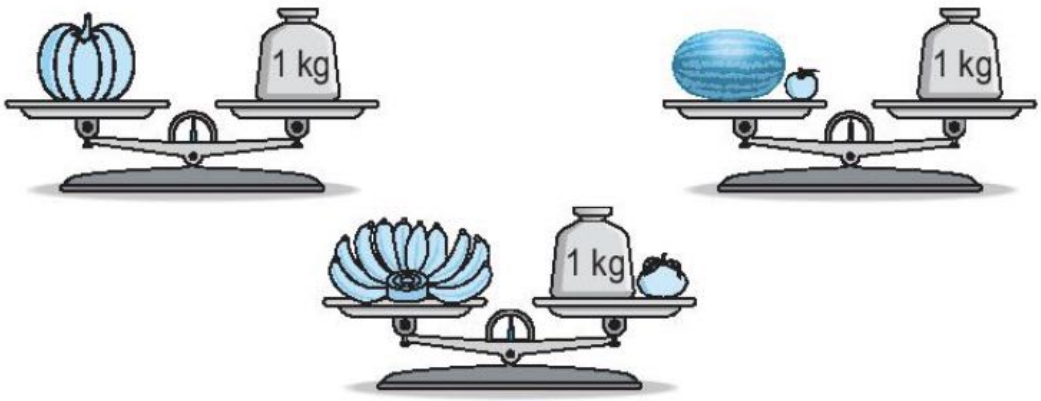
e) Con thỏ nặng hơn con mèo. ☐

2 Nối (theo mẫu).



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Quan sát tranh.



a) Viết "nặng hơn", "nặng bằng" hoặc "nhẹ hơn" thích hợp vào chỗ chấm.

Quả bí ngô ..... 1 kg; quả dưa hấu ..... 1 kg; nải chuối ..... 1 kg.

b) Đ, S ?

- Quả dưa hấu nặng nhất. ☐
- Quả bí ngô nhẹ nhất. ☐
- Nải chuối nặng nhất. ☐

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 3

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 40 kg + 20 kg = ... kg

60 kg – 20 kg = ... kg

60 kg – 40 kg = ... kg

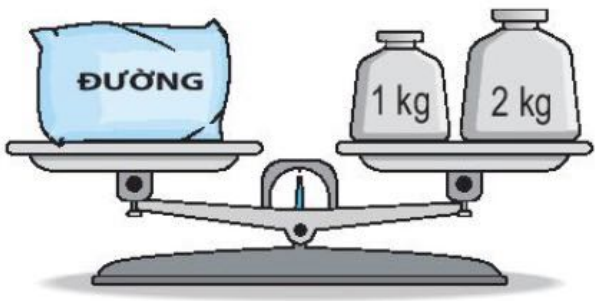
b) 30 kg + 7 kg = ... kg

37 kg – 7 kg = ... kg

37 kg – 30 kg = ... kg

2 Quan sát tranh rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.





a) Túi gạo cân nặng ..... kg.

Túi đường cân nặng ..... kg.

b) Cả túi gạo và túi đường cân nặng ..... kg.

Túi gạo nặng hơn túi đường ..... kg.

3 Có ba bao thóc, bao thứ nhất nặng hơn bao thứ hai 10 kg, bao thứ hai nặng hơn bao thứ ba 10 kg.

a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

• Bao thóc nào nặng nhất?

A. Bao thứ nhất

B. Bao thứ hai

C. Bao thứ ba

• Bao thóc nào nhẹ nhất?

A. Bao thứ nhất

B. Bao thứ hai

C. Bao thứ ba

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Biết bao thứ hai cân nặng 50 kg. Khi đó:

• Bao thứ nhất cân nặng ..... kg.

• Bao thứ ba cân nặng ..... kg.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 16

LÍT

Tiết 1

1 Quan sát hình rồi viết Đ (đúng), S (sai) vào ô trống.



a) Bình D đựng nhiều hơn 1 *l* nước. ☐

b) Cốc A đựng ít hơn 1 *l* nước. ☐

c) Bình C đựng lượng nước bằng lượng nước ở ca B. ☐

d) Cốc A đựng lượng nước nhiều hơn bình D. ☐

2 a) Nối (theo mẫu).

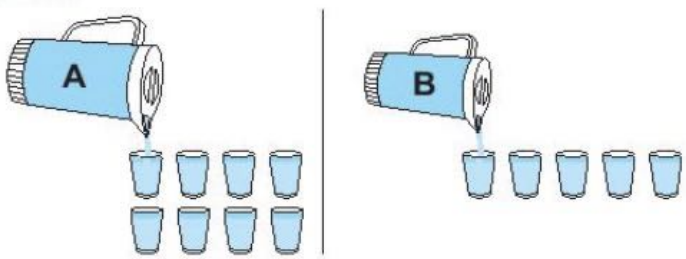


Mười lít | Ba lít | Hai mươi lít | Năm lít

b) Trong các đồ vật ở câu a: Tô màu đỏ vào đồ vật chứa được nhiều nước nhất, màu xanh vào đồ vật chứa được ít nước nhất.

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rót hết nước từ bình A và bình B được đầy các cốc nước (như hình vẽ).



a) Lượng nước ở bình A là ..... cốc. Lượng nước ở bình B là ..... cốc.

b) Lượng nước ở cả hai bình là ..... cốc.

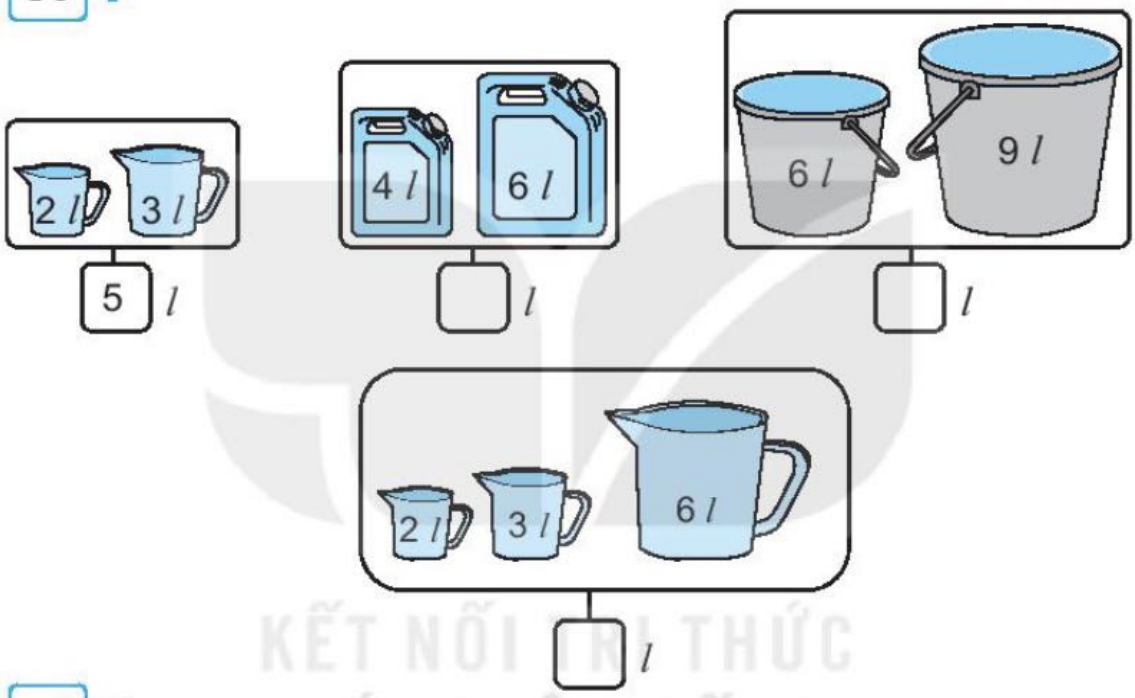
Tiết 2

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

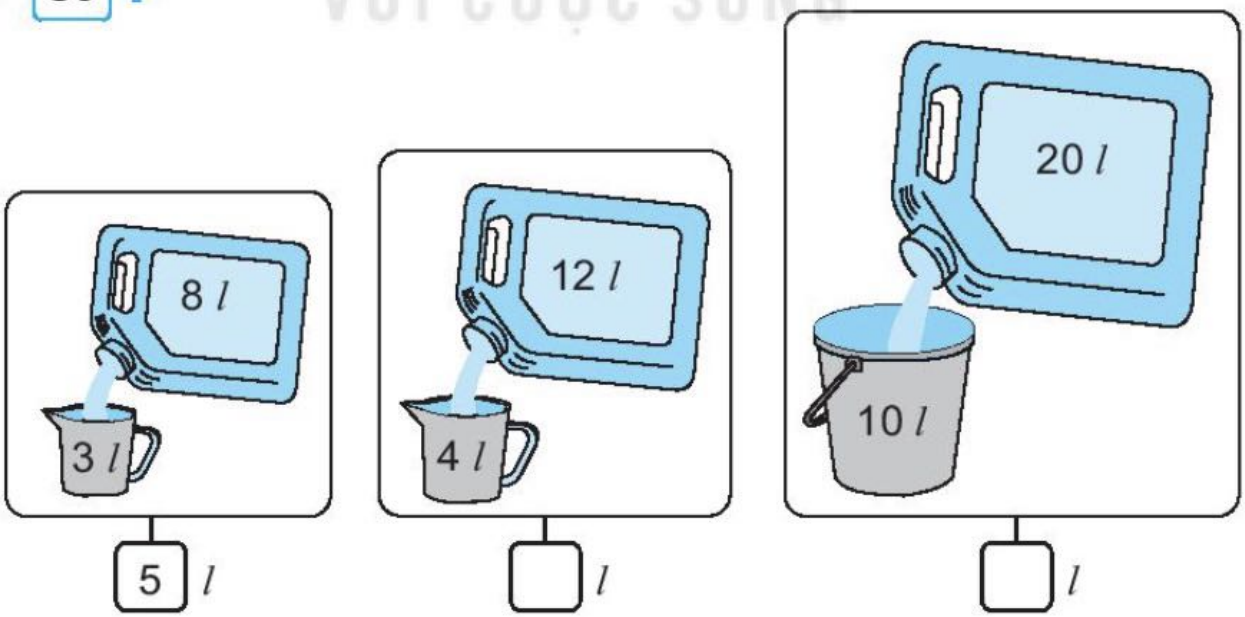
a) 30 *l* + 10 *l* = ... *l*
35 *l* + 30 *l* = ... *l*
48 *l* + 20 *l* = ... *l*

b) 50 *l* – 30 *l* = ... *l*
39 *l* – 9 *l* = ... *l*
47 *l* – 40 *l* = ... *l*

2 Số ?

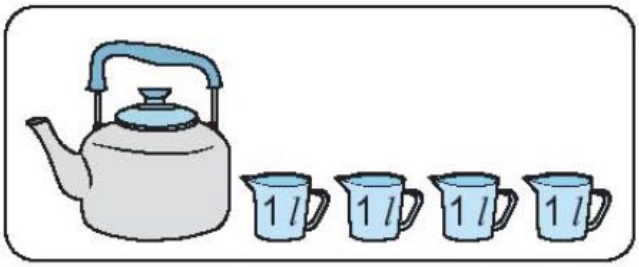


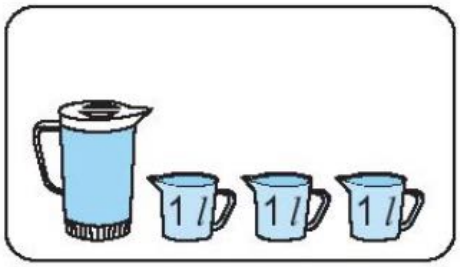
3 Số ?

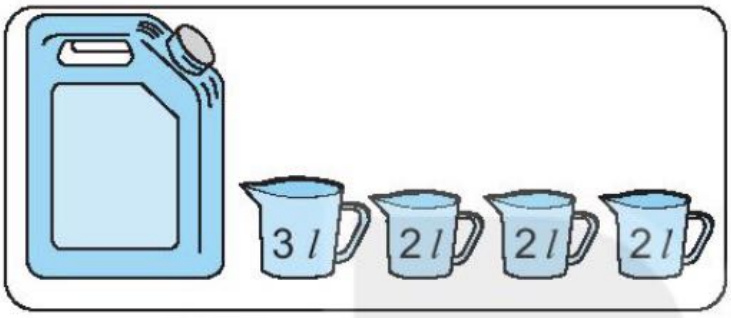


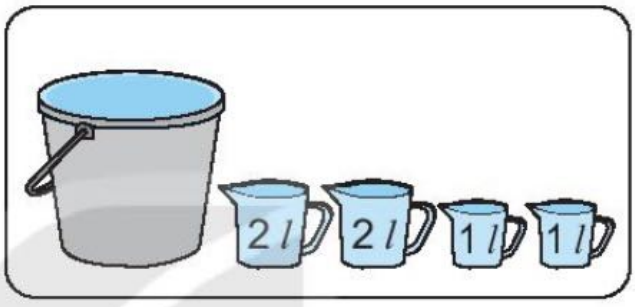
KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 Mỗi đồ vật đựng số lít nước ứng với các ca nước bên cạnh (như hình vẽ).









a) Số ?

Đồ vật	Ấm	Bình	Can	Xô
Số lít nước	4			

b) Viết tên các đồ vật theo thứ tự từ đựng ít nước nhất đến đựng nhiều nước nhất:

.....

5 Trong can to có 15 *l* nước mắm. Mẹ đã rót nước mắm từ can to vào đầy một can 5 *l*. Hỏi trong can to còn lại bao nhiêu lít nước mắm?

Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 17

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI CÁC ĐƠN VỊ KI-LÔ-GAM, LÍT

Tiết 1

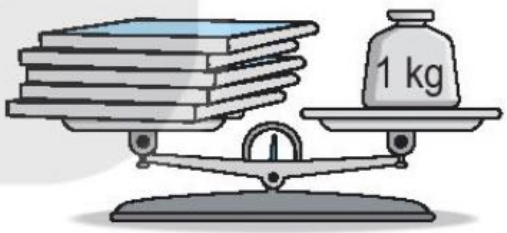
1 a) Em cầm quyển sách, rồi cầm cái bút chì.

Em ước lượng xem quyển sách nặng hơn hay nhẹ hơn bút chì rồi viết "nặng hơn", "nhẹ hơn" thích hợp vào chỗ chấm.

Quyển sách ..... bút chì.

Bút chì ..... quyển sách.

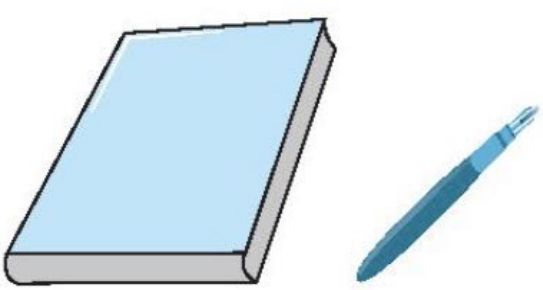
b) Quan sát hình bên rồi viết "nặng hơn", "nhẹ hơn" hoặc "cân nặng" thích hợp vào chỗ chấm.



5 quyển sách ..... 1 kg.

2 Em ước lượng vật nào nặng hơn, vật nào nhẹ hơn, rồi viết "nặng hơn", "nhẹ hơn" thích hợp vào chỗ chấm.

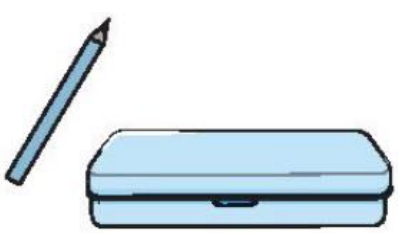
a)



Quyển sách ..... bút mực.

Bút mực ..... quyển sách.

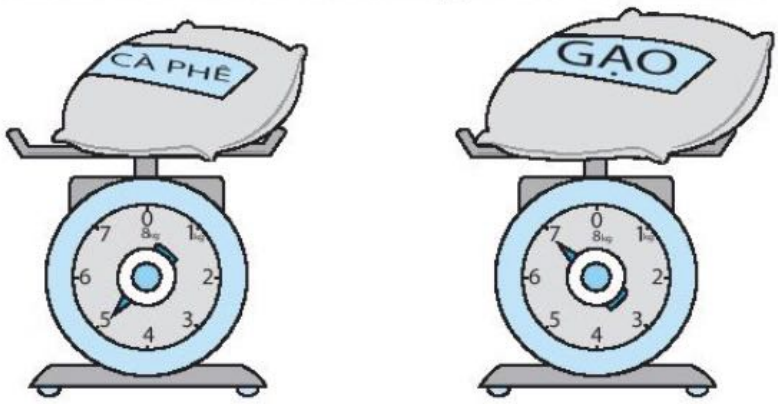
b)



Bút chì ..... hộp bút.

Hộp bút ..... bút chì.

3 Quan sát tranh rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.



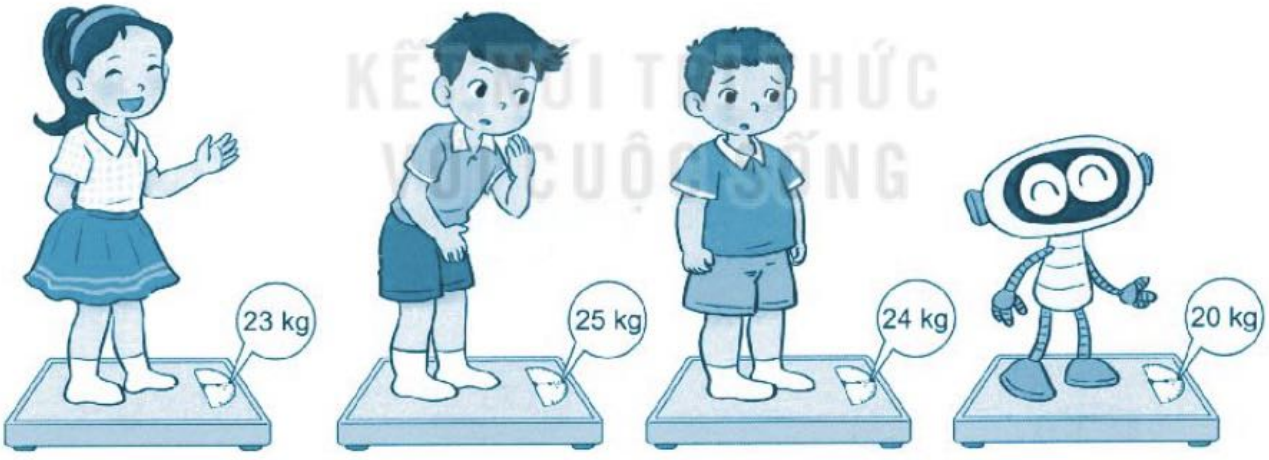
a) Túi cà phê cân nặng ..... kg. Túi gạo cân nặng ..... kg.

b) Túi gạo và túi cà phê cân nặng tất cả ..... kg.

c) Túi gạo nặng hơn túi cà phê ..... kg.

Tiết 2

1 Quan sát tranh rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Tên	Việt	Rô-bốt	Nam	Mai
Cân nặng	24 kg	..... kg	..... kg	..... kg

Bạn ..... cân nặng nhất. Bạn ..... cân nhẹ nhất.

2 Bằng cân đĩa, cân đồng hồ, cân bàn đồng hồ, hãy tập cân một số đồ vật xung quanh em rồi ghi kết quả cân nặng các đồ vật đó.

.....

.....

.....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Mỗi bình A và B chứa được số cốc nước như hình dưới đây.



a) Bình A chứa được ..... cốc nước.

Bình B chứa được ..... cốc nước.

b) Cả hai bình chứa được ..... cốc nước.

c) Bình A chứa được nhiều hơn bình B ..... cốc nước.

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Dùng ca 1 *l* múc nước ở trong thùng đổ vào xô đỏ 4 ca đầy nước và vào xô xanh 5 ca đầy nước. Khi đó:

a) Xô đỏ có ..... *l* nước.

b) Xô xanh có ..... *l* nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 18

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 20 kg + 50 kg = ... kg

70 kg – 20 kg = ... kg

31 kg + 22 kg = ... kg

53 kg – 22 kg = ... kg

b) 40 *l* + 30 *l* = ... *l*

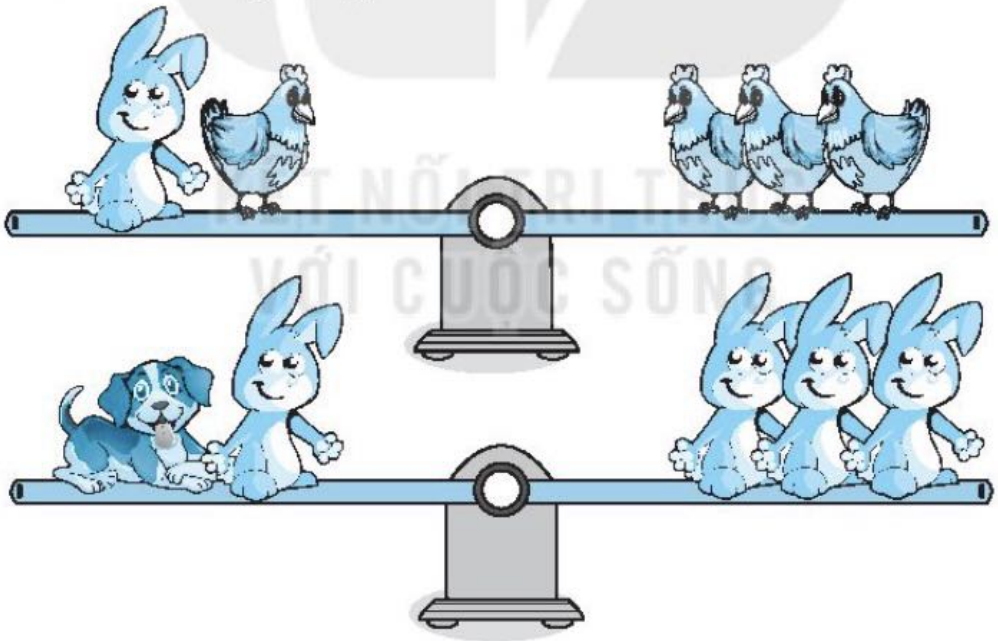
70 *l* – 30 *l* = ... *l*

23 *l* + 14 *l* = ... *l*

37 *l* – 23 *l* = ... *l*

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Thỏ, gà, chó chơi cầu thăng bằng. Biết cả hai trường hợp dưới đây cầu đều thăng bằng.



a) Một con thỏ nặng bằng ..... con gà.

b) Một con chó nặng bằng ..... con thỏ.

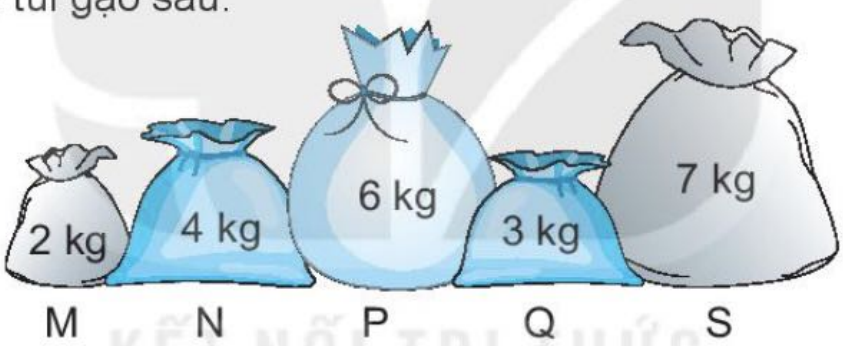
c) Một con chó nặng bằng ..... con gà.

3 Tại cửa hàng bán xăng, một người đi ô tô vào mua 30 *l* xăng, một người đi xe máy vào mua 3 *l* xăng. Hỏi cả hai người mua bao nhiêu lít xăng?

Bài giải

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có năm túi gạo sau:



a) Muốn lấy hai túi để được 11 kg gạo thì phải lấy ra hai túi gạo nào?

A. Túi N và túi P B. Túi Q và túi S C. Túi N và túi S

b) Muốn lấy ba túi để được 17 kg gạo thì phải lấy ra ba túi gạo nào?

A. Túi N, túi P và túi Q

B. Túi N, túi P và túi S

C. Túi P, túi Q và túi S

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 19

PHÉP CỘNG (có nhớ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Tiết 1

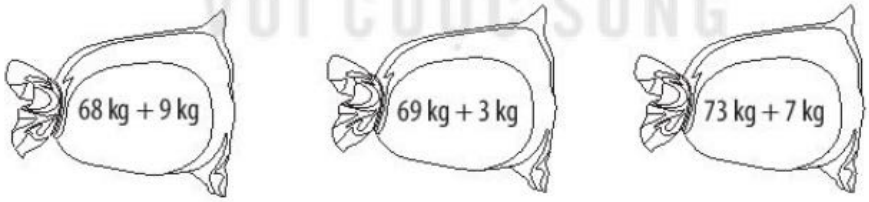
1 Tính.

34 + 7 = ...	82 + 9 = ...	16 + 5 = ...	48 + 3 = ...

2 Đặt tính rồi tính.

76 + 5	87 + 4	82 + 8	39 + 9
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

3 Kết quả của phép tính ghi trên mỗi bao gạo là cân nặng của bao đó. Tô màu cam vào bao gạo nặng nhất, màu xanh vào bao gạo nhẹ nhất và màu vàng vào bao gạo còn lại.

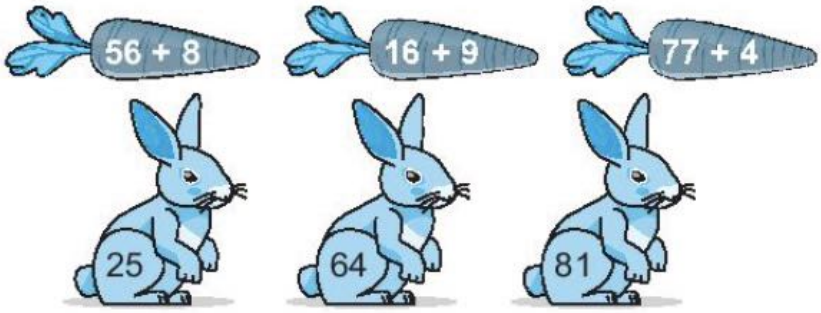


Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

46 + 4	63 + 7	25 + 7	15 + 9
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2 Nối phép tính với kết quả của phép tính đó.



3 Trong hộp bút có 24 cái bút chì và 6 cái bút mực. Hỏi trong hộp có tất cả bao nhiêu cái bút?

Bài giải

4 Số ?



Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

78 + 6	69 + 3	66 + 6	55 + 8
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Buổi sáng, bác Lâm đánh bắt được 29 kg cá. Buổi chiều, bác Lâm đánh bắt được hơn buổi sáng 6 kg cá. Hỏi buổi chiều, bác Lâm đánh bắt được bao nhiêu ki-lô-gam cá?

Bài giải

3 Tính.

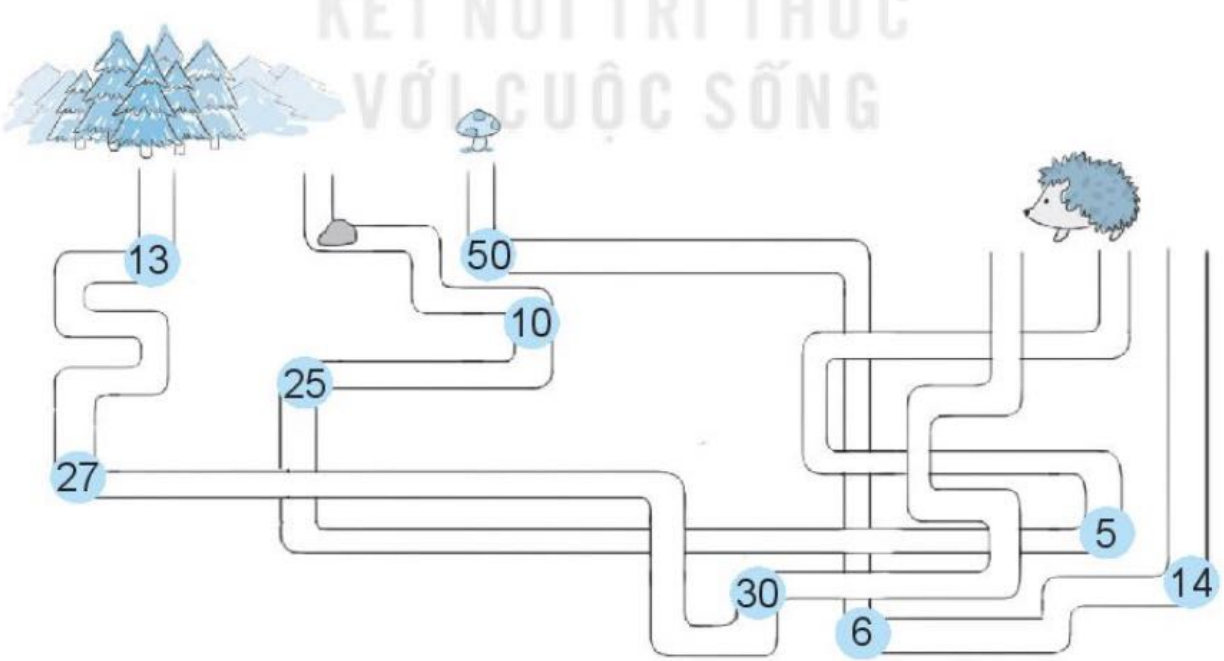
37 + 8 = ... 74 + 9 = ...

63 + 7 = ... 55 + 5 = ...

4 Tính.

a) 25 + 5 + 9 = ... b) 46 + 7 + 3 = ...

5 Bạn nhím cần đến khu rừng thông. Em hãy tô màu con đường bạn nhím đi rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Tổng các số trên con đường nhím đi là: ..... + ... + ... = ...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 20

PHÉP CỘNG (có nhớ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Tính.

35 + 17	29 + 11	68 + 23	79 + 12 .....

2 Đặt tính rồi tính.

75 + 16	59 + 17	24 + 66	33 + 45
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

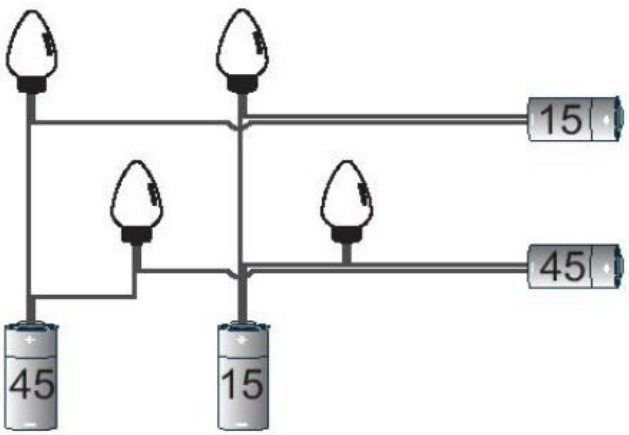
3 Viết phép tính đúng thu được sau khi chuyển một que tính ở kết quả trong hình bên:



.....

.....

4 Tô màu vàng cho những bóng đèn phát sáng. Biết bóng đèn chỉ phát sáng nếu nó được nối bởi hai số có tổng bằng 60.

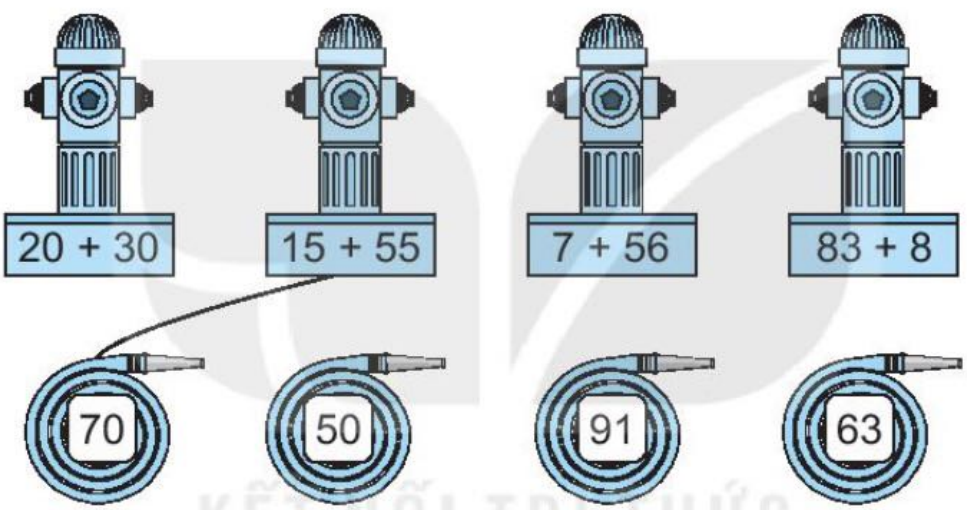


Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

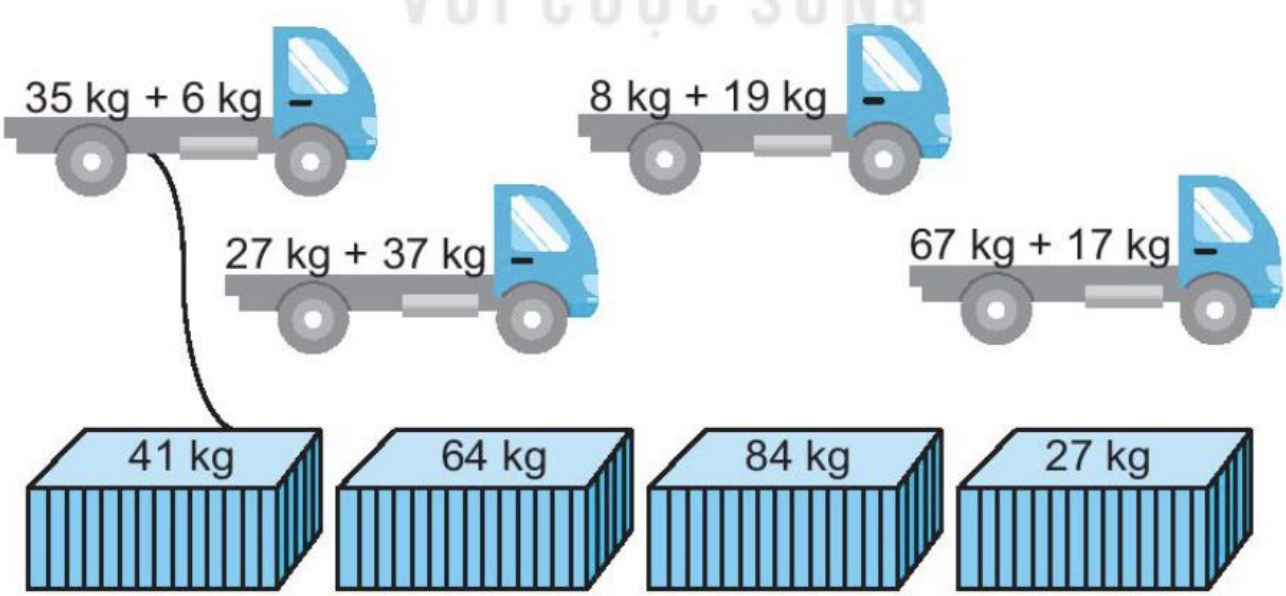
45 + 7	19 + 79	34 + 58	37 + 53
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2 Nối dây cứu hoả với trụ cứu hoả thích hợp (theo mẫu).



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

3 Nối (theo mẫu).

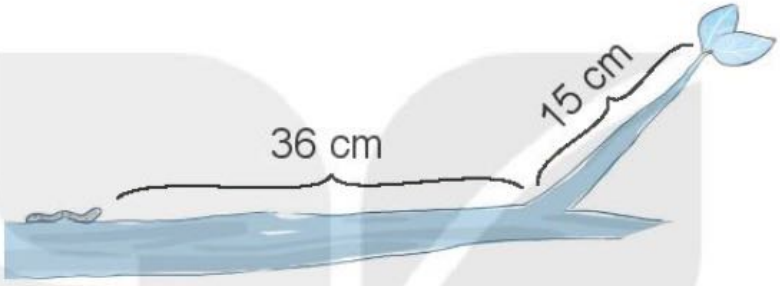


4 Buổi sáng, cô Hoa thu hoạch được 17 *l* mật ong. Buổi chiều, cô Hoa thu hoạch được 23 *l*. Hỏi ngày hôm đó cô Hoa thu hoạch được bao nhiêu lít mật ong?

Bài giải

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Con sâu phải bò ..... cm để đến chiếc lá.

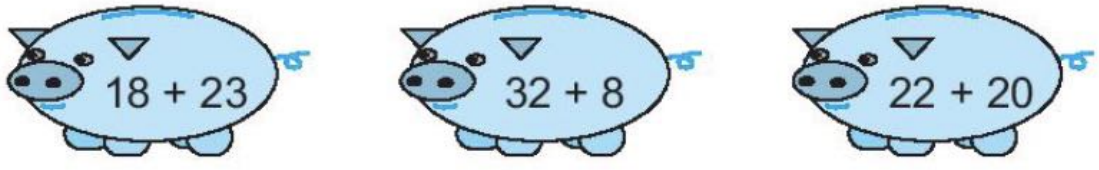


Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

25 + 37	37 + 25	18 + 43	43 + 18
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

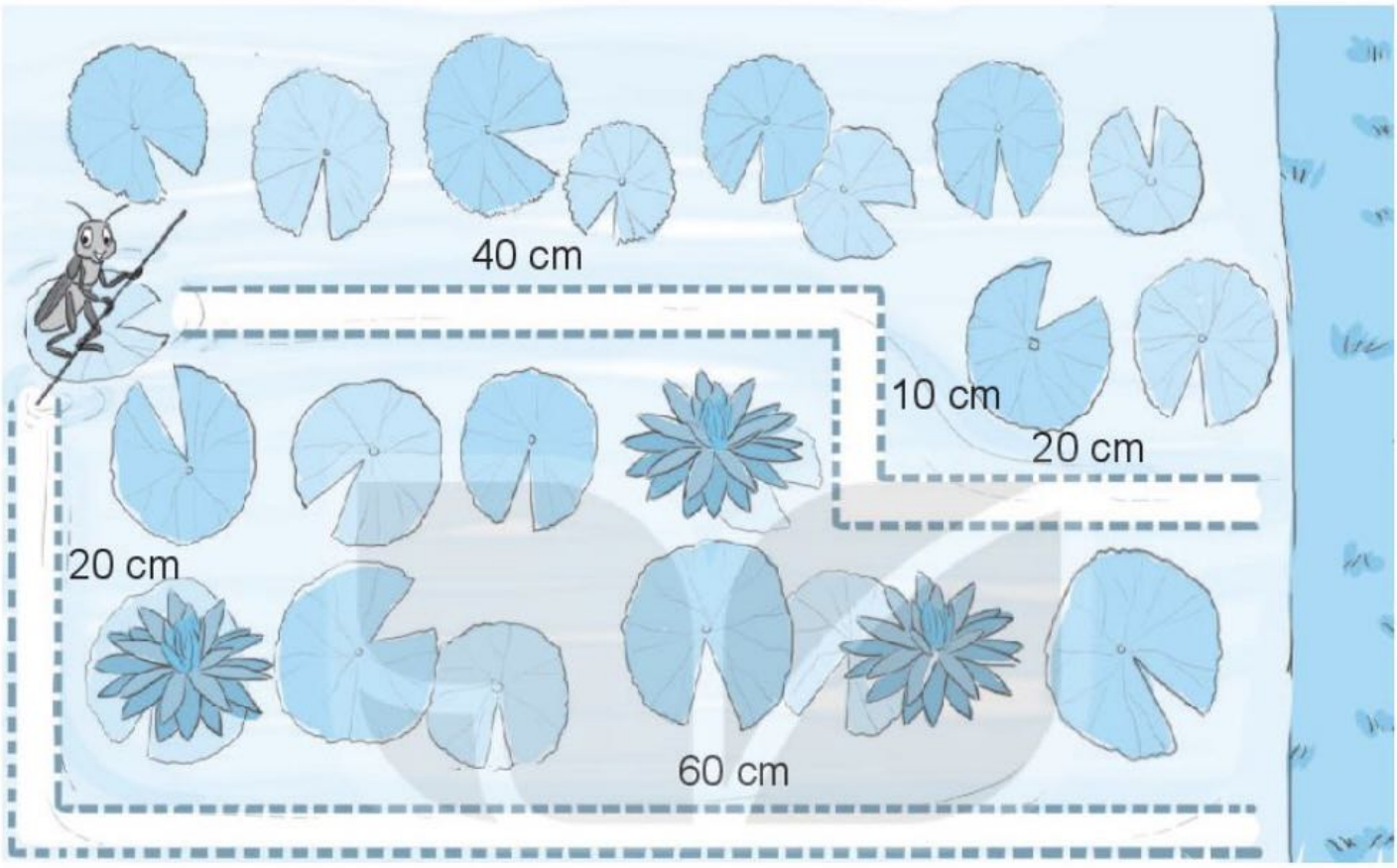
2 Viết vào chỗ chấm cho thích hợp.



Kết quả các phép tính ghi trên heo đất được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Có hai con đường để dế mèn đi đến bờ cỏ (như hình vẽ). Tô màu xanh con đường ngắn hơn và màu đỏ con đường còn lại.



4 Tính.

35 + 15 + 6 = ... 29 + 11 + 4 = ...

68 + 22 + 7 = ... 47 + 33 + 9 = ...

Tiết 4

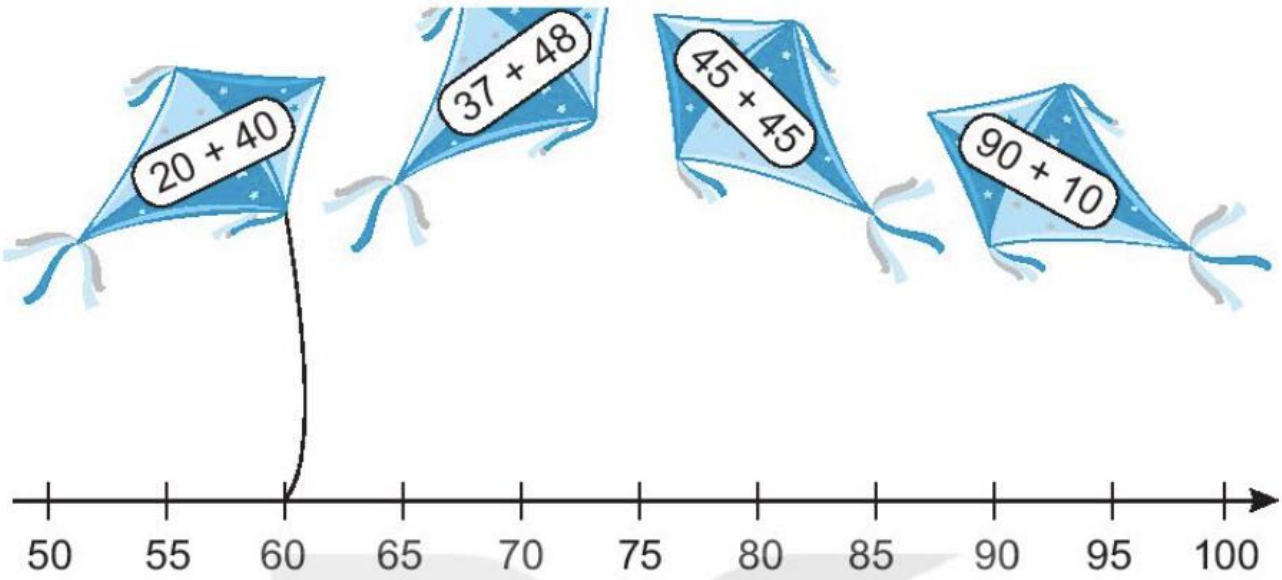
1 Tính.

73 + 7 = ... 64 + 26 = ...

15 + 38 = ... 43 + 18 = ...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Nối (theo mẫu).



3 Viết số thích hợp vào chỗ trống.

a) 

b) 

4 Nhà bạn Hoa nuôi một đàn thỏ có 18 con. Mùa hè vừa rồi, đàn thỏ đẻ thêm 12 con thỏ nữa. Hỏi nhà bạn Hoa có tất cả bao nhiêu con thỏ?

Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 21

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Tính.

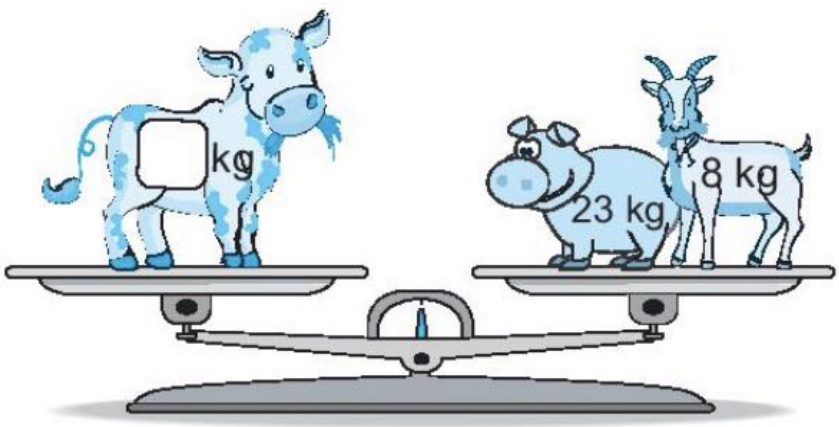
28 + 38 = ... 46 + 24 = ...

51 + 39 = ... 65 + 17 = ...

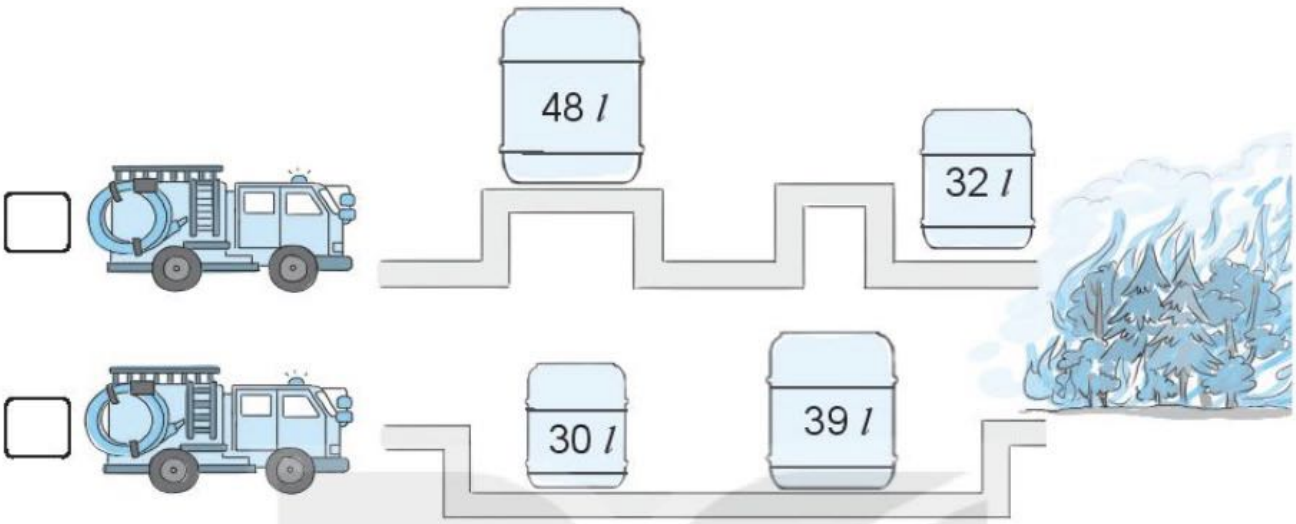
2 Ngỗng cân nặng 5 kg. Ngỗng nhẹ hơn dê 15 kg. Hỏi dê cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

3 Số ?

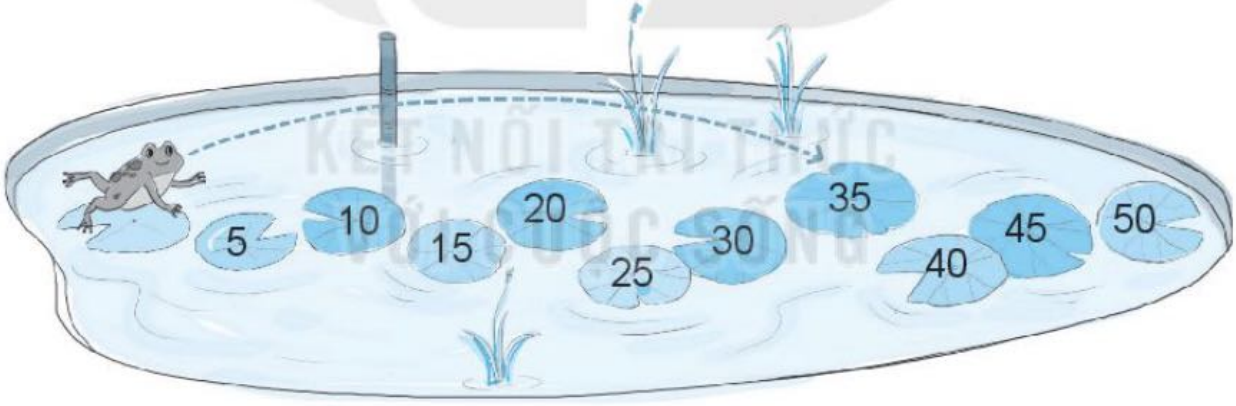


4 Mỗi xe cứu hoả đến đám cháy theo một con đường. Mỗi xe sẽ lấy hết nước trong bình đặt trên con đường đó. Đánh dấu ✓ vào ô trống đặt trước xe lấy được nhiều nước hơn.



5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Bạn ếch tham gia thi nhảy xa. Lần thứ nhất xuất phát từ lá sen, bạn ấy nhảy qua 6 lá và được 35 điểm (như hình vẽ). Lần thứ hai, cũng xuất phát từ lá sen đó, bạn ấy nhảy qua 8 lá.



a) Lần nhảy thứ hai, bạn ếch được ..... điểm.

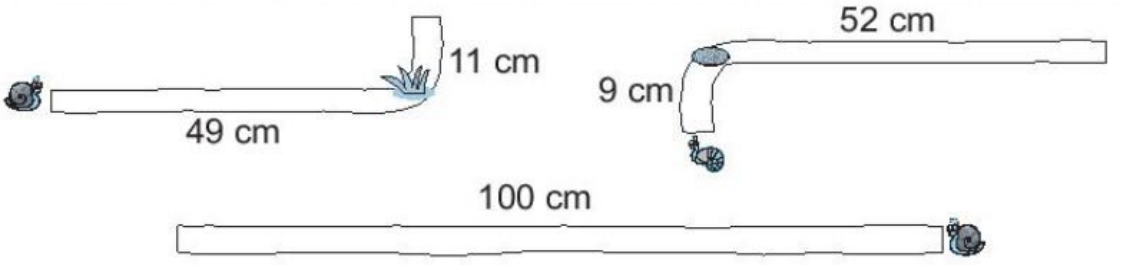
b) Cả hai lần nhảy, bạn ếch được ..... điểm.

Tiết 2

1 Tính.

51 + 29 = ... 72 + 8 = ... 36 + 34 = ...

2 Tô màu vàng con đường dài nhất, màu xanh con đường ngắn nhất.



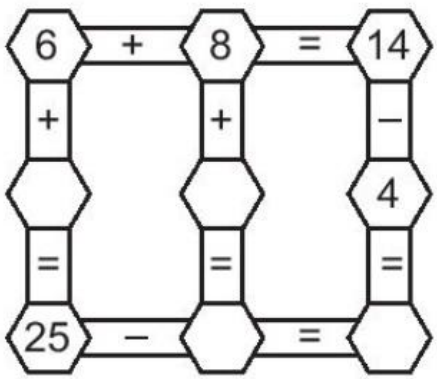
3 Ngày thứ nhất, bác Thanh trồng được 35 cây đu đủ. Ngày thứ hai, bác trồng được 15 cây chuối. Hỏi cả hai ngày bác Thanh trồng được bao nhiêu cây đu đủ và chuối?

Bài giải

4 Mực nước trong bể cao 48 cm. Sau cơn mưa, mực nước trong bể tăng thêm 12 cm. Hỏi lúc này mực nước trong bể cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

5 Số ?



BÀI 22

PHÉP TRỪ (có nhớ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Tính.

54	40	72	81
− 8	− 9	− 4	− 3
.....	.....	.....	.....

2 Đặt tính rồi tính.

73 – 6	22 – 4	34 – 7	60 – 4
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

3 Nối (theo mẫu).



4 Trên bến có 52 chiếc thuyền. Lúc sau, có 8 chiếc thuyền rời bến. Hỏi trên bến còn lại bao nhiêu chiếc thuyền?

Bài giải

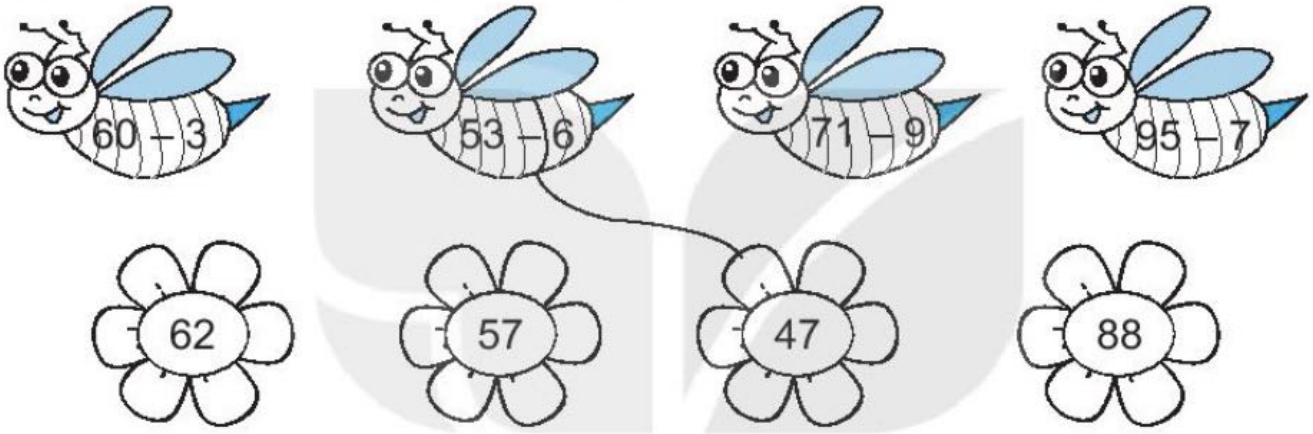
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

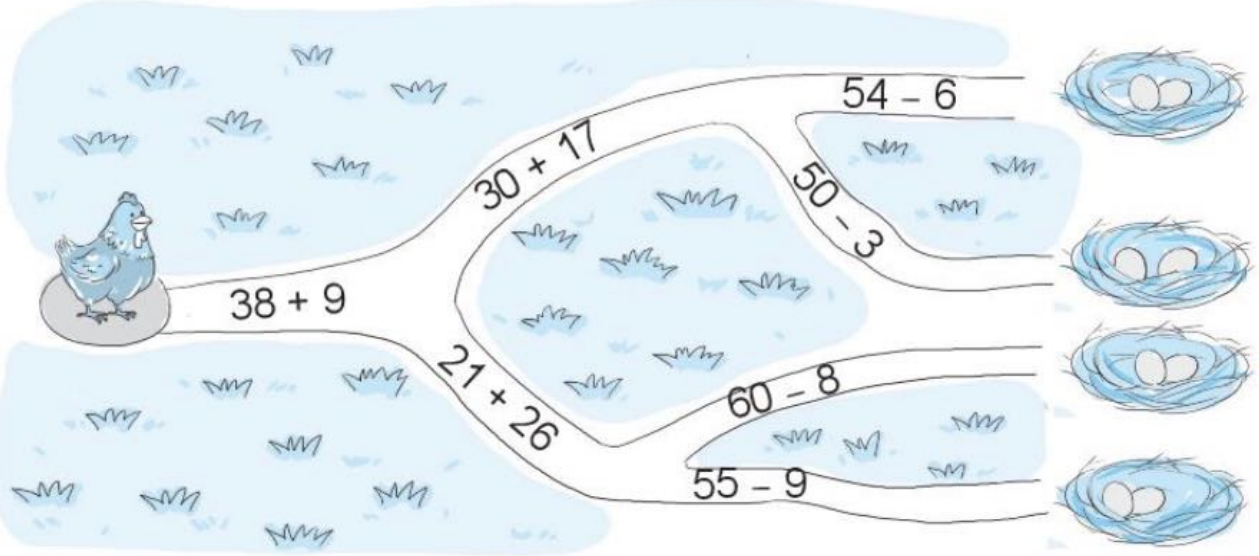
80 – 6	43 – 5	57 – 8	73 – 7
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2 a) Nối mỗi con ong với bông hoa thích hợp (theo mẫu).



b) Tô màu vàng vào bông hoa ghi số lớn nhất, màu xanh vào bông hoa ghi số bé nhất và màu đỏ vào các bông hoa còn lại.

3 Đường đến ổ rơm của gà mái mơ đi qua ba phép tính có kết quả bằng nhau. Hãy tô màu cho đường đi đến ổ rơm của gà mái mơ.



Bài giải

4 Cây mít nhà bà có 32 quả. Có 5 quả mít chín và được bà lấy xuống. Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu quả mít?

Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

45 – 6	20 – 9	72 – 4	80 – 7
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2 Viết số thích hợp vào chỗ trống.

a) 

b) 

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bạn chim sẽ vào tổ ghi phép tính có kết quả lớn nhất. Bạn chim sẽ vào tổ nào?



A. 

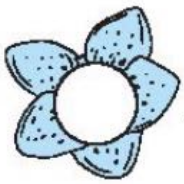
B. 

C. 

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Viết mỗi số 40, 50 và 70 vào một ô trống để được các phép tính đúng.

90 –  = 40

 –  = 30

5 Chó nặng 25 kg. Chó nặng hơn khỉ 7 kg. Hỏi khỉ nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

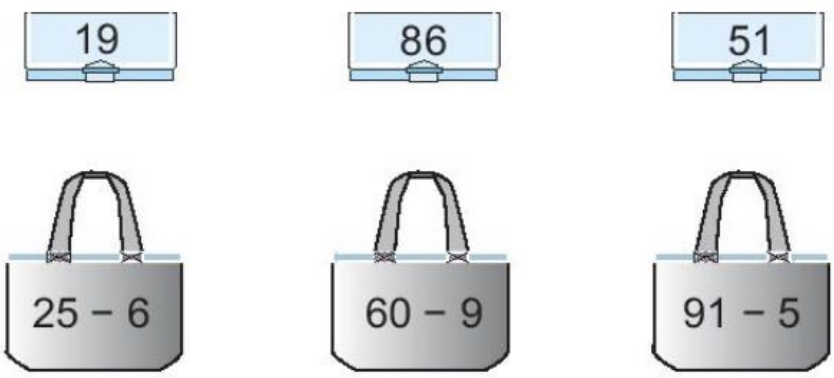
Bài giải

Tiết 4

1 Số ?

Số bị trừ	52	77	23	24	70
Số trừ	4	8	6	9	30
Hiệu					

2 Mỗi chiếc ví sẽ được đặt vào chiếc túi ghi phép tính có kết quả là số ghi trên chiếc ví đó. Em hãy nối để tìm túi đựng cho mỗi chiếc ví.



3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Kết quả tính 50 + 20 – 7 là:

A. 53 B. 63 C. 73

b) Kết quả tính 42 – 5 + 18 là:

A. 35 B. 45 C. 55

4 Mi vẽ một bức tranh có 33 bông hoa màu đỏ và màu vàng, trong đó có 9 bông hoa màu đỏ. Hỏi có bao nhiêu bông hoa được Mi tô màu vàng?

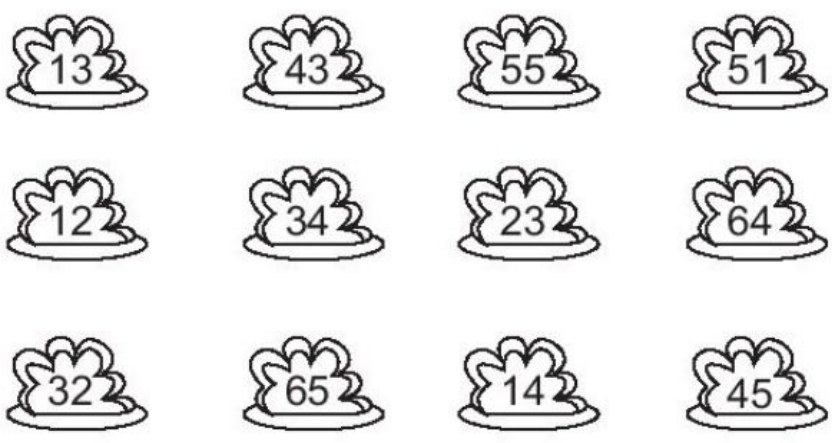
Bài giải

5 Châu chấu bật nhảy đến các bụi cỏ ghi số theo thứ tự các số là kết quả của các phép tính dưới đây.

20 − 8 → 40 − 6 → 32 − 9 → 52 − 7

Em hãy tô màu các bụi cỏ mà châu chấu nhảy đến.





KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 23 PHÉP TRỪ (có nhớ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

Tiết 1

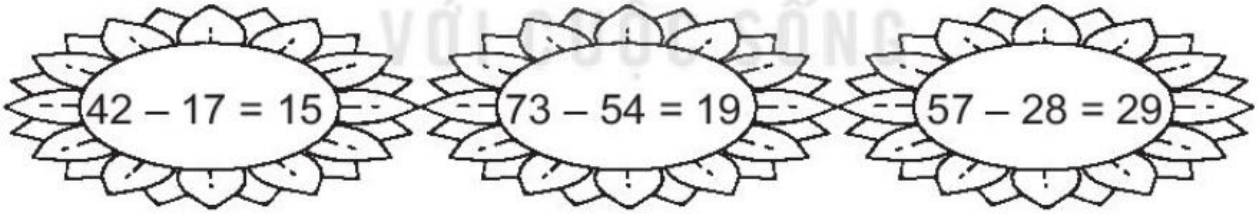
1 Tính.

71	60	82	35
− 25	− 18	− 45	− 29
.....	.....	.....	.....

2 a) Đặt tính rồi tính.

52 – 25	83 – 38	50 – 24	53 – 17
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

b) Tô màu vào các bông hoa ghi phép tính đúng.



3 Trên cành cây có 30 con chim. Lúc sau có 14 con chim bay đi. Hỏi trên cành cây còn lại bao nhiêu con chim?

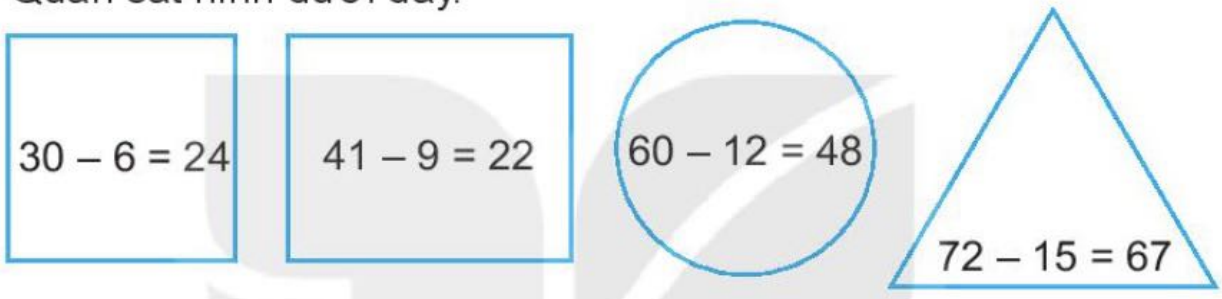
Bài giải

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

36 – 18	52 – 34	80 – 37	70 – 52
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2 Quan sát hình dưới đây.



a) Tô màu vào các hình ghi phép tính đúng.

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu).

Các hình ghi phép tính đúng là: hình vuông;.....

.....

3 Trong bến xe có 40 ô tô. Lúc sau có 16 ô tô rời bến. Hỏi trong bến còn lại bao nhiêu ô tô?

Bài giải

4 **>; <; =** ?

a) 42 – 15 ☐ 20 + 10

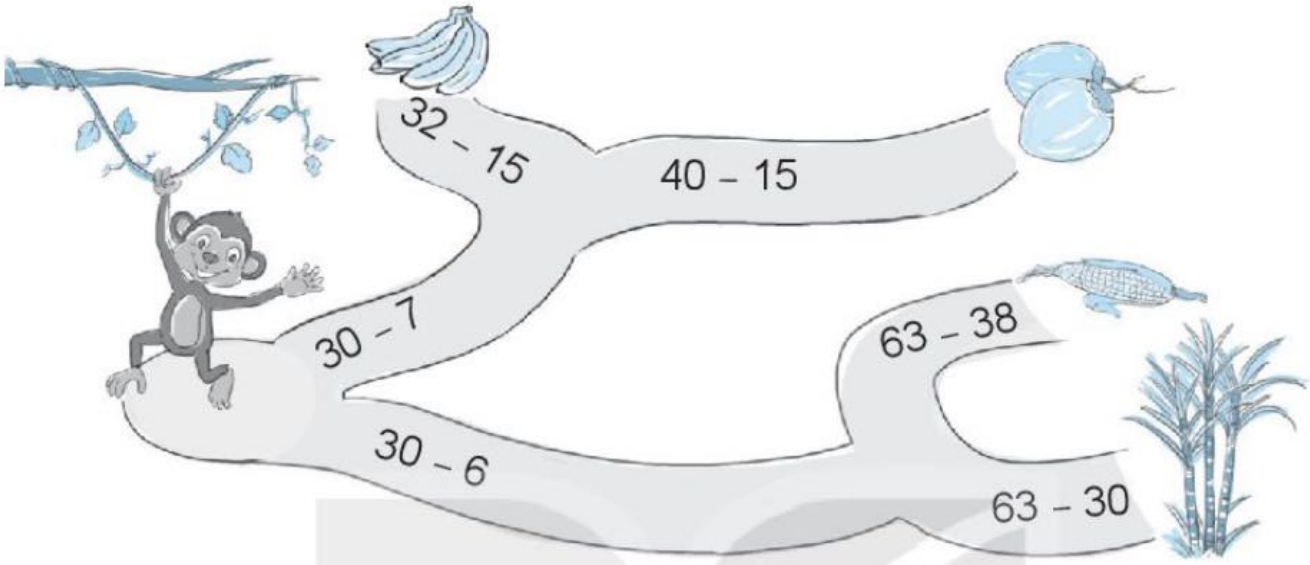
70 – 26 ☐ 20 + 30

b) 62 – 25 ☐ 50 – 25

51 – 16 ☐ 44 – 16

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Tại mỗi ngã rẽ, bạn khỉ sẽ đi theo con đường ghi phép tính có kết quả nhỏ hơn. Khoanh vào món ăn mà bạn khỉ sẽ đến.



Tiết 3

1 Tính nhẩm.

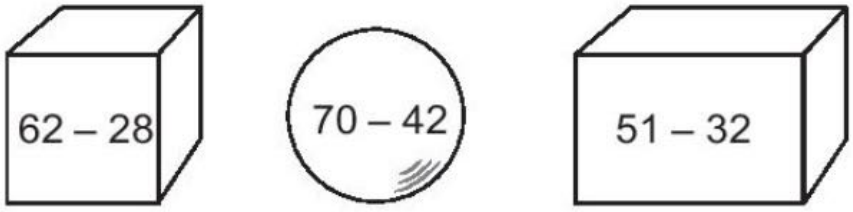
100 – 20 = ... 100 – 60 = ... 100 – 10 = ...

2 Xe máy chở 70 kg hàng. Xe đạp chở ít hơn xe máy 55 kg hàng. Hỏi xe đạp chở bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Quan sát hình dưới đây.

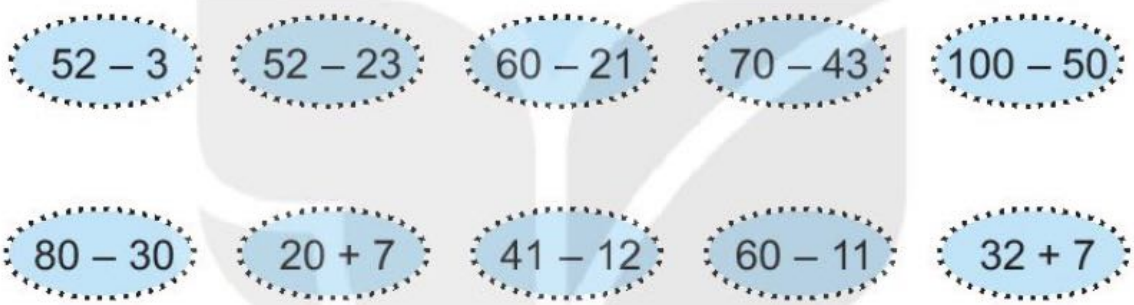


a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Khối lập phương ghi phép tính có kết quả bằng .....

b) Tô màu vàng vào hình khối ghi phép tính có kết quả lớn nhất, màu đỏ vào hình khối ghi phép tính có kết quả bé nhất.

4 Nối hai phép tính có kết quả bằng nhau.



Tiết 4

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1 Đặt tính rồi tính.

51 – 25	72 – 36	96 – 48	70 – 35
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

5□	72	□0	□6
− 25	− □7	− 38	− 1□
26	3□	3□	29

3 Một toà nhà có 90 cửa sổ. Có 52 cửa sổ đang mở. Hỏi có bao nhiêu cửa sổ không mở?

Bài giải

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Kết quả tính 42 + 28 – 26 là:

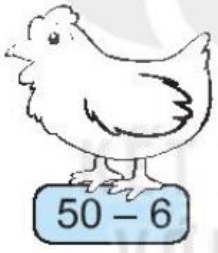
A. 34 B. 44 C. 54

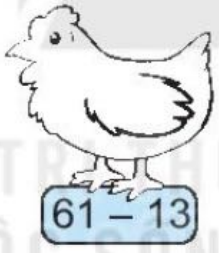
b) Kết quả tính 42 – 34 + 62 là:

A. 60 B. 70 C. 80

5 Hãy giúp gà con tìm mẹ, biết rằng gà mẹ đang đứng ở ô ghi phép tính có kết quả lớn nhất. Tô màu vàng cho gà mẹ và gà con.







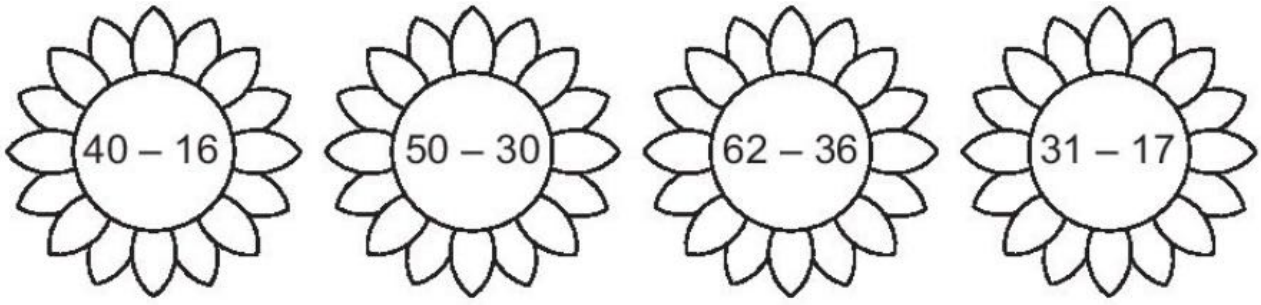


Tiết 5

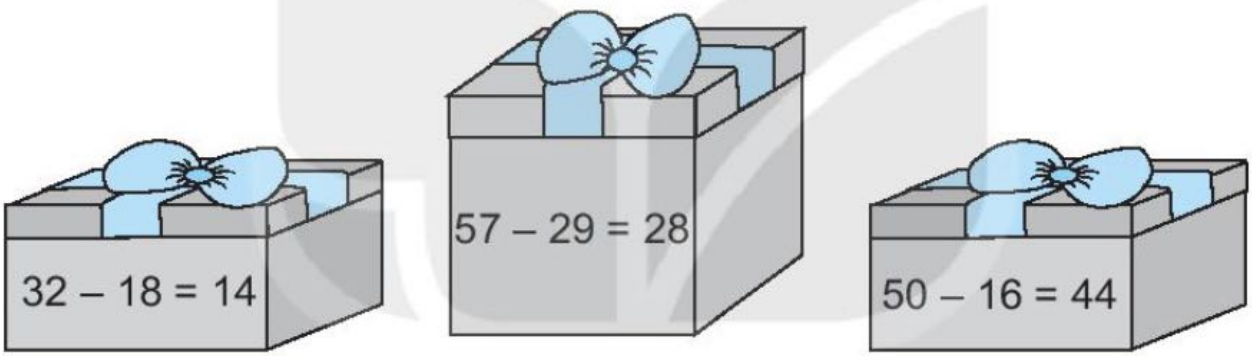
1 Số ?

Số bị trừ	46	60	70	51	90
Số trừ	19	27	32	15	20
Hiệu	27				

2 Tô màu đỏ vào bông hoa ghi phép tính có kết quả lớn nhất, màu vàng vào bông hoa ghi phép tính có kết quả bé nhất.



3 Khoanh vào chữ đặt dưới hộp quà ghi phép tính đúng nhưng không có dạng khối lập phương.



4 Vườn nhà bác Mạnh trồng 28 cây cam và quýt, trong đó có 19 cây quýt. Hỏi trong vườn nhà bác Mạnh có bao nhiêu cây cam?

Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 24

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

35 – 9	41 – 6	70 – 34	55 – 26
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2 Số ?



3 Rô-bốt cần leo qua 52 bậc cầu thang. Rô-bốt đã leo được 19 bậc. Hỏi Rô-bốt cần leo thêm bao nhiêu bậc cầu thang nữa?

Bài giải

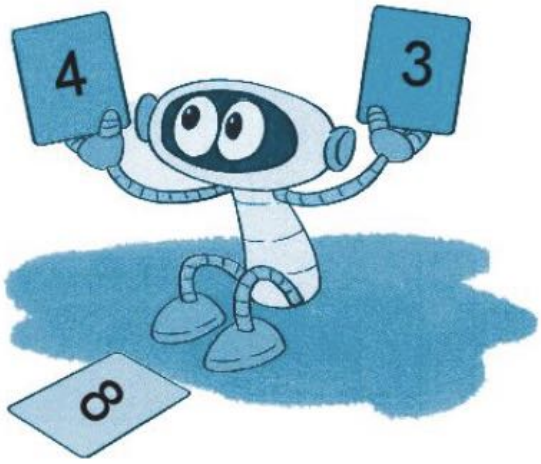
4 Dựa vào câu chuyện của sóc, chuột và nhím, em hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Phép tính nào sau đây có kết quả là số hạt dẻ của sóc?

A. 73 – 33 B. 61 – 26 C. 83 – 45

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



a) Ghép hai trong ba thẻ số trên được các số có hai chữ số lớn hơn 40 và bé hơn 50 là:

.....

b) Tìm tổng và hiệu của số tìm được ở câu a với số trên tấm thẻ còn lại.

.....

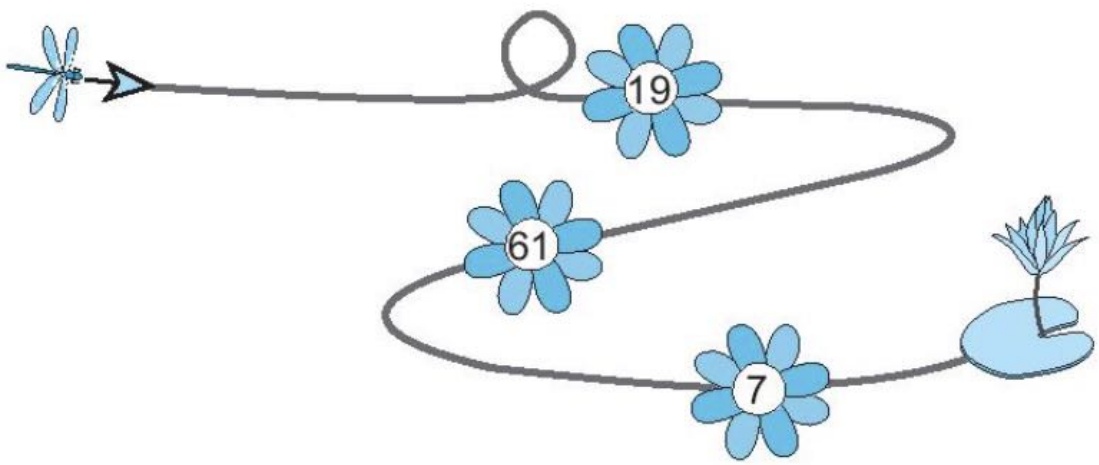
Tiết 2

1 Tính.

25 + 65 – 40 = ... 100 – 50 – 25 = ...

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Chuồn chuồn bay theo hướng sợi dây dưới đây, xuất phát từ mũi tên.



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

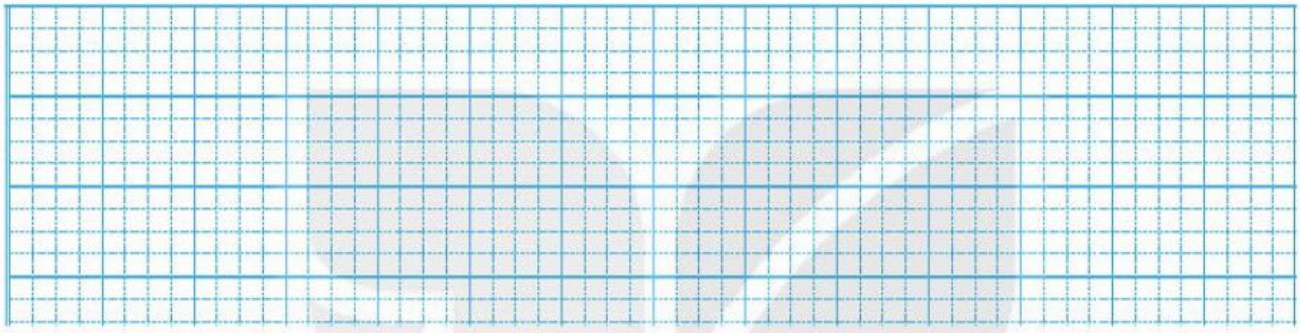
a) Chuồn chuồn sẽ gặp bông hoa đầu tiên ghi số ..... và gặp bông hoa sau cùng ghi số .....

b) Tính tổng các số trên ba bông hoa mà chuồn chuồn đã gặp.

.....

3 Một cửa hàng, buổi sáng bán được 52 *l* nước mắm, buổi chiều bán được 43 *l* nước mắm. Hỏi cả hai buổi cửa hàng bán được bao nhiêu lít nước mắm?

Bài giải



4 Viết chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

70 – 29 > 4... 81 – 23 < 5...

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ sáu số 30, 52, 18, 5, 25, 34 lập được các phép trừ là:

30 – 5 = 25; .....

.....

.....

.....

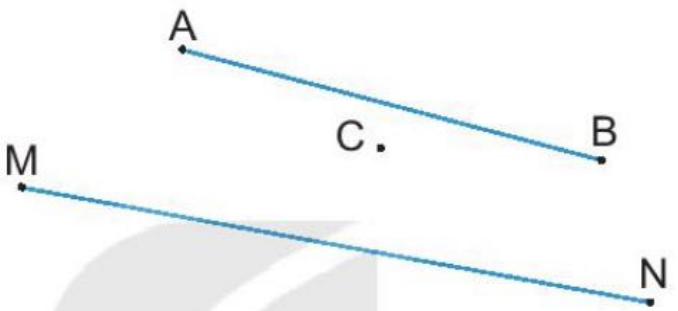
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 25

ĐIỂM, ĐOẠN THẲNG, ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG, BA ĐIỂM THẲNG HÀNG

Tiết 1

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

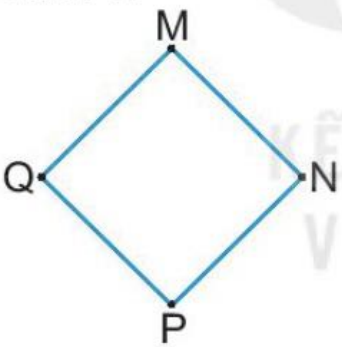


a) Trong hình vẽ bên có các điểm là: .....
.....

b) Trong hình vẽ có các đoạn thẳng là: .....

2 Viết vào chỗ chấm (theo mẫu).

Hình 1:



Hình 2:

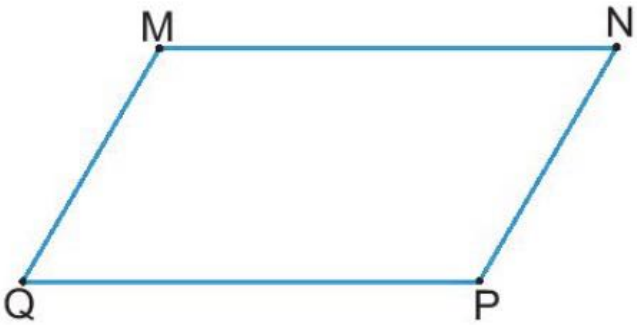


	Hình 1	Hình 2
Tên các đoạn thẳng	MN, ...	.....

3 Đo độ dài các đoạn thẳng rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Đoạn thẳng MN dài ..... cm.

Đoạn thẳng NP dài ..... cm.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Cho hình vẽ:



a) Đo độ dài các đoạn thẳng rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Đoạn thẳng AB dài ..... cm. Đoạn thẳng BC dài ..... cm.

Đoạn thẳng CD dài ..... cm. Đoạn thẳng DE dài ..... cm.

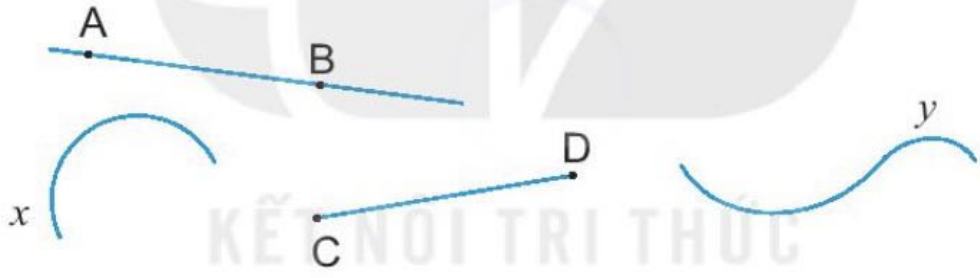
b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Đoạn thẳng ..... dài nhất. Đoạn thẳng ..... ngắn nhất.

Đoạn thẳng AB và đoạn thẳng ..... dài bằng nhau.

Tiết 2

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



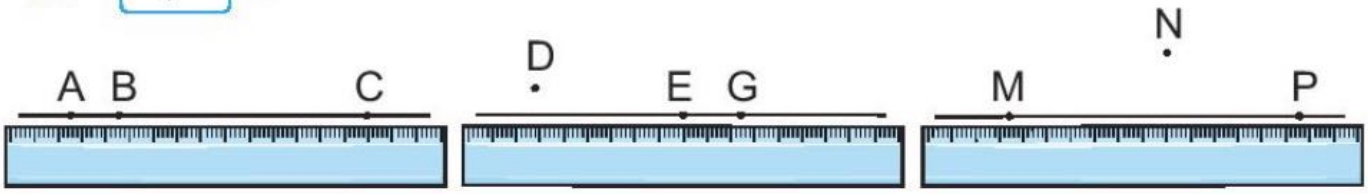
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Trong hình vẽ trên có:

a) Đường thẳng: .....

b) Đường cong: .....

2 Đ, S ?



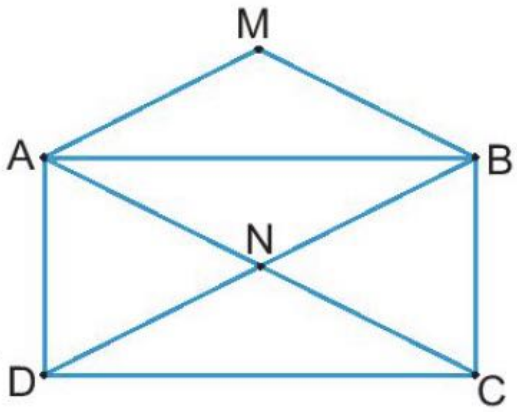
Trong hình vẽ trên:

Ba điểm D, E, G thẳng hàng. ☐ Ba điểm A, B, C thẳng hàng. ☐

Ba điểm M, N, P thẳng hàng. ☐

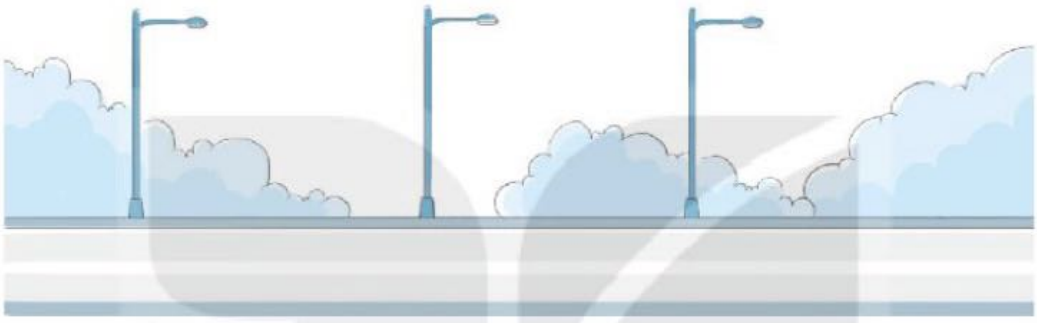
3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ bên là: A, N, C và .....



4 Quan sát tranh rồi nối để có câu hợp lí.

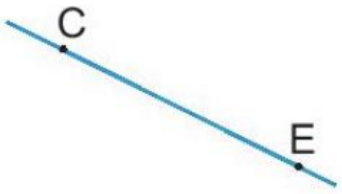




Vạch kẻ đường	có dạng đường cong.
Ba cột đèn	có dạng đường thẳng.
Vệt mây do máy bay tạo ra	thẳng hàng.

5 a) Vẽ đường thẳng AB. Vẽ đoạn thẳng MN.

b) Vẽ điểm D để có ba điểm C, D, E thẳng hàng.



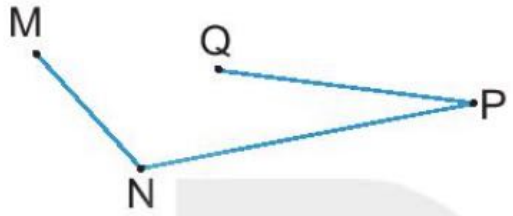
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 26 ĐƯỜNG GẤP KHÚC. HÌNH TỨ GIÁC

Tiết 1

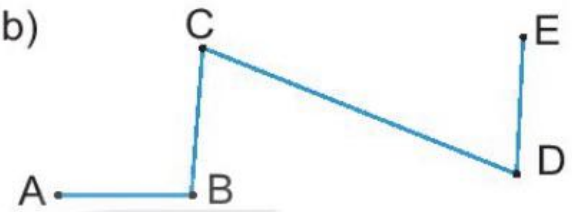
1 Viết tên đường gấp khúc vào chỗ chấm.

a)



Đường gấp khúc .....

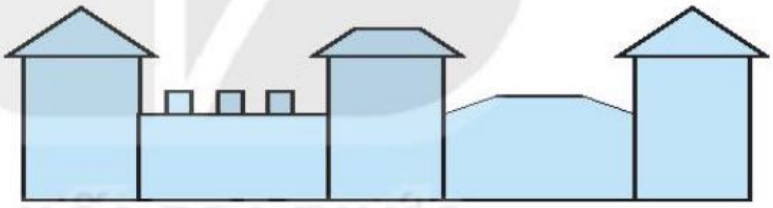
b)



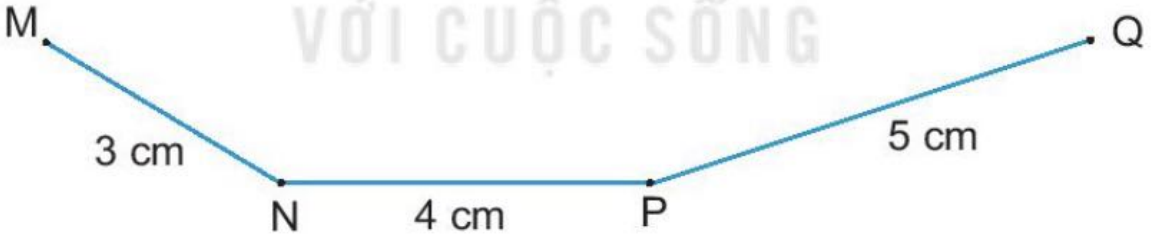
Đường gấp khúc .....

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình vẽ bên có ..... hình tứ giác.



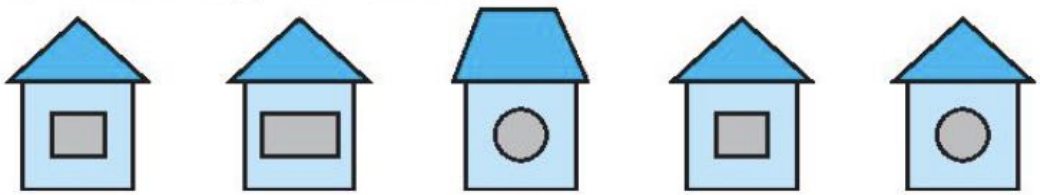
3 Tính độ dài đường gấp khúc MNPQ.



Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

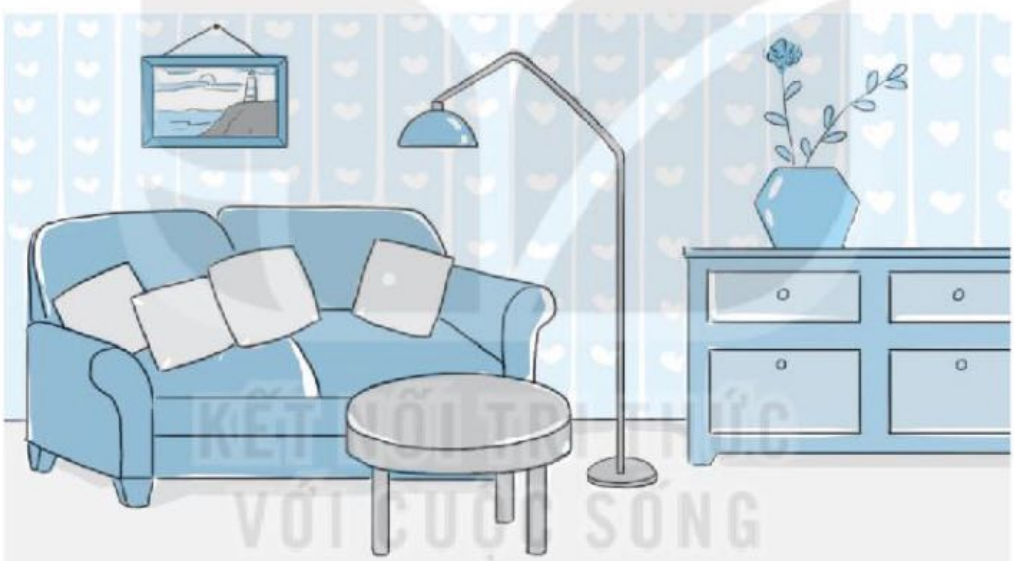
4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



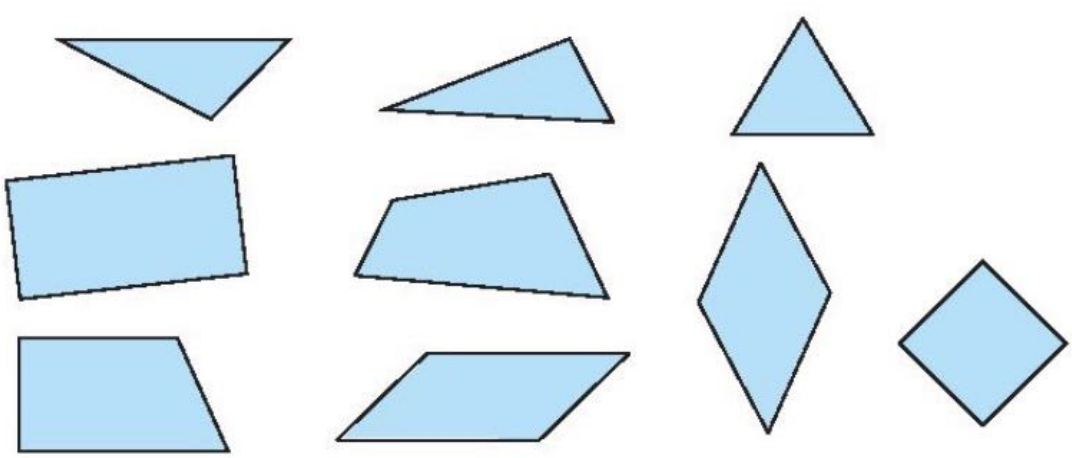
Tất cả những ngôi nhà trên được xếp từ ..... mảnh giấy hình tam giác, ... mảnh giấy hình tứ giác và ..... mảnh giấy hình tròn.

Tiết 2

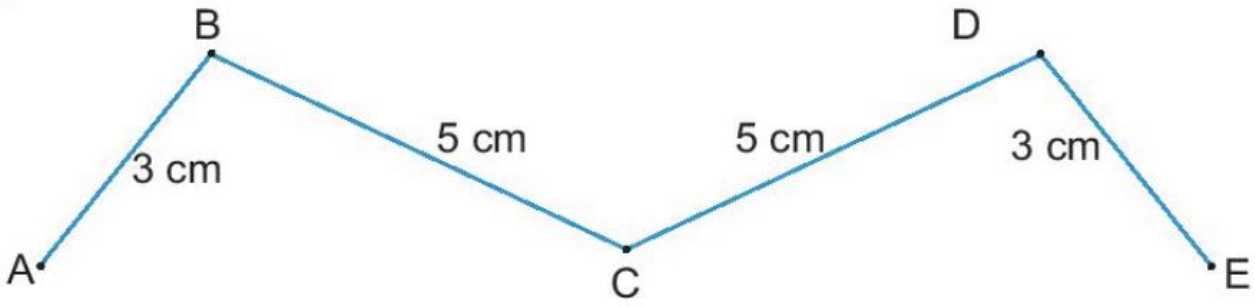
1 Khoanh vào vật có dạng đường gấp khúc và dạng hình tứ giác trong bức tranh bên dưới.



2 Vẽ một đường kẻ chia hình dưới đây thành hai phần: một phần chỉ có hình tứ giác, một phần chỉ có hình tam giác.



3 Cho hình vẽ:



a) Viết tên đường gấp khúc thích hợp vào chỗ chấm.

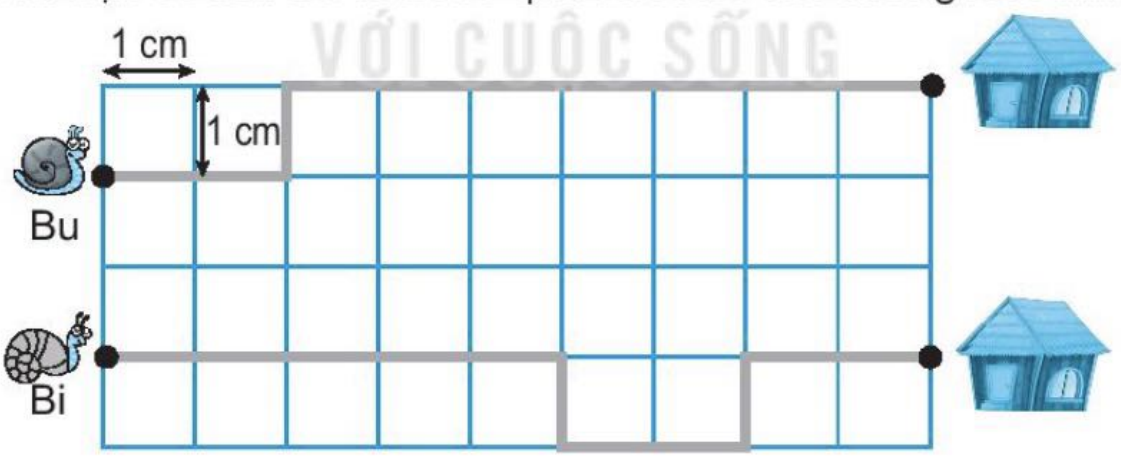
Các đường gấp khúc gồm 3 đoạn thẳng là: .....

Đường gấp khúc gồm 4 đoạn thẳng là: .....

b) Tính độ dài đường gấp khúc BCDE.

Bài giải

4 Hai bạn ốc sên Bu và Bi bò qua sân theo hai đường như hình vẽ.



Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Bu bò quãng đường dài ..... cm. Bi bò quãng đường dài ..... cm.

b) Bạn ..... bò quãng đường dài hơn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

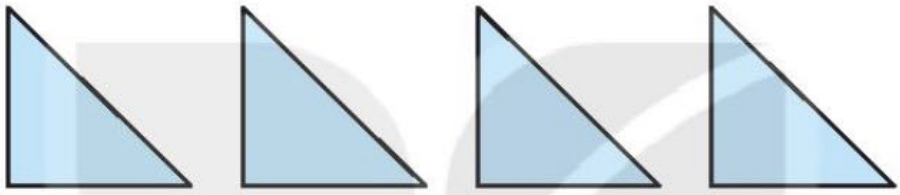
BÀI 27

THỰC HÀNH GẤP, CẮT, GHÉP, XẾP HÌNH. VẼ ĐOẠN THẲNG

Tiết 1

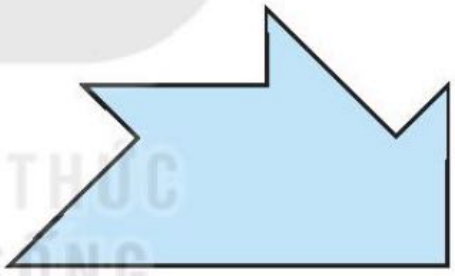
1 Khoanh vào chữ đặt trước đáp án đúng.

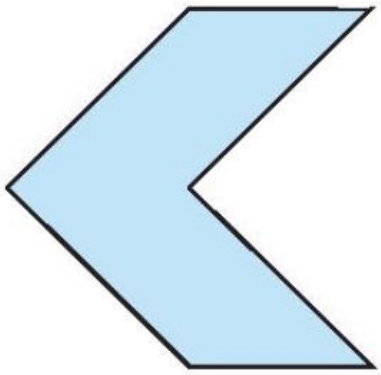
Mai có 4 hình tam giác giống nhau như sau:

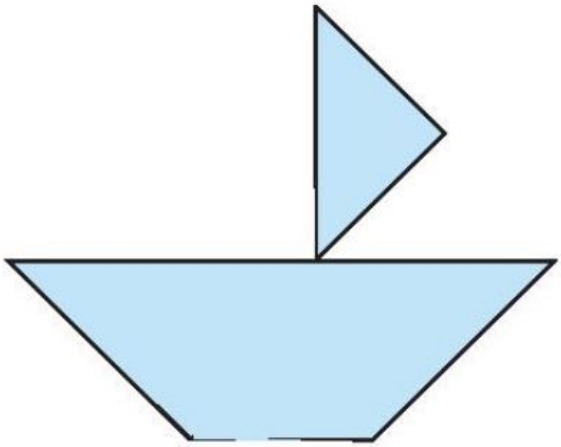


Dùng 4 hình đó, Mai không thể xếp được hình nào dưới đây?

A. 

B. 

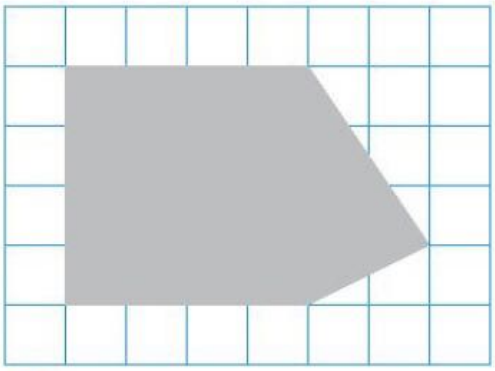
C. 

D. 

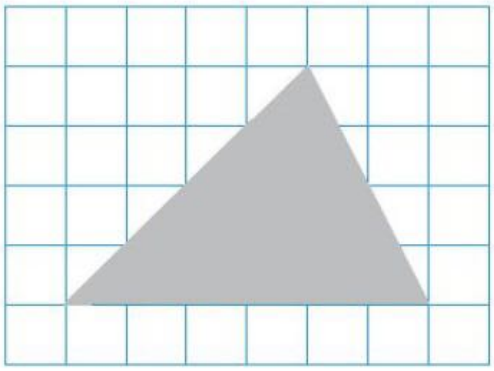
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Kẻ thêm một đoạn thẳng trong mỗi hình dưới đây để khi cắt theo đường kẻ đó, ta sẽ nhận được 1 hình tứ giác và 1 hình tam giác.

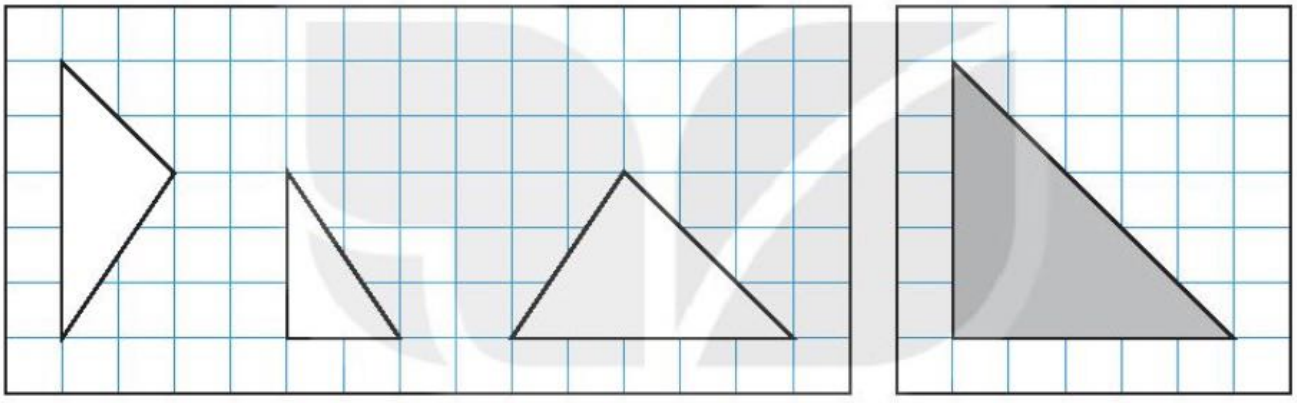
a)



b)



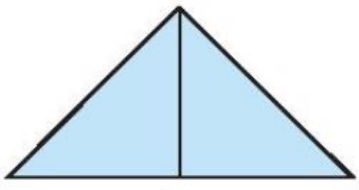
3 Tô màu hai hình ở cột bên trái ghép được hình ở cột bên phải.



4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu).

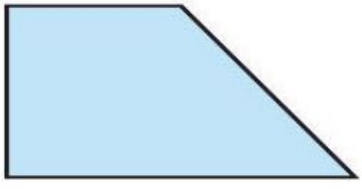
Dùng các hình tam giác nhỏ như nhau để ghép được các hình sau đây. Mỗi hình được ghép từ bao nhiêu hình tam giác như vậy?

a)



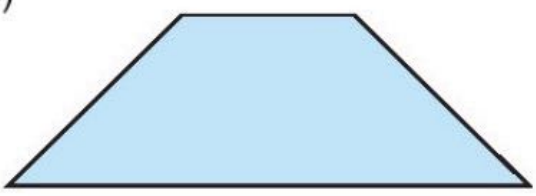
2

b)



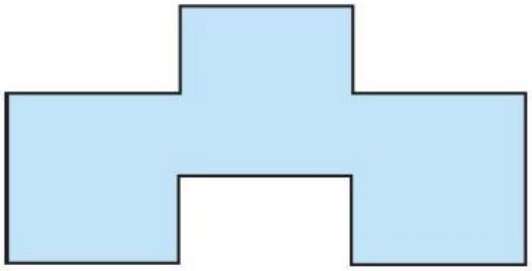
.....

c)



.....

d)

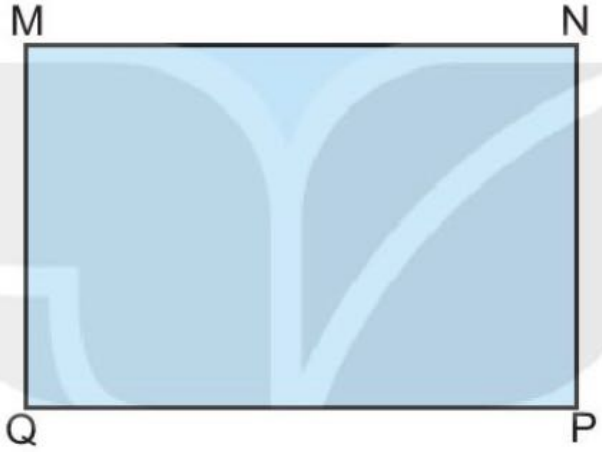


.....

Tiết 2

1 Vẽ các đoạn thẳng: AB có độ dài 6 cm và CD có độ dài 10 cm.

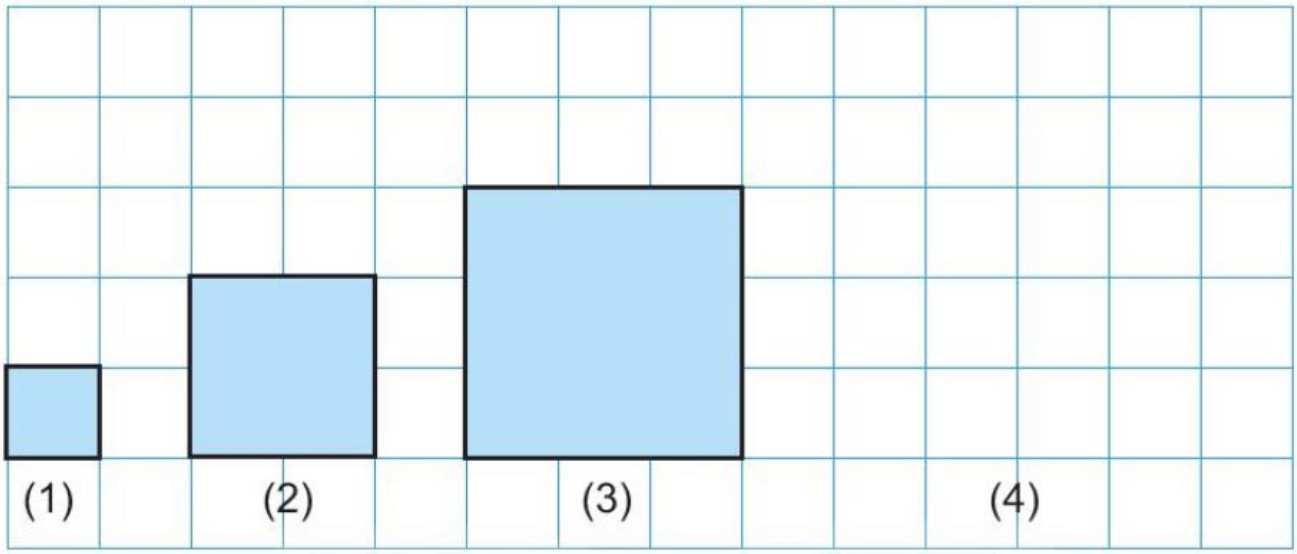
2 Cho hình chữ nhật MNPQ.



Đo độ dài các đoạn thẳng QP và MQ rồi vẽ lại các đoạn thẳng đó.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

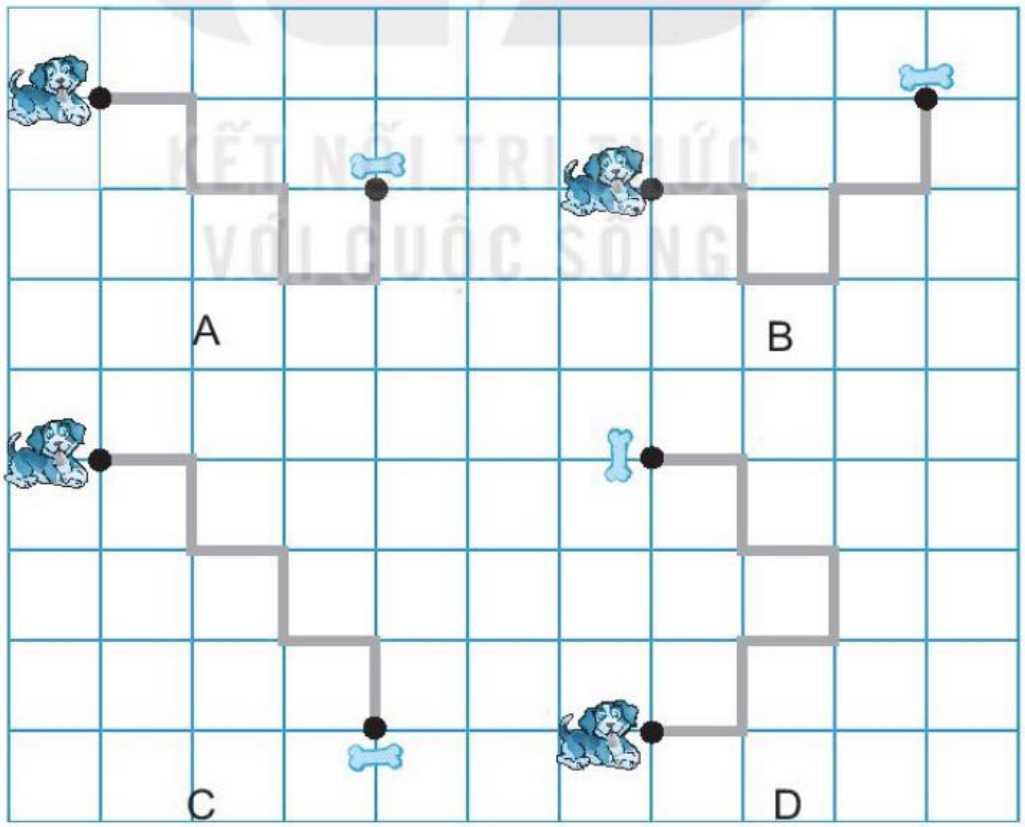
3 Vẽ hình vuông tiếp theo vào vị trí (4) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Hình vuông (4) có cạnh dài ..... cm.

4 Khoanh vào chữ đặt dưới câu trả lời đúng.

Con đường dài nhất đưa chú chó đến khúc xương là con đường nào?

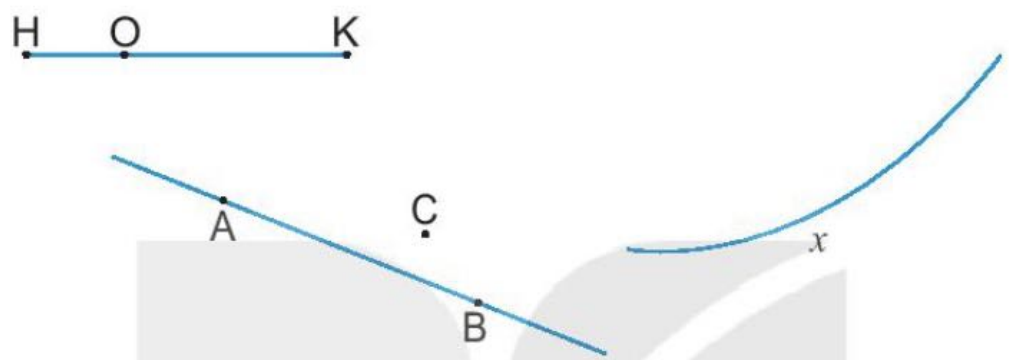


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 28

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đ, S ?



Trong hình vẽ trên có:

a) Đoạn thẳng HK. ☐ b) Đường thẳng AB. ☐

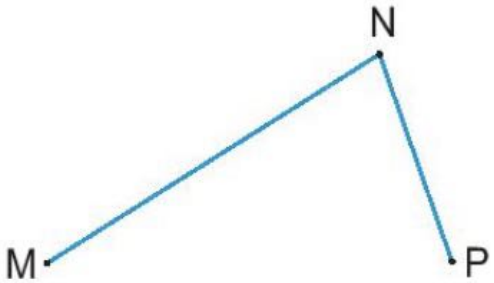
c) Đường cong x. ☐ d) Ba điểm H, O, K thẳng hàng. ☐

e) Ba điểm A, B, C thẳng hàng. ☐

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Viết tên các đoạn thẳng vào chỗ chấm.

a) Cho ba điểm M, N, P không thẳng hàng.



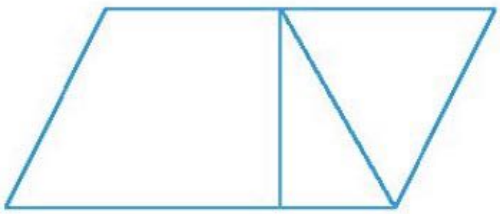
Trong hình có các đoạn thẳng: .....

b) Cho ba điểm M, N, P thẳng hàng.



Trong hình có các đoạn thẳng: .....

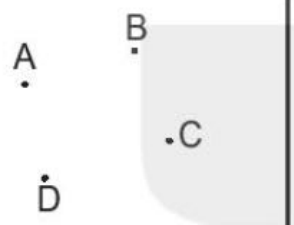
3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



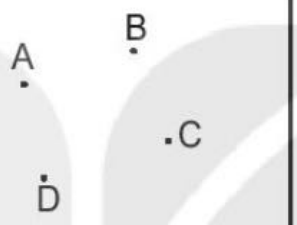
Trong hình trên có ..... hình tứ giác.

4 Nối các điểm để được:

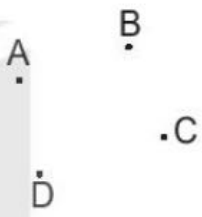
a) Một đường gấp khúc gồm ba đoạn thẳng.



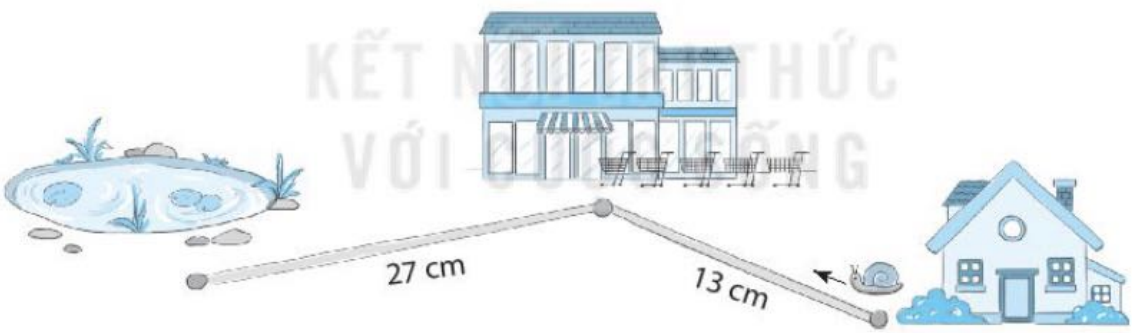
b) Một hình tam giác.



c) Một hình tứ giác.



5 Hôm qua, chú ốc sên bò 13 cm từ nhà đến siêu thị mua đồ, rồi bò thêm 27 cm từ siêu thị đến bờ ao. Tính độ dài quãng đường mà ốc sên đã bò.



Bài giải

BÀI 29

NGÀY – GIỜ, GIỜ – PHÚT

Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Mi và bố tưới rau lúc ..... giờ chiều.

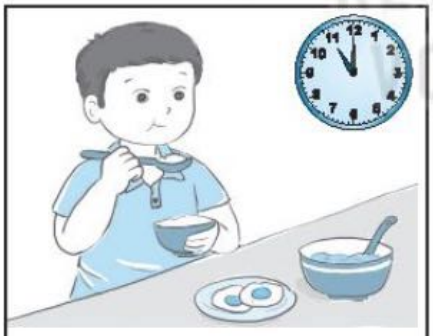


Mi và Mai đánh răng lúc ..... giờ tối.

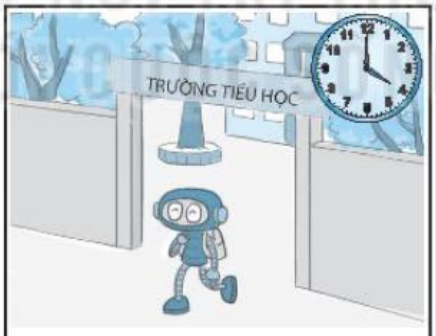


Lúc ..... giờ sáng, Mi và Mai đang ngủ.

2 Nối đồng hồ chỉ thời gian thích hợp với mỗi bức tranh.



Việt ăn cơm lúc 11 giờ trưa.



Rô-bốt tan học lúc 4 giờ chiều.



Nam chuẩn bị đồ dùng học tập lúc 9 giờ tối.

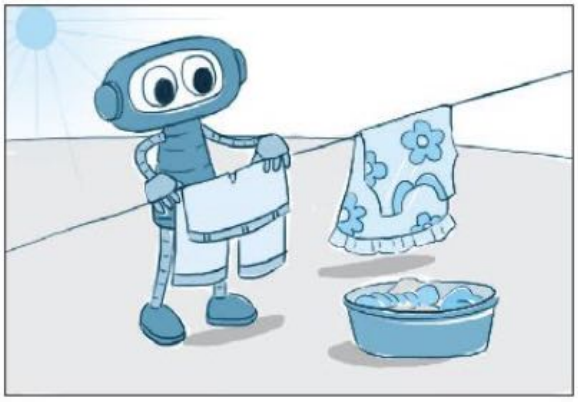






3 Khoanh vào chữ đặt trước đồng hồ chỉ thời gian thích hợp với mỗi bức tranh.

a)



A. 

B. 

b)



A. 

B. 

4 Vẽ kim đồng hồ chỉ thời gian thích hợp diễn ra mỗi hoạt động.



Nam nghe nhạc lúc 20 giờ.



Nam học vẽ lúc 9 giờ.



Nam xem hoạt hình lúc 18 giờ.



Nam chơi bóng rổ lúc 17 giờ.

Tiết 2

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Lúc ..... giờ ..... phút chiều, Nam và Việt cùng nhau đi bộ.



Lúc ..... giờ ..... phút sáng, bố cùng hai chị em làm bánh.



Lúc ..... giờ ..... phút tối, các bạn cùng dự tiệc sinh nhật Rô-bốt.

2 Nối đồng hồ chỉ thời gian thích hợp với mỗi bức tranh.



Lúc 1 giờ 15 phút sáng, Rô-bốt đang ngủ.



Rô-bốt tưới cây lúc 4 giờ 30 phút chiều.



Rô-bốt rửa bát lúc 12 giờ 15 phút trưa.







3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Mai chuẩn bị bàn ăn lúc .... giờ .... phút chiều.



Việt tập thể dục lúc .... giờ .... phút sáng.



Lúc .... giờ .... phút chiều, Nam đang học.



Lúc .... giờ .... phút tối, bố cùng Mi đọc truyện trước giờ đi ngủ.

4 Vẽ kim phút để đồng hồ chỉ thời gian diễn ra mỗi hoạt động.



Mai và Mi đi xe đạp lúc 6 giờ 15 phút sáng.



Mai và Mi vẽ tranh lúc 9 giờ 30 phút sáng.



Mai và Mi nhặt rau giúp mẹ vào lúc 5 giờ 15 phút chiều.



Mai đang đọc truyện cho Mi vào lúc 8 giờ 30 phút tối.

BÀI 30

NGÀY – THÁNG

Tiết 1

1 Nối cách đọc ngày, tháng ứng với mỗi tờ lịch.



Ngày hai mươi bảy tháng Hai

Ngày hai mươi tháng Mười một

Ngày mười chín tháng Tám

Ngày một tháng Năm

2 Xem tờ lịch sau đây rồi viết tiếp vào chỗ chấm.

THÁNG MƯỜI HAI

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

a) Rô-bốt học vẽ vào thứ Năm mỗi tuần. Vậy trong tháng 12, Rô-bốt học vẽ vào những ngày .....

b) Mi học đàn vào tối thứ Bảy hằng tuần. Vậy trong tháng 12 này, Mi có ..... buổi học đàn.

c) Nam và Việt cùng đội bóng của lớp có hai trận bóng vào Chủ nhật tuần thứ nhất và tuần thứ ba của tháng 12. Vậy đội bóng của lớp Nam và Việt có trận đấu vào ngày ..... và ngày .....

3 Xem tờ lịch tháng 1 sau đây rồi viết câu trả lời.

THÁNG MỘT

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

a) Bố của Mai muốn đưa Mai đến công viên gần nhà để tập đi xe đạp vào những ngày Chủ nhật của tháng 1. Hỏi trong tháng 1, Mai tập đi xe đạp vào những ngày nào?

.....

b) Ngày 21 tháng 1 là ngày sinh nhật của mẹ Việt. Sinh nhật của bố Việt là thứ Năm của tuần sau đó. Hỏi bố Việt sinh nhật vào ngày nào, tháng nào?

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Hôm nay là ngày Giáng sinh – ngày 25 tháng 12. Vậy ngày mai là ngày ..... tháng .....

b) Hôm qua là ngày 31 tháng 1. Vậy hôm nay là ngày ..... tháng .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 2

1 Nối cách đọc ngày, tháng ứng với mỗi tờ lịch.



Ngày ba mươi tháng Tư

Ngày hai mươi mốt tháng Sáu

Ngày năm tháng Chín

Ngày một tháng Một

2 Xem tờ lịch tháng 2 sau đây rồi viết câu trả lời.

THÁNG HAI

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28						

a) Ngày 9 tháng 2 là mồng 1 tết Nguyên đán. Rô-bốt được nghỉ học từ thứ Bảy tuần trước đó. Hỏi Rô-bốt được nghỉ học từ ngày nào?

.....

b) Sau kì nghỉ tết Nguyên đán, Rô-bốt trở lại trường học vào thứ Hai tuần thứ tư của tháng 2. Hỏi Rô-bốt trở lại trường học vào ngày nào?

.....

3 Xem tờ lịch tháng 3 sau đây rồi viết câu trả lời.

THÁNG BA

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

a) Nhân dịp 8 tháng 3 – ngày Quốc tế Phụ nữ, bố cùng hai chị em Mai và Mi bí mật chuẩn bị một món quà tặng mẹ. Ba bố con bắt đầu chuẩn bị món quà từ thứ Ba tuần trước đó. Hỏi đó là ngày nào?

.....

b) Thời gian kiểm tra giữa học kì 2 tại trường học của Rô-bốt kéo dài 3 ngày, bắt đầu từ thứ Tư cuối cùng của tháng 3. Ngày đó là ngày nào?

.....

Kì kiểm tra đó kết thúc vào ngày nào?

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Lớp học của Rô-bốt thường tổ chức tiệc vào ngày cuối cùng của mỗi tháng. Ngày 30 tháng 4 là thứ Năm nhưng là ngày nghỉ lễ nên lớp sẽ tổ chức tiệc vào một ngày trước đó.

Đó là thứ ..... ngày ..... tháng .....

BÀI 31

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM XEM ĐỒNG HỒ, XEM LỊCH

Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ:

a) Thời gian em thức dậy buổi sáng. Đó là lúc .... giờ .... phút.

b) Thời gian lớp học của em bắt đầu. Đó là lúc .... giờ .... phút.

c) Thời gian lớp em tan học. Đó là lúc .... giờ .... phút.

2 Xem thời khoá biểu của lớp em rồi viết câu trả lời.

a) Lúc 10 giờ 30 phút thứ Năm, em học môn gì?

.....

b) Em học môn gì vào lúc 15 giờ 15 phút thứ Sáu?

.....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



.... giờ .... phút



.... giờ .... phút



.... giờ .... phút

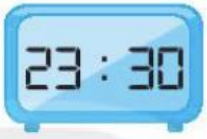


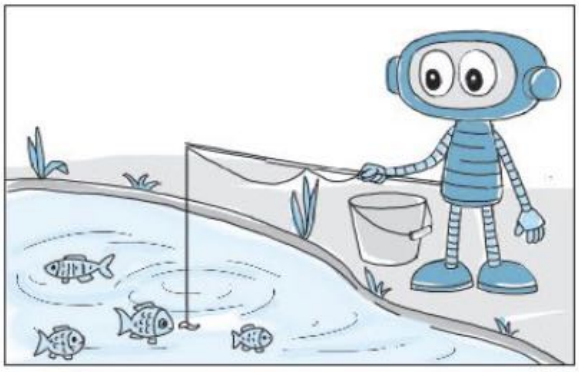
.... giờ .... phút

4 Khoanh vào chữ đặt trước đồng hồ chỉ thời gian thích hợp cho hoạt động ở mỗi bức tranh.



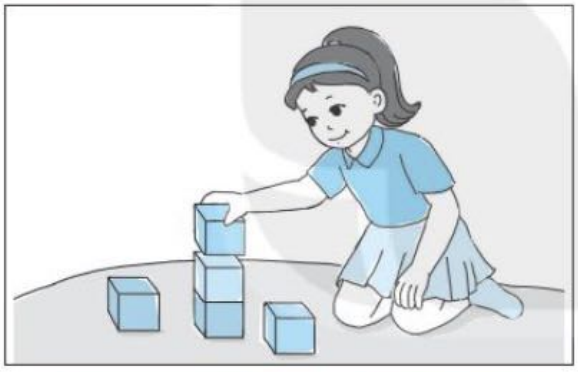
A. 

B. 



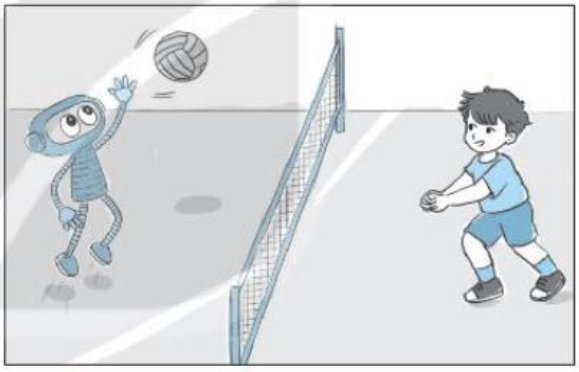
A. 

B. 



A. 

B. 



A. 

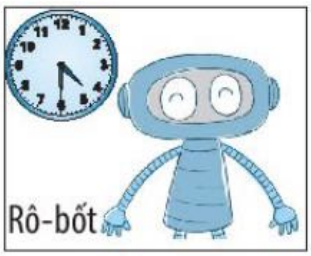
B. 

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Đồng hồ trong hình vẽ cho biết thời gian về đến nhà (sau giờ học) của mỗi bạn.









Những bạn nào về nhà trước 5 giờ chiều?

A. Nam và Mai B. Mai và Rô-bốt C. Nam và Việt

Tiết 2

1 Em xem tờ lịch tháng này rồi viết câu trả lời.

a) Trong tháng này em có tiết học Hoạt động trải nghiệm vào những ngày nào?

.....

b) Trong tháng này em có bao nhiêu ngày Chủ nhật? Đó là những ngày nào?

.....

2 Xem tờ lịch tháng 5 sau đây rồi viết câu trả lời.

THÁNG ... NĂM ...

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

a) Ngày 1 tháng 5 là ngày Quốc tế Lao động. Đó là thứ mấy?

.....

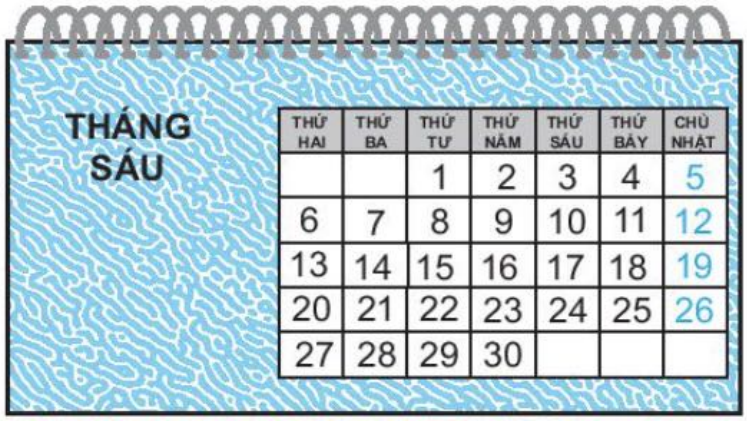
b) Nếu hôm nay là ngày 15 tháng 5 và trường của Rô-bốt sẽ tổ chức buổi tổng kết năm học vào thứ Tư tuần sau. Hỏi ngày đó là ngày nào?

.....

Kì nghỉ hè của Rô-bốt sẽ bắt đầu vào một ngày sau đó – tức thứ Năm tuần sau. Vậy Rô-bốt bắt đầu nghỉ hè vào ngày nào?

.....

3 Xem tờ lịch tháng 6 sau đây rồi viết câu trả lời.



THÁNG SÁU

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

Mỗi tuần trong tháng 6, Rô-bốt sẽ theo học một môn năng khiếu. Tuần đầu tiên, Rô-bốt học vẽ. Tuần thứ hai, Rô-bốt học đàn. Tuần thứ ba, Rô-bốt học võ. Tuần thứ tư, Rô-bốt sẽ học hát.

Biết Rô-bốt chỉ học các ngày trong tuần và nghỉ thứ Bảy, Chủ nhật.

Vậy Rô-bốt bắt đầu học vẽ ngày nào?

.....

Rô-bốt kết thúc học đàn vào ngày nào?

.....

Rô-bốt học hát từ ngày nào đến ngày nào?

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Trong một năm có bao nhiêu tháng có 30 ngày?

A. 4 tháng B. 6 tháng C. 7 tháng

b) Trong một năm có bao nhiêu tháng có ngày 30?

A. 6 tháng B. 7 tháng C. 11 tháng

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 32

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong đồng hồ bên, khi kim dài chạy qua số 1, số 2, đến số 3 thì lúc này đồng hồ chỉ:



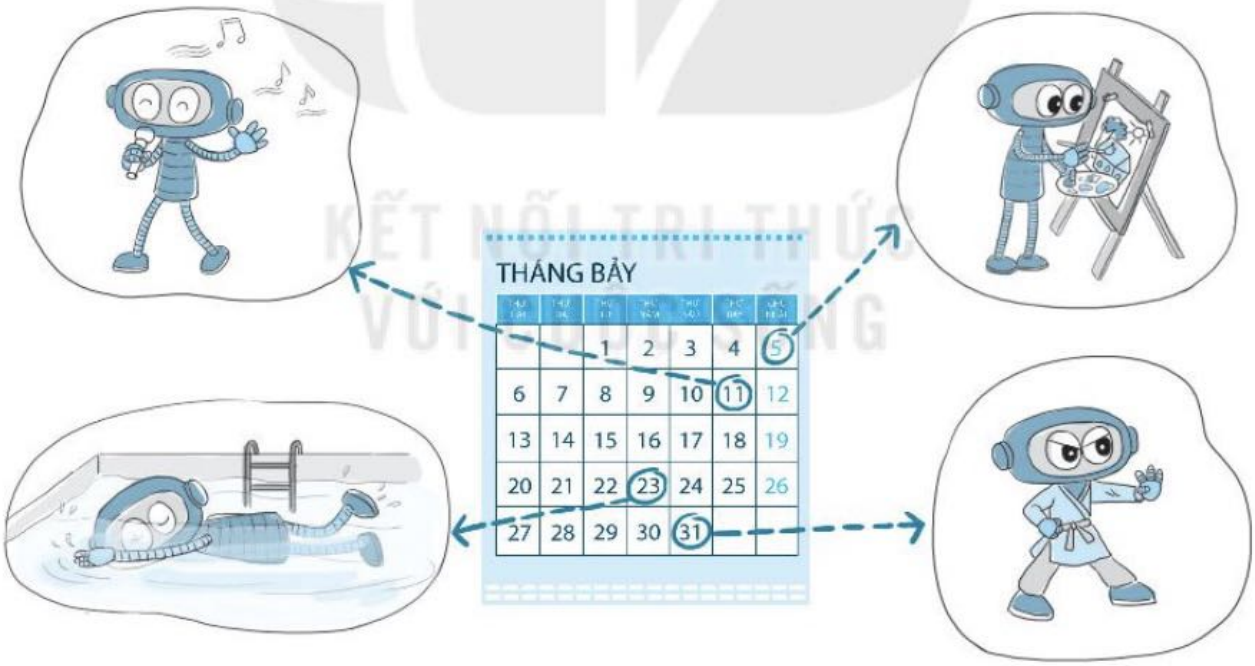
A. 3 giờ

B. 12 giờ 15 phút

C. 1 giờ 15 phút

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu).

Trong tháng 7, Rô-bốt có tham dự 4 cuộc thi khác nhau. Lịch thi được cho như trong hình vẽ.



Vậy: Rô-bốt thi vẽ vào ngày 5 tháng 7.

Rô-bốt thi đấu võ thuật vào ngày .....

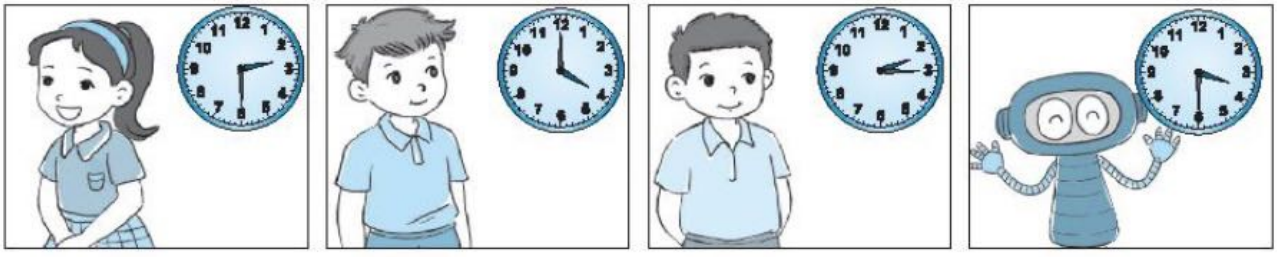
Rô-bốt thi bơi vào ngày .....

Rô-bốt thi hát vào ngày .....

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Lớp học bóng rổ bắt đầu vào lúc 15 giờ và kết thúc vào lúc 16 giờ. Học sinh không thể tham gia lớp học nếu vào lớp muộn.

Biết thời gian đến lớp học của các bạn là:



Vậy những bạn không thể tham gia lớp học đó là: .....

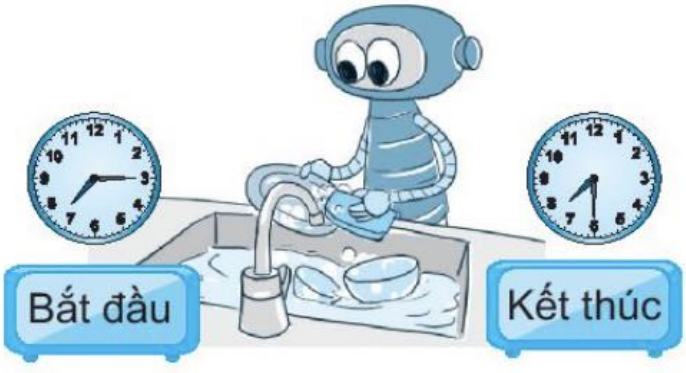
4 Quan sát tranh rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a)



Rô-bốt kết thúc học hát lúc ..... giờ ..... phút.

b)



Rô-bốt bắt đầu rửa bát lúc ..... giờ ..... phút.

BÀI 33

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20, 100

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

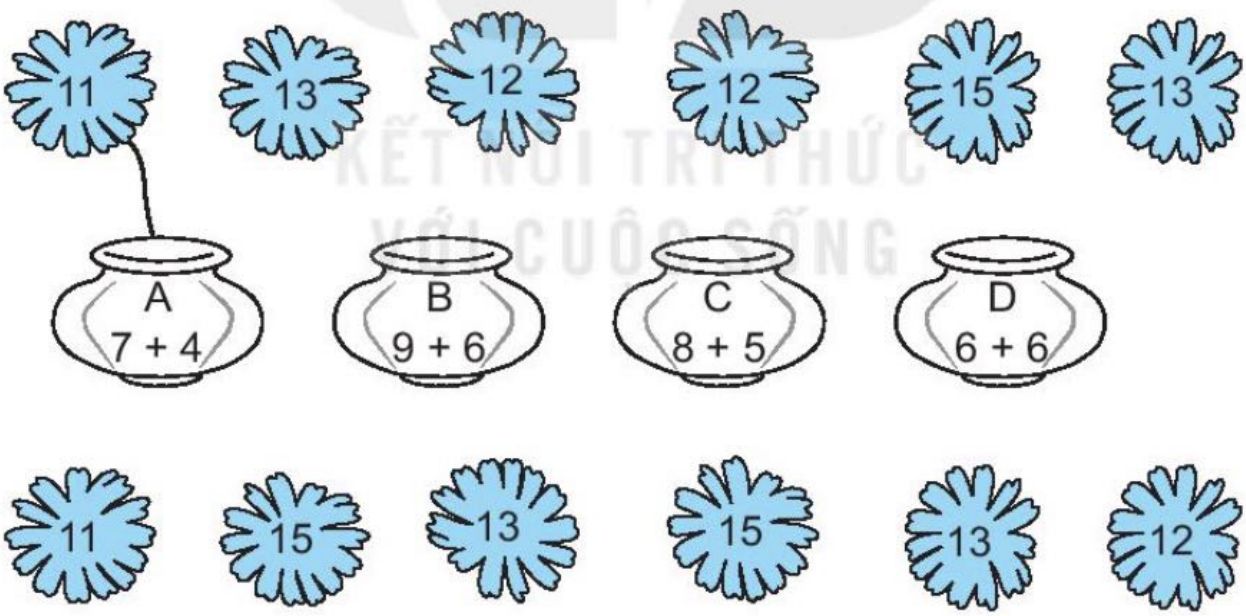
a) 6 + 7 = ... b) 8 + 6 = ... c) 9 + 3 = ...

7 + 6 = ... 6 + 8 = ... 3 + 9 = ...

13 – 7 = ... 14 – 8 = ... 12 – 3 = ...

13 – 6 = ... 14 – 6 = ... 12 – 9 = ...

2 a) Nối mỗi bông hoa với lọ hoa tương ứng (theo mẫu).

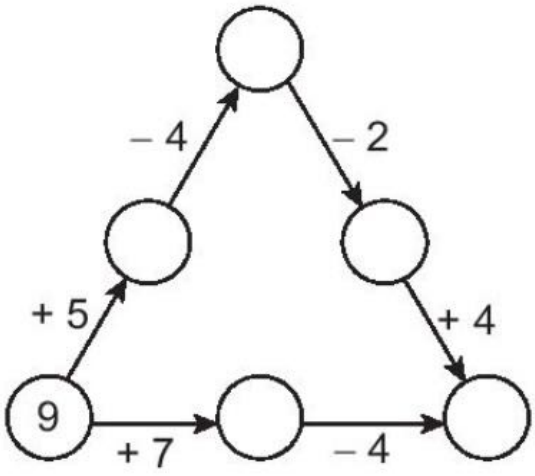


b) Viết tên các lọ hoa theo thứ tự kết quả phép tính ở mỗi lọ hoa từ bé đến lớn: A, ...

c) Tô màu đỏ vào lọ hoa nối với nhiều bông hoa nhất, màu xanh vào lọ hoa nối với ít bông hoa nhất.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Số ?

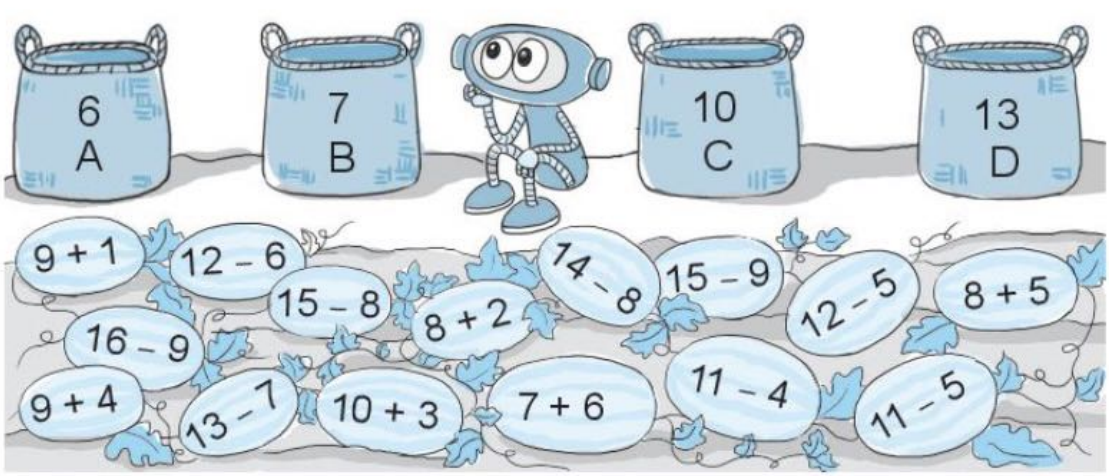


4 Lớp 2B có 12 bạn tham gia học võ, số bạn tham gia học đàn ít hơn số bạn tham gia học võ là 4 bạn. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu bạn tham gia học đàn?

Bài giải

Tiết 2

1 Rô-bốt hái dưa hấu cho vào sọt có số là kết quả phép tính ghi trên quả dưa đó.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

a) Số ?

Sọt	A	B	C	D
Số quả dưa hái được	5			

b) Viết tên sọt A, B, C, D vào chỗ chấm thích hợp.

Sọt ..... có nhiều dưa nhất. Sọt ..... có ít dưa nhất.

Sọt ..... và sọt ..... có số dưa bằng nhau.

2 >; <; = ?

a) 6 + 8 ☐ 13 9 + 4 ☐ 14 5 + 6 ☐ 11

b) 4 + 7 ☐ 7 + 4 4 + 7 ☐ 4 + 8 4 + 7 ☐ 4 + 6

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Phải lấy hai trong bốn túi gạo nào đặt lên đĩa cân bên phải để cân thăng bằng?



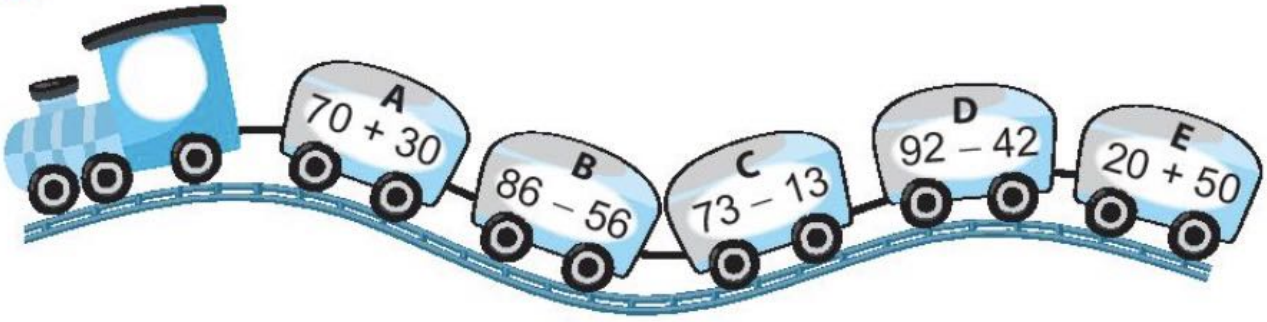
A. Túi (1) và (2) B. Túi (3) và (2) C. Túi (2) và (4)

4 Một cửa hàng buổi sáng bán được 9 máy tính, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng 4 máy tính. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu máy tính?

Bài giải

Tiết 3

1



a) Số ?

Toa	A	B	C	D	E
Kết quả phép tính	100				

b) Viết tên toa thích hợp vào chỗ chấm.

- Toa ghi phép tính có kết quả lớn nhất là toa ....., toa ghi phép tính có kết quả bé nhất là toa .....
- Những toa ghi phép tính có kết quả bé hơn 60 là toa ..... và toa .....
- Những toa ghi phép tính có kết quả lớn hơn 50 và bé hơn 100 là toa ..... và toa .....

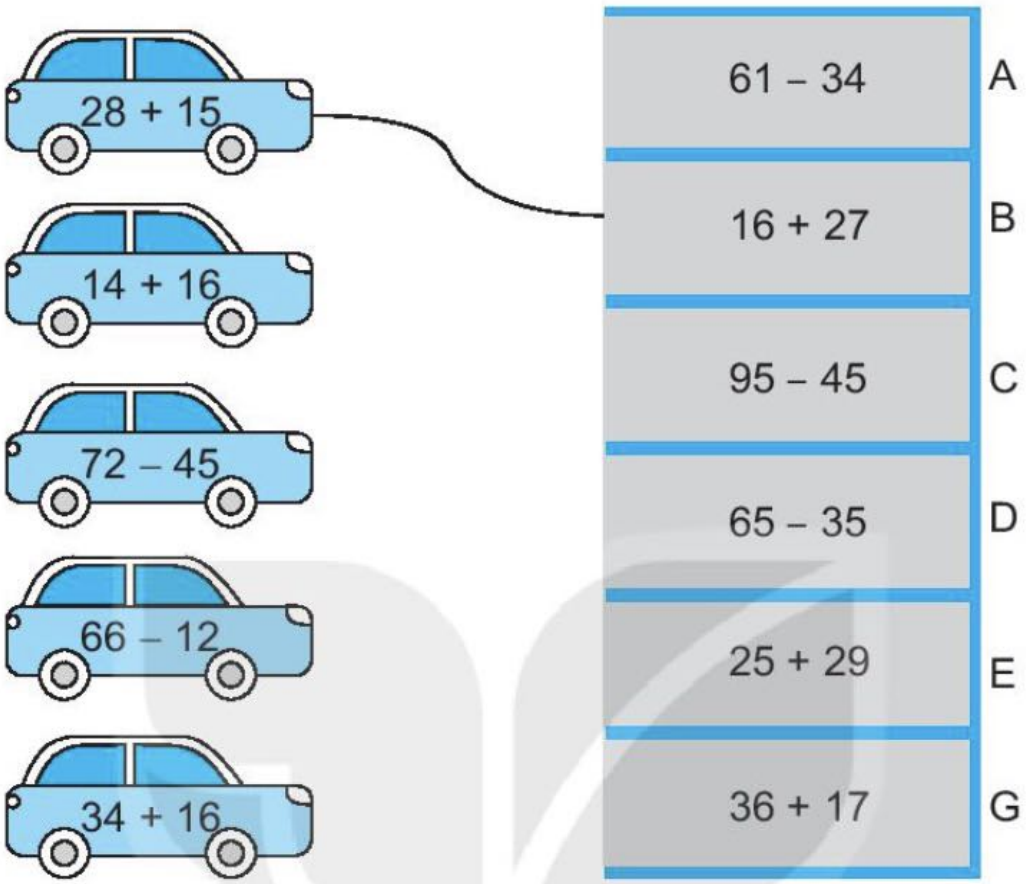
2 Đặt tính rồi tính.

47 + 25	62 – 17	28 + 43
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 a) Nối (theo mẫu).

Tìm chỗ đỗ cho ô tô.



b) Viết tên bến đỗ thích hợp vào chỗ chấm.

Bến ..... không có ô tô đỗ.

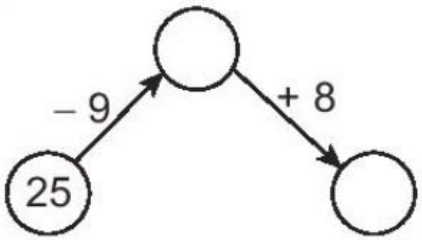
4 Một đội đồng diễn thể dục gồm có 56 người mặc áo đỏ và 28 người mặc áo vàng. Hỏi số người mặc áo đỏ nhiều hơn số người mặc áo vàng là bao nhiêu người?

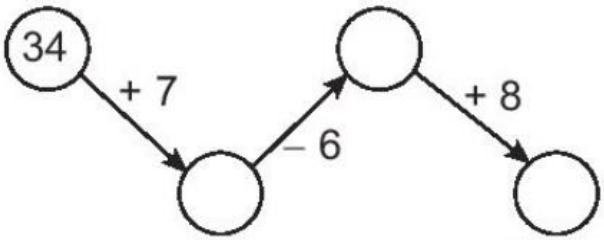
Bài giải

Tiết 4

1 Số ?

a)

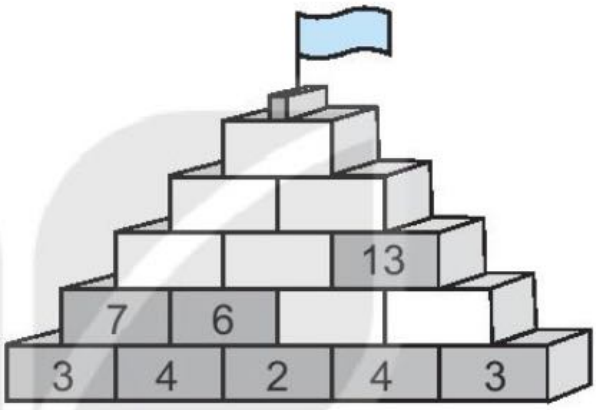




b) 13 + 13 + 13 + 13 = ☐

5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 = ☐

2 Số ?



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho bảng bên:

11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31
32	33	34	35	36	37	38
39	40	41	42	43	44	45

a) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất có trong bảng là .....

b) Hai số trong bảng có tổng bằng 24 là số ..... và .....

c) Ba số trong bảng có tổng bé nhất là các số ....., ... và .....

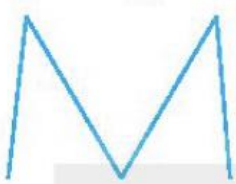
4 Một ao sen có 62 nụ sen. Sáng nay đã có 35 nụ sen nở thành hoa. Hỏi lúc này ao sen còn lại bao nhiêu nụ sen chưa nở?

Bài giải

BÀI 34 ÔN TẬP HÌNH PHẲNG

Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



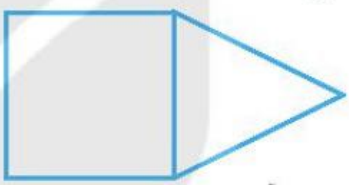
Có ..... đoạn thẳng



Có ..... đoạn thẳng

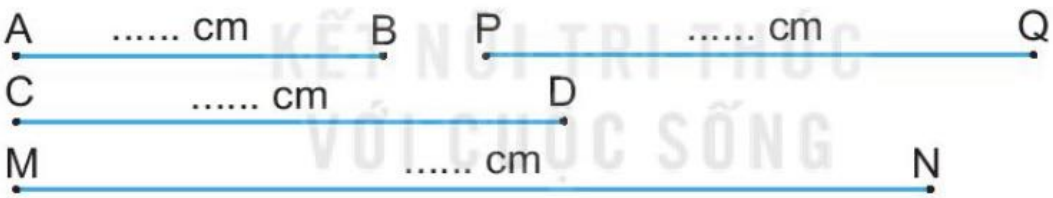


Có ..... đoạn thẳng



Có ..... đoạn thẳng

2 a) Đo độ dài mỗi đoạn thẳng rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.



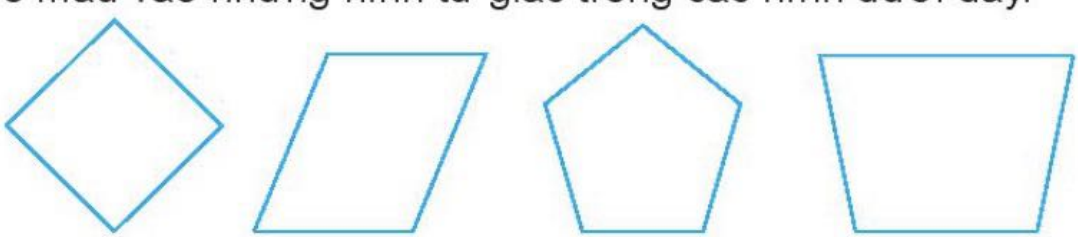
b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong các đoạn thẳng trên có:

– Đoạn thẳng ..... và đoạn thẳng ..... dài bằng nhau.

– Đoạn thẳng ..... dài nhất, đoạn thẳng ..... ngắn nhất.

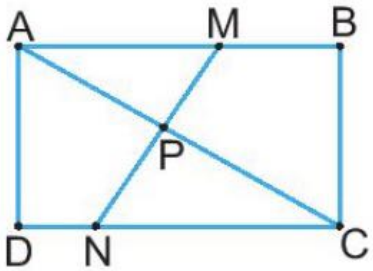
3 Tô màu vào những hình tứ giác trong các hình dưới đây.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Viết tên ba điểm thẳng hàng có trong hình sau.

Mẫu: A, M, B là ba điểm thẳng hàng.

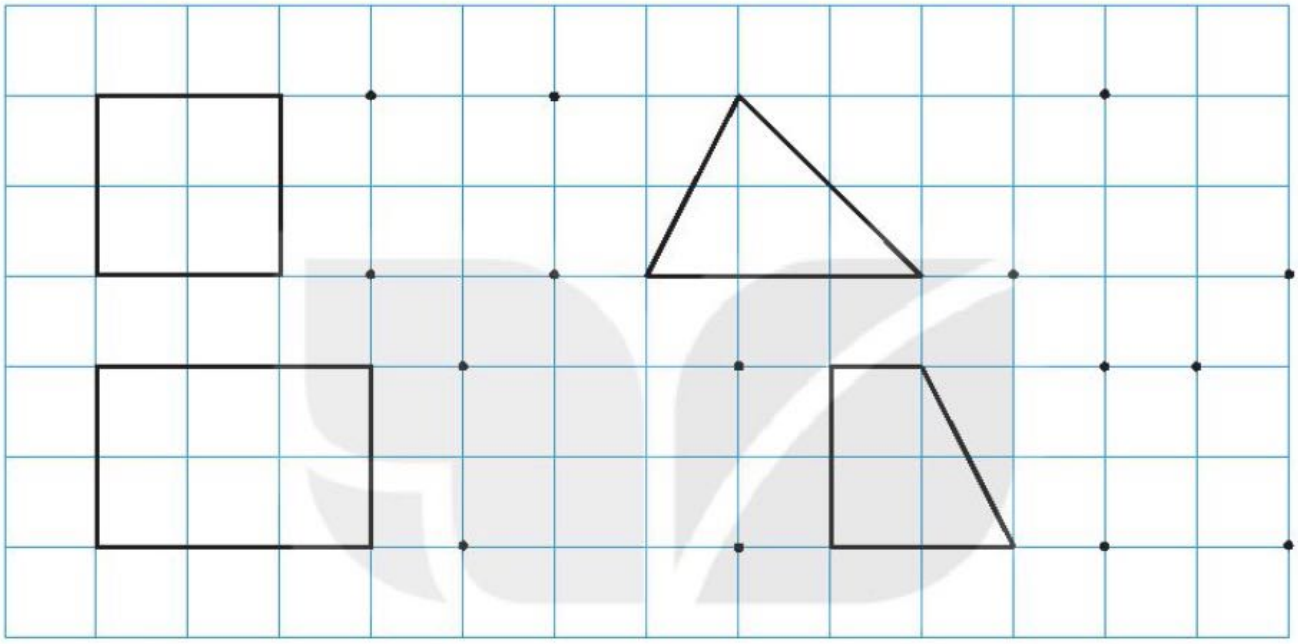


.....

.....

.....

5 Vẽ hình (theo mẫu).



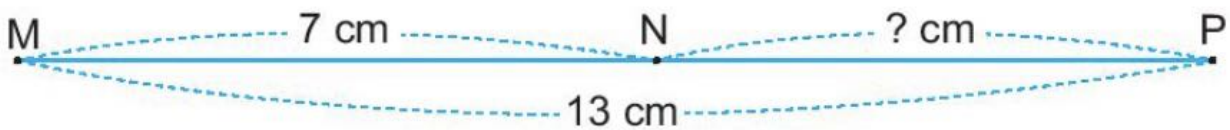
Tiết 2

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1 a) Vẽ đoạn thẳng AB dài 6 cm.

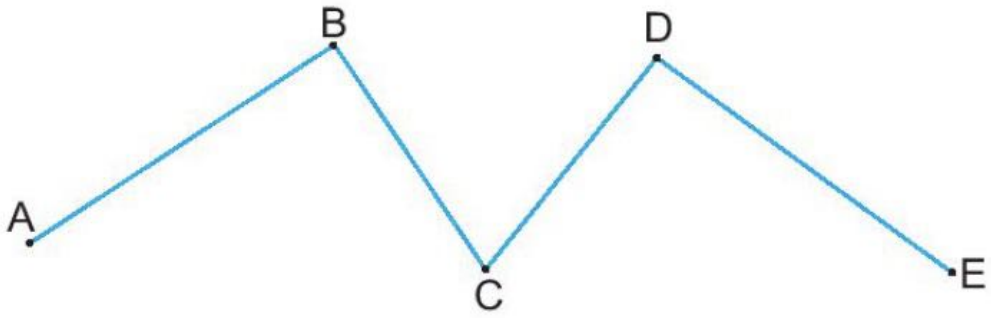
b) Vẽ đoạn thẳng CD dài 9 cm.

2 a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Độ dài đoạn thẳng NP là: .....

b) Đo độ dài mỗi đoạn thẳng rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



AB = ... cm, BC = ... cm, CD = ... cm, DE = ... cm

Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: .....

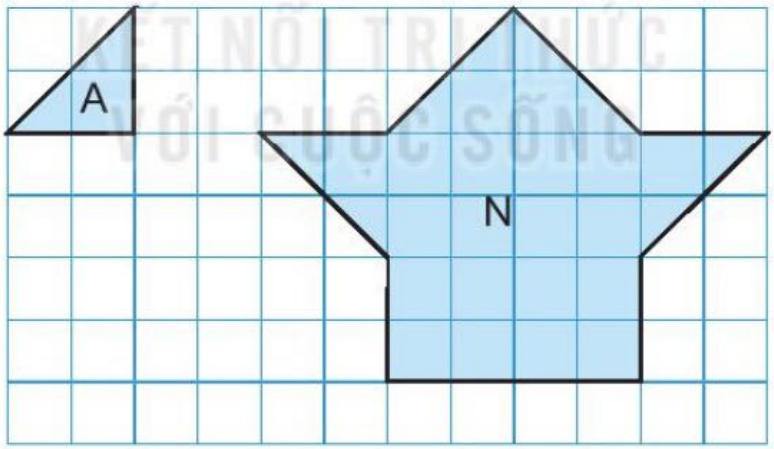
3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Hình thích hợp đặt vào dấu "?" là:

A. 
B. 
C. 
D. 

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

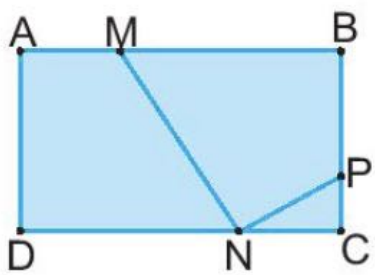


Hình N được xếp bởi ..... hình A.

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Số hình tứ giác có trong hình bên là:

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5



BÀI 35

ÔN TẬP ĐO LƯỜNG

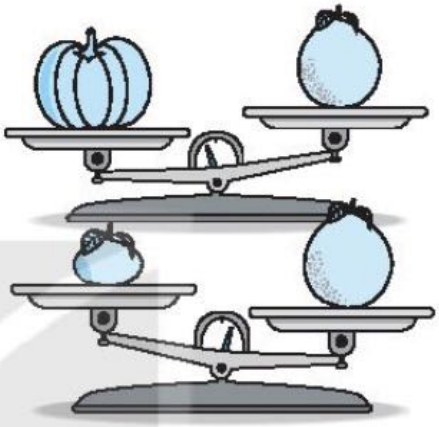
Tiết 1

1 Đ, S ?

a) Quả bí ngô nặng hơn quả bưởi. ☐

b) Quả bưởi nặng hơn quả cam. ☐

c) Quả cam nặng hơn quả bí ngô. ☐

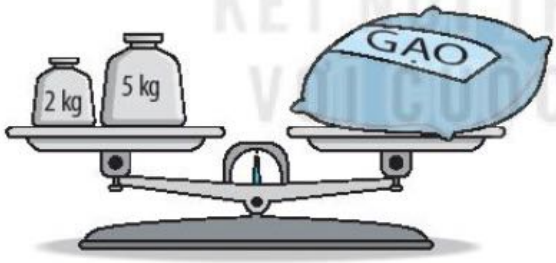


2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

48 kg + 35 kg = ... kg

65 kg – 27 kg = ... kg

3 Quan sát tranh.





a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

..... kg + ... kg = ... kg

..... kg – ..... kg = ... kg

Túi gạo cân nặng ..... kg.

Con thỏ cân nặng ..... kg.

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cả túi gạo và con thỏ cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 13 kg

B. 12 kg

C. 11 kg

4 Con lợn cân nặng 42 kg, con chó nhẹ hơn con lợn 25 kg. Hỏi con chó cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có bốn con dê muốn sang sông để ăn cỏ. Rô-bốt nói: "Thuyền chỉ chở thêm được nhiều nhất 51 kg". Hỏi ba con dê nào sau đây không thể cùng nhau sang sông?

A. Ba con dê cân nặng 15 kg, 17 kg, 19 kg.

B. Ba con dê cân nặng 16 kg, 17 kg, 19 kg.

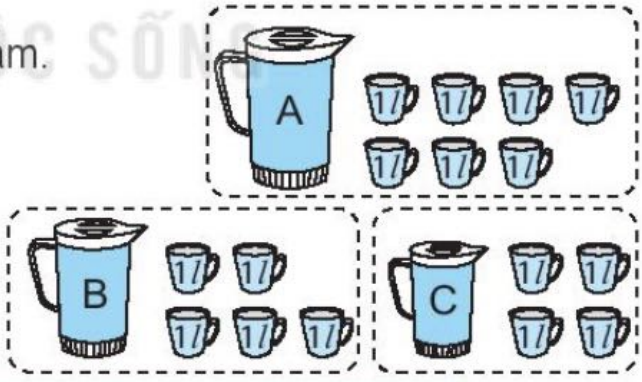
C. Ba con dê cân nặng 15 kg, 16 kg, 17 kg.

Tiết 2

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Có ba bình chứa đầy nước. Bạn Mai đã rót hết nước ở các bình sang đầy các ca 1 *l* thì được số ca 1 *l* tương ứng như hình vẽ.



a)

Bình	A	B	C
Mỗi bình chứa được	7 *l*	..... *l*	..... *l*

b) Cả ba bình chứa được bao nhiêu lít nước?

..... *l* + ... *l* + ... *l* = ... *l*

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 25 *l* + 30 *l* = ... *l*

55 *l* – 30 *l* = ... *l*

55 *l* – 25 *l* = ... *l*

40 *l* + 20 *l* = ... *l*

..... *l* – 20 *l* = 40 *l*

..... *l* – 40 *l* = 20 *l*

b) 37 *l* + 4 *l* – 20 *l* = ... *l*

53 *l* – 8 *l* + 30 *l* = ... *l*

3 Lớp 2A có 18 bạn tham gia học bơi, số bạn tham gia học hát nhiều hơn số bạn tham gia học bơi là 3 bạn. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu bạn tham gia học hát?

Bài giải

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong thùng có 20 *l* nước. Múc hết nước từ thùng rót vào đầy các can. Có thể rót vào đầy tất cả các can trong phương án nào sau đây?



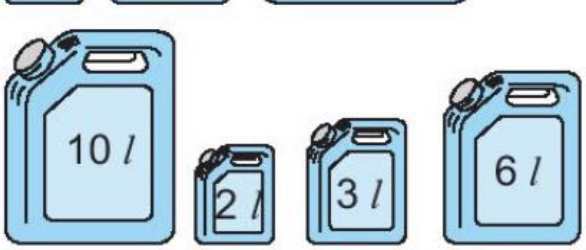
A.



B.



C.



BÀI 36

ÔN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a)



Số thích hợp viết vào ô trống là:

A. 58 B. 59 C. 60 D. 61

b) Số lớn nhất trong các số 45, 39, 86, 68 là:

A. 45 B. 39 C. 86 D. 68

c) Nếu ngày 16 tháng 11 là thứ Tư thì ngày 20 tháng 11 là:

A. Thứ Năm B. Thứ Sáu C. Thứ Bảy D. Chủ nhật

2 Nối mỗi bức tranh với đồng hồ thích hợp.



Nam tới trường lúc 7 giờ 30 phút.











Nam làm bài tập lúc 3 giờ chiều.



Nam tập bơi lúc 5 giờ 15 phút chiều.



Nam tập đàn lúc 8 giờ 30 phút tối.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Đặt tính rồi tính.

a) 45 + 8 ....

9 + 56 ....

37 + 48 ....

b) 52 – 7 ....

63 – 59 ....

94 – 75 ....

4 Mẹ cân nặng 49 kg, bố nặng hơn mẹ 16 kg. Hỏi bố cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

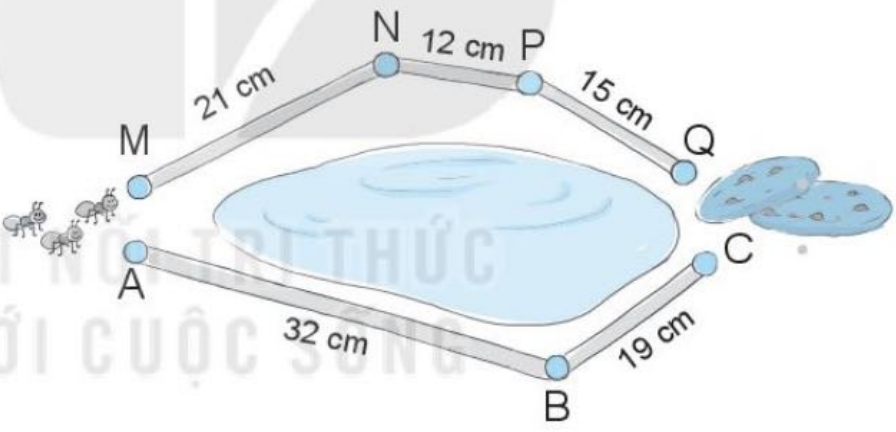
Bài giải

5 Đ, S ?

Có hai đường để kiến đến chỗ miếng bánh như hình dưới đây.

a) Độ dài đường đi ABC dài hơn độ dài đường đi MNPQ. ☐

b) Độ dài đường đi ABC ngắn hơn độ dài đường đi MNPQ. ☐



Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a)


M


N



E

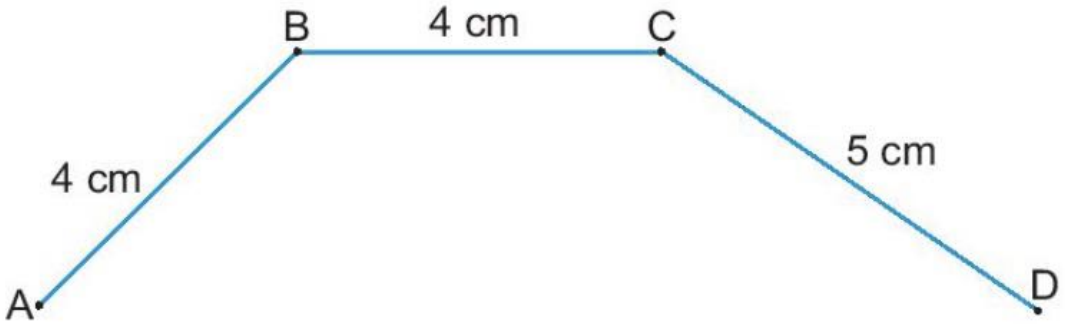


G

Hai đồng hồ chỉ cùng giờ vào buổi chiều là:

A. N và E B. N và G C. M và E

b)

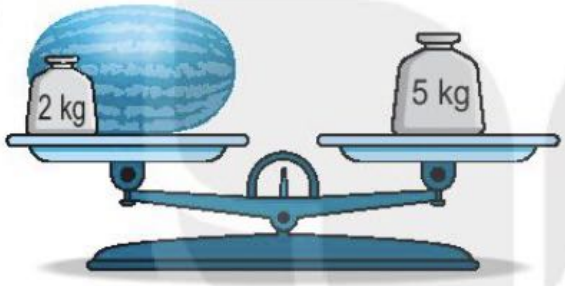


Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

A. 8 cm B. 13 cm C. 31 cm

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a)



Quả dưa cân nặng ..... kg.

b) Rót đầy ba ca từ một can chứa đầy nước.



Trong can còn lại ..... *l* nước.

3 Hưởng ứng phong trào vẽ tranh tuyên truyền bảo vệ môi trường, lớp 2A vẽ được 17 bức tranh, lớp 2B vẽ được nhiều hơn lớp 2A là 8 bức tranh, lớp 2C vẽ được 20 bức tranh. Hỏi:

a) Lớp 2B vẽ được bao nhiêu bức tranh?

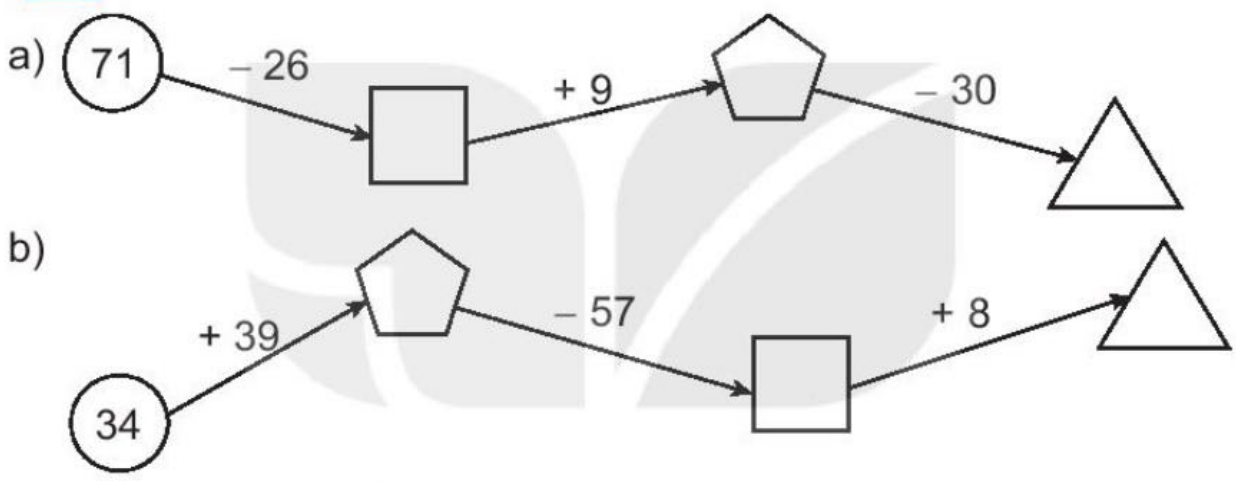
Bài giải

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) Lớp 2A và lớp 2C vẽ được bao nhiêu bức tranh?

Bài giải

4 Số ?



5 Có một cân hai đĩa, một quả cân 5 kg và một quả cân 2 kg. Hỏi chỉ dùng hai lần cân, làm thế nào lấy được 1 kg gạo từ thùng gạo to?

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG